

QUYỀN NUÔI CON NUÔI CỦA NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI TẠI VIỆT NAM

THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ



Hà Nội, tháng 9, 2015

Báo cáo viết cho UNDP Việt Nam

Nhóm Nghiên cứu gồm các luật sư, thành viên của Văn phòng Luật sư NHQuang và Cộng sự:

- Luật sư Nguyễn Hưng Quang – Trưởng Nhóm Nghiên cứu
- Luật sư Nguyễn Tiến Lập – Cố vấn
- Luật sư Nguyễn Thùy Dương – Thành viên
- Luật sư Nguyễn Ngọc Hà – Thành viên
- Luật sư Trần Ngọc Khánh Linh – Thành viên
- Luật sư Đỗ Hoàng Phúc – Thành viên
- Nghiên cứu viên Nhâm Thị Thanh Huyền – Thành viên
- Nghiên cứu viên Phạm Thị Thanh Luyến – Thành viên

Trích dẫn: UNDP-USAID Vietnam 2014. Quyền nuôi con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới tại Việt Nam - Thực trạng và Khuyến nghị.

Các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là của các tác giả và không nhất thiết phải đại diện cho Liên Hợp Quốc, trong đó có UNDP hoặc bất kỳ thành viên nào của Liên Hợp Quốc.

Phụ trách dự án: Lê Nam Hương, Liễu Anh Vũ, UNDP Việt Nam.

Thiết kế trang bìa: Phan Hương Giang, UNDP Việt Nam. Thiết kế hình họa của ICS.

CẢNH BÁO SỬ DỤNG

Quan điểm trong ấn phẩm này là của tác giả và không nhất thiết đại diện cho Liên Hợp Quốc, bao gồm cả UNDP hay cơ quan, quỹ hoặc chương trình nào khác của Liên Hợp Quốc.

Quan điểm của tác giả thể hiện trong ấn phẩm này không nhất thiết thể hiện quan điểm của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ hay Chính phủ Hoa Kỳ.

LỜI NÓI ĐẦU

Nghiên cứu “**Quyền nuôi con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) tại Việt Nam – Thực trạng và Khuyến nghị**” được thực hiện với sự hỗ trợ của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNDP) và Cơ quan Phát triển Hoa Kỳ (USAID). Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 3 tới tháng 8 năm 2014, cùng trong thời gian này Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 7 đã thảo luận và thông qua Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi. Vận động cho việc ghi nhận quyền kết hôn và các quyền liên quan của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) tại Việt Nam phù hợp với các quy định về quyền con người theo các điều ước quốc tế là một trong những nội dung chính được trao đổi và thảo luận rộng rãi trong tiến trình này.

Nhóm Nghiên cứu chân thành cảm ơn UNDP, USAID, Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học về Giới - Gia đình - Phụ nữ và Vị thành niên (CSAGA), các chuyên gia đến từ các cơ quan lập pháp, hành pháp, các cơ sở đào tạo luật, các tổ chức xã hội trong nước và quốc tế, các cơ sở hành nghề luật và các phóng viên tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ đã nhiệt tình hỗ trợ công tác nghiên cứu và có những nhận xét quý báu đối với Báo cáo này.

Đặc biệt, Nhóm Nghiên cứu cảm ơn cộng đồng LGBT tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ đã nhiệt tình hỗ trợ Nhóm Nghiên cứu trong suốt quá trình thực hiện khảo sát. Những chia sẻ chân thành từ các thành viên của cộng đồng LGBT đã giúp Nhóm Nghiên cứu có được cái nhìn sâu sắc về những khó khăn và mong muốn của cộng đồng LGBT tại Việt Nam liên quan tới vấn đề nuôi con nuôi.

Mục Lục

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	5
BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ.....	6
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU.....	8
1.1 Bối cảnh và lý do nghiên cứu.....	8
1.2 Phương pháp nghiên cứu.....	10
CHƯƠNG 2: KHÁI QUÁT HIỆN TRẠNG PHÁP LUẬT	13
2.1 Khái quát về các điều ước quốc tế về xu hướng tính dục, bản dạng giới và quyền trẻ em nhìn từ góc độ bảo vệ quyền trong lĩnh vực hôn nhân gia đình và nuôi con nuôi.....	13
2.1.1 Xu hướng tính dục và bản dạng giới trong các điều ước quốc tế.....	13
2.1.2 Quyền của trẻ em trong các điều ước quốc tế.....	16
2.2 Khái quát các quy định pháp luật Việt Nam về xu hướng tính dục, bản dạng giới và quyền trẻ em nhìn từ góc độ bảo vệ quyền trong lĩnh vực hôn nhân gia đình và nuôi con nuôi.....	18
2.2. Xu hướng tính dục và bản dạng giới trong hệ thống pháp luật Việt Nam.....	18
2.2.2 Quyền của trẻ em trong hệ thống pháp luật Việt Nam	20
CHƯƠNG 3: MONG MUỐN VỀ CON CÁI.....	24
3.1. Nhu cầu chung sống, nuôi con và nhận nuôi con nuôi.....	24
3.1.1 Nhu cầu chung sống và kết hôn.....	24
3.1.2 Nhu cầu có con và nhận nuôi con nuôi.....	24
3.1.3 Mức độ chủ động tìm hiểu về việc nuôi con nuôi	26
3.2. Thực tế chung sống, nuôi con và nhận nuôi con nuôi	30
3.2.1 Tình trạng hôn nhân và gia đình.....	30
3.2.2 Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình chung sống, nuôi con và các yếu tố tác động.....	31
3.3. Nguyên vọng và đề xuất của người đồng tính, song tính và chuyển giới và người thân.....	44
3.3.1 Đề xuất sửa đổi quy định pháp luật liên quan tới chung sống, nuôi con và nhận nuôi con nuôi	44
3.3.2 Xu hướng hành động.....	46
CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	48
4.1. KẾT LUẬN.....	48
4.2. KHUYẾN NGHỊ.....	49
4.2.1 Khuyến nghị sửa đổi Bộ luật Dân sự.....	49
4.2.2. Khuyến nghị sửa đổi Luật Nuôi con nuôi.....	50
4.2.3. Khuyến nghị sửa đổi Luật Bình đẳng giới	51
4.2.4. Khuyến nghị sửa đổi Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em	52
4.2.5. Khuyến nghị sửa đổi Luật Hộ tịch.....	52

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Bộ Luật Dân sự	Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005
“Come-out”	Tự bộc lộ (cho người khác biết) về xu hướng tính dục và bản dạng giới của mình
CSAGA	Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học về Giới, Gia đình, Phụ nữ và Vị thành niên
ICCPR	Công ước quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị năm 1966
ICESRC	Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa năm 1966
ICS	Trung tâm Kết nối và chia sẻ thông tin
iSEE	Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường
LGBT	Viết tắt của từ “Lesbian, Gay, Bisexual, Transgender”, có nghĩa là đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính và chuyển giới
Luật BDG	Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, được thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2006.
Luật BVCSGDTE	Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em số 25/2004/QH11 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2004
Luật Hôn nhân và Gia đình	Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2014
Luật Nuôi con nuôi	Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2014
NGO	Tổ chức phi chính phủ
Tp.	Thành phố
UBND	Ủy ban nhân dân
UDHR	Tuyên ngôn thế giới về Quyền con người năm 1948
UNDP	Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc
USAID	Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Thuật ngữ	Định nghĩa
Giới	Đề cập đến những vai trò, hành vi, hoạt động và thuộc tính được vun đắp trong môi trường xã hội mà một xã hội nhất định cho là phù hợp với nam và nữ ¹ .
Giới tính sinh học	Đề cập đến các đặc điểm sinh học và tâm lý để xác định nam giới và nữ giới.
Bản dạng giới	Cảm giác nội tại của một cá nhân về việc mình là nam, nữ hay trạng thái nào khác. Vì là cảm nhận nội tại nên bản dạng giới của mỗi người không nhất thiết phải thể hiện trước những người khác ² .
Xu hướng tính dục	Sự hấp dẫn về mặt tính dục và cảm xúc của một người dành cho người khác. Các xu hướng tính dục <i>điển hình</i> bao gồm sự hấp dẫn với những người cùng giới (đồng tính), sự hấp dẫn với những người khác giới (dị tính), và sự hấp dẫn với cả hai giới (song tính).
LGBT	Cụm từ viết tắt tiếng Anh của đồng tính, song tính và chuyển giới.
Đồng tính	Sự hấp dẫn về mặt cảm xúc hoặc tình dục chủ yếu, hoặc chỉ dành riêng, cho người cùng giới.
Dị tính	Sự hấp dẫn về mặt cảm xúc hoặc tình dục chủ yếu, hoặc chỉ dành riêng, cho người khác giới.
Song tính	Sự hấp dẫn về mặt cảm xúc hoặc tình dục dành cho cả người cùng giới lẫn người khác giới.
Chuyển giới	Thuật ngữ bao trùm dùng để chỉ người có bản dạng giới, biểu hiện hay hành vi giới khác biệt với những biểu hiện, hành vi điển hình gắn liền với giới tính được chỉ định khi người đó sinh ra. Không phải người chuyển giới nào cũng có thể hoặc muốn trải qua trị liệu hormone hoặc giải phẫu chuyển đổi giới tính.
Chuyển đổi giới tính	Thuật ngữ chỉ những người đã thực hiện thay đổi vĩnh viễn cơ thể của mình, hoặc sẽ làm điều đó, thông qua can thiệp y học nhằm đạt được các đặc điểm cơ thể của giới tính khác.
Chuyển giới nữ (MTF)	Viết tắt của cụm từ tiếng Anh “male to female”, có nghĩa là người chuyển giới từ “nam sang nữ”. Đây là trường hợp một người được chỉ định là nam khi sinh ra, nhưng lại nhận dạng và sống như người nữ ³ . Họ thường muốn được gọi là <i>phụ nữ chuyển giới</i> , hay chỉ đơn giản là <i>phụ nữ</i> .
Chuyển giới nam (FTM)	Viết tắt của cụm từ tiếng Anh “female to male”, có nghĩa là người chuyển từ “nữ sang nam”. Đây là trường hợp một người được chỉ định là nữ khi sinh

¹ <http://www.who.int/gender/whatisgender/en/>

² http://transequality.org/Resources/TransTerminology_2014.pdf

³ http://transequality.org/Resources/TransTerminology_2014.pdf

	ra, nhưng lại nhận dạng và sống như người nam. Họ thường muốn được gọi là <i>đàn ông chuyển giới</i> , hay chỉ đơn giản là <i>đàn ông</i> .
Người liên giới tính	Thuật ngữ chung được sử dụng để chỉ một loạt các trạng thái mà một người khi sinh ra có cơ quan sinh sản và sinh dục không phù hợp với những khái niệm điển hình về nam giới hay nữ giới ⁴ .
Công khai/Bộc lộ ("Come-out")	Đề cập đến quá trình một người thừa nhận và chấp nhận xu hướng tính dục và bản dạng giới của mình. Quá trình này cũng bao gồm việc một người tiết lộ xu hướng tính dục và bản dạng giới của mình cho người khác biết.
Phẫu thuật xác định lại giới tính	Các can thiệp giải phẫu được giám sát bởi bác sĩ, và chỉ là một phần nhỏ trong quá trình chuyển đổi giới tính. Thay đổi giới tính khi sinh ra không phải chỉ một bước mà là một quá trình phức tạp diễn ra trong một thời gian dài. Quá trình chuyển đổi có thể bao gồm tất cả hoặc chỉ một số bước sau: nói với gia đình, bạn bè, đồng nghiệp; sử dụng tên gọi và xưng hô khác; ăn mặc khác đi; đổi tên và giới tính trên giấy tờ; trị liệu học môn; và có thể (không phải lúc nào cũng cần thiết) thực hiện một hoặc một vài ca giải phẫu ⁵ .
Giám hộ	Giám hộ là việc cá nhân, tổ chức (sau đây gọi chung là người giám hộ) được pháp luật quy định hoặc được cử để thực hiện việc chăm sóc và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự (sau đây gọi chung là người được giám hộ) ⁶ .
Đại diện	Đại diện là việc một người (sau đây gọi là người đại diện) nhân danh và vì lợi ích của người khác (sau đây gọi là người được đại diện) xác lập, thực hiện giao dịch dân sự trong phạm vi đại diện ⁷ .
Người giám hộ	Cá nhân hoặc tổ chức được pháp luật quy định hoặc được cử để thực hiện việc chăm sóc và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự.
Người được giám hộ	Người chịu sự giám hộ của người giám hộ. Người được giám hộ bao gồm: (a) Người chưa thành niên không còn cha, mẹ, không xác định được cha, mẹ hoặc cha, mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ hoặc cha, mẹ không có điều kiện chăm sóc, giáo dục người chưa thành niên đó và nếu cha, mẹ có yêu cầu; (b) Người mất năng lực hành vi dân sự ⁸ .
Người đại diện	Người nhân danh và vì lợi ích của một người khác xác lập thực hiện các giao dịch trong phạm vi thẩm quyền đại diện ⁹ . Người đại diện có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền.

⁴ http://www.isna.org/faq/what_is_intersex

⁵ <http://www.glaad.org/reference/transgender>

⁶ Bộ luật Dân sự, Điều 58, Khoản 1

⁷ Bộ luật Dân sự, Điều 139

⁸ Bộ luật Dân sự, Điều 58, Khoản 2

⁹ Từ điển Luật học, Nxb Từ điển bách khoa, Tr. 575



CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU

1.1 Bối cảnh và lý do nghiên cứu

Tại Việt Nam, người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) gặp phải sự kỳ thị và phân biệt đối xử mức phổ biến. Trong một khảo sát đối với 3.000 người đồng tính nam¹⁰ và 40 người đồng tính nữ, 95% người trả lời cho biết họ đã từng bị kỳ thị và phân biệt đối xử dưới những dạng thức khác nhau¹¹. Kỳ thị và phân biệt đối xử đối với người đồng tính, song tính và chuyển giới là sự kì thị dựa trên sự khác biệt về xu hướng tính dục và bản dạng giới của họ, được thể hiện dưới nhiều hình thức, từ xã hội đến cộng đồng, từ nơi làm việc đến trong cả gia đình của họ.

Trong một vài năm trở lại đây, vấn đề quyền của cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới đã có thêm nhiều cơ hội được giải quyết tại Việt Nam. Bên cạnh việc vận động cho quyền kết hôn của các cặp đôi cùng giới tính, các nhóm cộng đồng cũng như các tổ chức xã hội hành động vì đa dạng giới và tính dục đã bắt đầu quan tâm tới vấn đề quyền nuôi con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới. Và trong bối cảnh Luật Hôn nhân và Gia đình mới được ban hành và dự thảo Bộ Luật Dân sự đang được xây dựng và góp ý, các tổ chức xã hội dân sự đã có nhiều cơ hội hơn trong việc yêu cầu ghi nhận quyền nuôi con nuôi của nhóm thiểu số giới và tính dục tại Việt Nam.

Trong quá trình thảo luận về dự thảo Luật Hôn nhân và Gia đình tại Quốc hội, đã có những ý kiến cho rằng nên thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính nhưng cũng có những ý kiến đề nghị tiếp tục cấm và những ý kiến đề nghị bỏ quy định cấm mà thay vào đó là những quy định có nội dung liên quan đến việc giải quyết những vấn đề phát sinh từ việc sống chung giữa những người cùng giới tính, như vấn đề tài sản, con cái (nếu có)¹². Trên thực tế, Nghị định 110/2013/NĐ-CP quy định Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp và hợp tác xã đã loại bỏ chế tài xử phạt hành chính đối với hành vi “kết hôn giữa những người cùng giới tính”. Tiếp đến, quy định cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính đã được loại bỏ khi thông qua Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều này đã được coi là một bước tiến mới và cơ bản hướng tới việc ghi nhận quyền của người đồng tính.

¹⁰iSEE, Preliminary online survey results: *Socio-economic Characteristics of Men Who Have Sex with Men in Vietnam*, 2009

¹¹iSEE, *Living in a Heterosexual Society: Stories of 40 Women Who Love Women, Relationship with Family* (Vietnamese), 2010

¹² Dự thảo Online, Thường vụ Quốc hội xem xét hôn nhân đồng giới, http://duthaonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/TT_TINLAPPHAP/View_Detail.aspx?ItemID=1436; Hội đồng thẩm định Luật HN&GD – Bộ Tư pháp, Báo cáo thẩm định Dự án Luật sửa đổi, một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình, 2013.

Như đã nêu ở trên, trong mối quan hệ chung sống, có 02 vấn đề chính mà các cặp đôi cùng giới tính phải giải quyết là: (i) tài sản phát sinh trong thời kỳ sống chung; và (ii) nhận và nuôi con nuôi. Trong đó, vấn đề tài sản có thể được giải quyết bằng các thỏa thuận giữa hai người, và các thỏa thuận này được xác lập theo các quy định của Bộ Luật Dân sự; còn vấn đề con nuôi sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, chăm sóc trẻ em.

Liên quan đến vấn đề nuôi con nuôi của các cặp đôi cùng giới tính, hiện nay, trên thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu khá toàn diện được thực hiện bởi các cá nhân, tổ chức nghiên cứu chuyên về tâm lý học, hôn nhân và gia đình, các tổ chức của người đồng tính, song tính và chuyển giới, các tổ chức bảo vệ trẻ em, các hiệp hội, các tổ chức hoạt động liên quan tới nhân quyền¹³. Tuy nhiên tại Việt Nam, cho tới thời điểm hiện tại, các nghiên cứu về các quyền có liên quan đến đa dạng giới và tính dục, nếu có thường tập trung vào quyền kết hôn hay đăng ký sống chung của các cặp đôi cùng giới tính, vấn đề kỳ thị và phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới hay vấn đề chuyển đổi giới tính mà chưa có nghiên cứu chuyên sâu nào về ảnh hưởng của xu hướng tính dục hay bản dạng giới của một cá nhân đến quyền nuôi con nuôi của họ, cũng như sự phân biệt đối xử trong việc nhận con nuôi trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới của người nhận con nuôi. Điều này là một thách thức nhưng đồng thời cũng là một cơ hội để Nhóm nghiên cứu thực hiện một nghiên cứu về quyền nuôi con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới. Với phương pháp tiếp cận dựa trên cơ sở quyền¹⁴, nghiên cứu này cũng đề cập tới một số vấn đề về quyền của trẻ em, bình đẳng giới và thực tiễn thực thi quyền trong lĩnh vực này nhằm đưa ra một bức tranh toàn cảnh liên quan tới xu hướng tính dục, bản dạng giới và quyền của trẻ em có liên quan trong lĩnh vực nuôi con nuôi tại Việt Nam.

Với mục đích trên, Nhóm nghiên cứu đã đặt ra các mục tiêu nghiên cứu cụ thể như sau:

- (i) Làm rõ những khoảng trống và điểm chưa đồng nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam liên quan tới xu hướng tính dục và bản dạng giới và quyền của trẻ em trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ góc nhìn bảo vệ quyền;
- (ii) Tìm hiểu nhu cầu thực tế của người đồng tính, song tính và chuyển giới tại Việt Nam đối với việc nuôi con nuôi và các vấn đề liên quan;
- (iii) Hiểu rõ quan điểm và thái độ của người đồng tính, song tính và chuyển giới cũng như cộng đồng xã hội nói chung đối với việc ghi nhận quyền nuôi con nuôi của các cặp đôi cùng giới tính và cặp đôi người chuyển giới cùng bạn đời của họ;
- (iv) Khuyến nghị các hoạt động vận động hướng tới việc sửa đổi Luật Nuôi con nuôi và pháp luật liên quan nhằm ghi nhận quyền nuôi con nuôi của các cặp đôi cùng giới tính và cặp đôi người chuyển giới cùng bạn đời của họ.

¹³ Xem thêm một số nghiên cứu như Gary J. Gates, M.V. Lee Badgett, Kate Chambers, Jennifer Macomber, *Adoption and Foster Care by Gay and Lesbian Parents in the United States* (2007); Charlotte J. Patterson, *Lesbian and Gay Parenting* (2005); Mark Regnerus, *How different are the adult children of parents who have same-sex relationships? Findings from the New Family Structures Study* (2012) và một số nghiên cứu khác

¹⁴ Liên hiệp quốc tại Việt Nam, Phương pháp tiếp cận dựa trên cơ sở Quyền Con người, http://www.un.org.vn/vi/component/docman/doc_details/115-a-human-rights-based-approach-toolkit.html?Itemid=266

1.2 Phương pháp nghiên cứu

a. Nghiên cứu tài liệu:

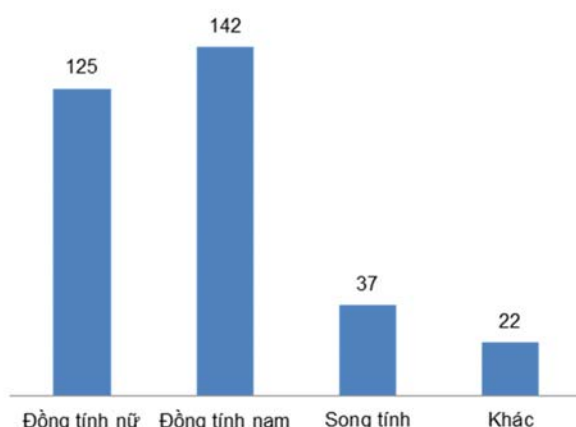
Để hiểu rõ về bối cảnh và làm cơ sở cho nghiên cứu, Nhóm nghiên cứu đã tiến hành rà soát và nghiên cứu các văn bản pháp luật và các tài liệu sau:

- (i) Các điều ước quốc tế, chính sách và quy định pháp luật Việt Nam có liên quan tới xu hướng tính dục, bản dạng giới và quyền trẻ em trong lĩnh vực hôn nhân gia đình, nuôi con nuôi;
- (ii) Các báo cáo nghiên cứu, bài viết của các học giả trong và ngoài nước liên quan đến xu hướng tính dục, bản dạng giới và quyền trẻ em trong lĩnh vực hôn nhân gia đình.

b. Phỏng vấn sâu (trực tiếp) bằng bảng hỏi:

Nhóm nghiên cứu đã khảo sát sơ bộ với các tổ chức hoạt động vì quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới để xác định địa bàn khảo sát và quyết định lựa chọn 03 địa phương là Hà Nội, Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là các địa phương có nhiều nhóm hoạt động vì quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới so với các địa phương khác trong cả nước, đồng thời có sự đa dạng về mức sống và trình độ phát triển cá nhân.

Hình 1: Xu hướng tính dục của đối tượng tham gia trả lời bảng hỏi



Số lượng phỏng vấn trực tiếp là 111 người, bao gồm 22 người đồng tính nữ, 39 người đồng tính nam, 4 người song tính, 14 người chuyển giới và 32 người là cha, mẹ, ông, bà, cô, dì, chú, bác, anh chị em ruột và anh chị em họ của họ. Cụ thể, phỏng vấn được tiến hành với: 27 người đồng tính hoặc song tính, 2 người chuyển giới và 10 người thân của họ tại Hà Nội; 33 người đồng tính hoặc song tính, 2 người chuyển giới và 16 người thân của họ tại Thành phố Hồ Chí Minh; 13 người đồng tính hoặc song tính, 2 người chuyển giới và 6 người thân của họ tại Cần Thơ.

Những người tham gia phỏng vấn này còn khá trẻ (hơn 80% người tham gia có độ tuổi từ 18 đến dưới 30, còn lại là từ 30 trở lên). Đa phần người đồng tính, song tính và chuyển giới tham gia phỏng vấn sâu là những người làm việc trong khu vực ngoài nhà nước với nghề nghiệp đa dạng, trong đó nhóm những công việc không trực tiếp sản xuất (quản lý, kỹ sư, phiên dịch, nhân viên văn phòng...) và hành nghề chuyên môn (luật sư, bác sỹ, kiến trúc sư, nhà báo, kế toán, kiểm toán viên...) chiếm số lượng lớn nhất với 34 người. Trong số còn lại, 22 người làm các nghề thủ công, buôn bán nhỏ hoặc là sinh viên; và chỉ có một số ít người trẻ chưa đi làm hoặc chưa ổn định công việc.

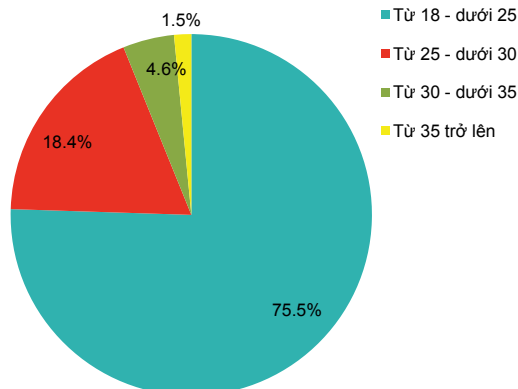
c. Khảo sát qua bảng hỏi trên internet:

Các nội dung của bảng hỏi định lượng đã được đăng tải trên www.khaosattuphap.net, là trang thông tin điện tử riêng được phát triển trên nền của trang thông tin điện tử khảo sát trực

tuyến chuyên nghiệp (www.surveymonkey.com), theo đó dữ liệu thu về được xử lý và kiểm tra bằng các phần mềm SPSS và Excel.

Sau khi loại bỏ các bảng hỏi không đạt yêu cầu (như trả lời không đúng theo hướng dẫn hoặc chưa hoàn thiện), có 377 bảng hỏi từ nhiều địa phương trên cả nước đã được Nhóm nghiên cứu đưa vào hệ thống xử lý dữ liệu. Trong số đó, có 49 bảng hỏi được hoàn thiện bởi người thân của nhóm người đa dạng giới và tính dục. Có 31 người là chuyển giới nữ, 6 người là chuyển giới nam, 86 người không nhận mình là nam hay nữ, và 205 người có giới tính sinh học khớp với bản dạng giới (cisgender). Về xu hướng tính dục, có 143 người nhận mình là đồng tính nam, 126 người là đồng tính nữ, và 37 người song tính, và 22 người có xu hướng tính dục khác.

Hình 2: Cơ cấu tuổi của LGBT tham gia trả lời bảng hỏi



Các cá nhân đồng tính, song tính và chuyển giới trả lời bảng hỏi định lượng có độ tuổi khá trẻ với tỷ lệ người tham gia có độ tuổi từ 18 đến dưới 25 chiếm 75,5%; nhóm tuổi từ 25 đến 29 chiếm 18,4%; còn lại là nhóm tuổi từ 30 trở lên (xem Hình 2).

d. Thảo luận nhóm:

Nhằm hiểu rõ hơn suy nghĩ, thái độ và xu hướng hành động của người đồng tính, song tính và chuyển giới dưới góc độ cá nhân cũng như dưới góc độ là thành viên của một cộng đồng hay nhóm thiểu số, tại mỗi địa phương được lựa chọn khảo sát, Nhóm nghiên cứu đã tổ chức hai cuộc thảo luận nhóm, mỗi cuộc có 10 người tham gia. Số người này được lựa chọn trong số người đồng tính, song tính và chuyển giới đã tham gia phỏng vấn sâu (tại Hà Nội) và các thành viên khác từ cộng đồng (tại Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh). Trong tổng số 79 người tham gia thảo luận nhóm, có 10 người chuyển giới tham gia ở Thành phố Hồ Chí Minh, 2 người chuyển giới ở Hà Nội và 2 người chuyển giới ở Cần Thơ. Trên cơ sở tôn trọng những ý kiến khác biệt và tập trung vào những tình huống thực tiễn, Nhóm nghiên cứu đã thu thập được nhiều thông tin hữu ích và đa dạng từ 06 cuộc thảo luận nhóm tại 03 tỉnh thực hiện khảo sát.

e. Nghiên cứu tình huống điển hình:

Với mục đích hiểu rõ hơn cuộc sống của những cặp đôi hiện đã có con hoặc sắp có con (bao gồm cả con nuôi hoặc con đẻ), Nhóm nghiên cứu đã tìm kiếm 05 trường hợp điển hình của các cặp đôi tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ. Trong 05 cặp đôi này, có 2 cặp đôi đồng tính nữ, 02 cặp đôi đồng tính nam và 01 cặp đôi song tính nữ– chuyển giới nam. 03 cặp đôi đã có con đẻ hoặc con nuôi, 02 cặp đôi chuẩn bị thực hiện việc nhận nuôi hoặc sinh con bằng phương pháp khoa học. Cũng cần lưu ý rằng việc tiếp cận các trường hợp điển hình tại Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ dễ dàng hơn so với ở Hà Nội. Tại cả 03 tỉnh, có một số trường hợp khá điển hình được Nhóm nghiên cứu liên lạc nhưng đã từ chối tham gia phỏng vấn vì e ngại bị tiết lộ danh tính và các ảnh hưởng tiêu cực đến đến cuộc sống gia đình, đặc biệt là cuộc sống của đứa trẻ.

f. Phỏng vấn sâu các chuyên gia trong các lĩnh vực có liên quan:

Ngoài những cuộc phỏng vấn sâu với người đồng tính, song tính, chuyển giới và người thân của họ, Nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn 30 chuyên gia tại cơ quan nhà nước, các tổ

chức xã hội của người đồng tính, song tính và chuyển giới, hoạt động vì quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới, giảng viên luật, luật sư và nhà báo, đại diện của UBND cấp xã, các cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em và cán bộ Sở Tư pháp tại 3 địa phương nằm trong phạm vi nghiên cứu. Cơ cấu các chuyên gia được phỏng vấn sâu bao gồm:

(i) 11 đại diện của các cơ quan nhà nước, bao gồm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng thuộc Quốc hội; Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế, Cục Con nuôi, Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý thuộc Bộ Tư pháp; Sở Tư pháp Hà Nội, Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh; và 04 UBND cấp xã tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh;

(ii) 04 đại diện là giảng viên của các cơ sở đào tạo luật gồm Đại học Luật Hà Nội, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật – Đại học Cần Thơ và Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;

(iii) 05 đại diện của các tổ chức xã hội của người đồng tính, song tính và chuyển giới hoặc hoạt động vì quyền của họ;

(iv) 02 đại diện của các cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em tại Hà Nội;

(v) 04 luật sư của Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh và Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; và

(vi) 04 nhà báo.

Cơ cấu đối tượng phỏng vấn sâu nêu trên bảo đảm giúp Nhóm nghiên cứu có được bức tranh toàn cảnh và ý kiến nhiều chiều, đa dạng và hữu ích cho quá trình phân tích và đưa ra các khuyến nghị.



CHƯƠNG 2: KHÁI QUÁT HIỆN TRẠNG PHÁP LUẬT

Với phương pháp tiếp cận dựa trên cơ sở quyền, Nhóm nghiên cứu đã tiến hành rà soát các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia cũng như các quy định của pháp luật Việt Nam về xu hướng tính dục, bản dạng giới và quyền của trẻ em trong lĩnh vực nuôi con nuôi nhằm làm rõ những vướng mắc đang tồn tại.

2.1 Khái quát về các điều ước quốc tế về xu hướng tính dục, bản dạng giới và quyền trẻ em nhìn từ góc độ bảo vệ quyền trong lĩnh vực hôn nhân gia đình và nuôi con nuôi

2.1.1 Xu hướng tính dục và bản dạng giới trong các điều ước quốc tế

Nghiên cứu vấn đề bình đẳng và không phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới của người nhận nuôi con nuôi theo phương pháp tiếp cận dựa trên cơ sở quyền, Nhóm nghiên cứu đã phân tích những quy định về quyền cơ bản của con người được ghi nhận trong các công ước quốc tế cho đến các quyền có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, nuôi con nuôi.

Quyền con người là những quyền gắn với một con người, không phụ thuộc vào quốc tịch, nơi sinh sống, giới tính, dân tộc, màu da, tôn giáo, ngôn ngữ, hay bất cứ đặc điểm nào khác. Mọi tự nhiên nhân đều bình đẳng trong việc có quyền con người mà không có phân biệt đối xử. Những quyền này có mối quan hệ tương quan, phụ thuộc lẫn nhau và không thể tách rời¹⁵.

Hai quyền cơ bản của con người được đề cập trong các điều ước quốc tế mà Nhóm nghiên cứu muốn đề cập trước tiên là quyền không bị phân biệt đối xử và quyền bình đẳng. Đây vừa là quyền con người, vừa là những nguyên tắc nền tảng của Luật Nhân quyền quốc tế.

Về nguyên tắc không phân biệt đối xử: Như đã nói, nguyên tắc không phân biệt đối xử là một trong các nguyên tắc nền tảng của quyền con người được đề cập trong các văn kiện quốc tế như UDHR, ICCPR, ICESCR.

Nguyên tắc không phân biệt đối xử lần đầu được khẳng định tại UDHR. Cụ thể, Điều 1 UDHR khẳng định rằng: “Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền...”; Điều 2 UDHR quy định: “mọi người đều được hưởng tất cả các quyền và tự do... mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hay bất cứ thân trạng nào khác”.

¹⁵ United Nation Human Rights, What are human rights, <http://www.ohchr.org/en/issues/Pages/WhatareHumanRights.aspx>

Nguyên tắc trên được nhắc lại và cụ thể hóa trong Điều 2 ICCPR và Điều 2 ICESCR. Theo đó, các quốc gia thành viên cam kết tôn trọng và bảo đảm các quyền đã được ghi nhận trong ICCPR, ICESCR cho mọi người trong phạm vi lãnh thổ và thẩm quyền tài phán của mình mà không có bất kỳ sự phân biệt nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hoặc bất cứ thân trạng nào khác.

UDHR, ICCPR, ICESCR đều đưa danh mục các căn cứ phân biệt đối xử bị cấm vào các điều khoản về đảm bảo không phân biệt đối xử. *Mặc dù những danh mục này không đề cập một cách rõ ràng đến “Xu hướng tính dục” hoặc “Bản dạng giới” nhưng đều kết luận bằng cụm từ “bất cứ thân trạng nào khác” (“other status”). Việc dùng cụm từ “bất cứ thân trạng nào khác” cho thấy danh mục này có mục đích mở và mang tính minh họa*¹⁶. Điều này có nghĩa là những căn cứ phân biệt đối xử còn chưa được liệt kê hết. Nói cách khác, căn cứ phân biệt đối xử bao gồm xu hướng tính dục và bản dạng giới chưa được liệt kê một cách rõ ràng.

Năm 1994, trong vụ Nicholas Toonen kiện Australia, Ủy ban Nhân quyền nhận định các luật trừng phạt hành vi đồng giới ở người trưởng thành liên ứng đã xâm phạm các nguyên tắc bảo vệ chống kỳ thị trong ICCPR. Đặc biệt, Ủy ban Nhân quyền tuyên bố: *“việc đề cập đến “giới tính” tại Điều 2, đoạn 1 và Điều 26 ICCPR được hiểu là bao gồm cả xu hướng tính dục”*¹⁷.

Trong Bình luận chung số 20, đoạn 32, Ủy ban về Các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội của Liên hợp quốc khẳng định rằng sự đảm bảo không phân biệt đối xử trong ICESCR đã bao gồm xu hướng tính dục: *“bất cứ thân trạng nào khác” (“other status”) được ghi nhận trong Điều 2, khoản 2, bao gồm các xu hướng tính dục. Các quốc gia phải đảm bảo rằng xu hướng tính dục của một người không phải là một rào cản đối với việc thực hiện quyền ghi nhận trong Công ước (...)* Ngoài ra, *bản dạng giới được công nhận là một trong những căn cứ phân biệt đối xử bị cấm; ví dụ, những người là người chuyển giới, chuyển đổi giới tính hoặc liên giới tính thường xuyên phải đối mặt với hành vi vi phạm nhân quyền nghiêm trọng, chẳng hạn như sự quấy rối trong trường học hoặc tại nơi làm việc”*.

Về nguyên tắc bình đẳng: Song hành với nguyên tắc không phân biệt đối xử là nguyên tắc bình đẳng. Điều 7 UDHR quy định: *“mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng mà không có bất kỳ sự phân biệt nào...”*. ICCPR tái khẳng định nguyên tắc nêu trên tại Điều 26, đồng thời nêu rõ: *“Về mặt này, pháp luật phải nghiêm cấm mọi sự phân biệt đối xử và đảm bảo cho mọi người sự bảo hộ bình đẳng và có hiệu quả chống lại những phân biệt đối xử về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hoặc các địa vị khác”*.

Xuất phát từ hai nguyên tắc nền tảng là “không phân biệt đối xử” và “bình đẳng” trong Luật Nhân quyền quốc tế, có thể thấy rằng mọi người với mọi xu hướng tính dục và bản dạng giới khác nhau đều có tư cách là một con người trước pháp luật và có đầy đủ các quyền của con người trong mọi lĩnh vực của đời sống, trong đó có các quyền như quyền kết hôn, quyền lập gia đình, quyền nuôi con, quyền nhận con nuôi.

¹⁶ Cẩm nang “Sinh ra tự do và bình đẳng – Xu hướng Tính dục và Bản dạng giới” (Born Free and Equal – Sexual Orientation and Gender Identity), Văn phòng Cao Ủy Nhân quyền Liên hợp quốc, 2012, trang 45

¹⁷ Nicholas Toonen kiện Australia, Ủy ban Nhân quyền, Vụ kiện số 488/1992, Văn bản LHQ.CCPR/c/50/D/488/1992, tại 8.7

Quyền kết hôn, lập gia đình: Để nghiên cứu về mối liên hệ giữa xu hướng tính dục và bản dạng giới đến quyền nuôi con, trước tiên phải đề cập đến quyền hôn nhân và gia đình của các cặp đôi cùng giới, cũng như người chuyển giới và bạn đời của họ, bởi lẽ đây là một quyền bao trùm và là nền tảng để thực hiện các quyền liên quan, trong đó có quyền nuôi con. Quyền kết hôn, lập gia đình và bình đẳng trong hôn nhân đầu tiên được đề cập trong Điều 16 UDHR, theo đó nam và nữ khi đủ tuổi đều có quyền kết hôn và xây dựng gia đình mà không có bất kỳ sự hạn chế nào về chủng tộc, quốc tịch hay tôn giáo. Bên cạnh đó, Khoản 3 Điều 16 khẳng định rằng “*gia đình là tế bào tự nhiên và cơ bản của xã hội, được nhà nước và xã hội bảo vệ*”. Các quy định kể trên của UDHR sau đó được tái khẳng định và cụ thể hóa trong Điều 23 ICCPR và Điều 10 ICESCR.

Theo Ủy ban Nhân quyền, “*khái niệm gia đình có thể khác biệt trong vài khía cạnh, giữa các quốc gia, và ngay cả giữa các tôn giáo, và vì thế không thể đưa ra một định nghĩa chuẩn mực chung*”¹⁸. Ngoài ra, theo Ủy ban về Quyền trẻ em của Liên Hợp Quốc, gia đình cũng cần được xem xét dựa trên “*những cấu trúc gia đình khác nhau, phát sinh từ các mẫu hình văn hóa và các quan hệ tình cảm gia đình đa dạng đang hình thành trong xã hội*”¹⁹. Do vậy, nghiên cứu về quyền nuôi con nuôi cần thiết phải nghiên cứu về quyền kết hôn, lập gia đình dựa trên những khác biệt của quyền kết hôn, lập gia đình.

Quyền nuôi con: Điều 9, CRC quy định: “*1. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng trẻ em không bị cách ly cha mẹ trái với ý muốn của họ, trừ trường hợp những nhà chức trách có thẩm quyền chịu sự xem xét của pháp luật quyết định là theo luật pháp và các thủ tục áp dụng thì việc cách ly như thế là cần thiết cho lợi ích tốt nhất của trẻ em. Quyết định như thế có thể là cần thiết trong trường hợp đặc biệt như trẻ em bị cha mẹ lạm dụng hay sao nhãng, hoặc khi cha mẹ sống cách ly và cần phải có một quyết định về nơi cư trú của trẻ em*”. Đồng thời, Khoản 4 Điều 18 ICCPR quy định rõ “*Các quốc gia thành viên Công ước cam kết tôn trọng quyền tự do của các bậc cha mẹ, và của những người giám hộ hợp pháp nếu có, trong việc giáo dục về tôn giáo và đạo đức cho con cái họ theo ý nguyện của riêng họ*”. Theo các quy định này, cha mẹ có quyền nuôi dưỡng và sống chung với con của mình. Cha mẹ chỉ có thể bị cách ly với đứa trẻ khi việc cách ly là cần thiết theo quy định của pháp luật quốc gia và các thủ tục áp dụng trong luật quốc gia đó.

Quyền nhận con nuôi: Khoản 1, Điều 21 CRC quy định các quốc gia thành viên công nhận hoặc cho phép chế độ nhận làm con nuôi phải đảm bảo rằng những lợi ích tốt nhất của trẻ em là mối quan tâm cao nhất và các quốc gia có nghĩa vụ đảm bảo điều này. Quy định tại CRC không phân biệt quyền nhận trẻ em làm con nuôi dựa trên cơ sở xu hướng tính dục hay bản dạng giới của cha hoặc mẹ. Theo đó, chỉ cần tuân thủ đúng các quy định pháp luật quốc gia về thủ tục nhận nuôi thì tất cả mọi người đều được quyền nhận nuôi trẻ em bất kể xu hướng tính dục hay bản dạng giới của họ. Trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế, Công ước LaHaye 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế cũng không hề có bất kỳ hạn chế nào đặt ra trên cơ sở xu hướng tính dục hoặc bản dạng giới²⁰.

Thông qua việc phân tích các quy định tại các điều ước quốc tế, Nhóm nghiên cứu thấy rằng quyền lập gia đình, kết hôn, nuôi con, nhận con nuôi của cá nhân là những quyền con người được ghi nhận và bảo vệ trong luật pháp quốc tế. Đồng thời, các quyền con người trên

¹⁸ Bình luận chung số 19: Bảo vệ gia đình, quyền hôn nhân và bình đẳng của các phái ngẫu, Ủy ban Nhân quyền, Văn kiện LHQ. HRI/GEN/1/Rev.2 (1990), tại 2

¹⁹ “Báo cáo về Kỳ họp thứ năm”, Ủy ban về Quyền trẻ em, Văn kiện LHQ. CREC/C/24, Phụ lục V

²⁰ Công ước LaHaye 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế, Điều 4

mọi lĩnh vực có mối tương quan và phụ thuộc lẫn nhau. *Sự tiến bộ trong việc đảm bảo một quyền sẽ tạo điều kiện cho sự tiến bộ của những quyền khác. Tương tự, sự vi phạm của một quyền sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc đảm bảo các quyền khác*²¹. Đặt trong mối liên hệ với quyền con người nói chung, đặc biệt là quyền không phân biệt đối xử và quyền bình đẳng, thì các quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới trong lĩnh vực hôn nhân gia đình, nuôi con, nhận con nuôi đều được pháp luật thừa nhận và bảo hộ như những quyền con người khác trong bất kì lĩnh vực nào của cuộc sống.

Tiêu kết phần 2.1.1 – Xu hướng tính dục và bản dạng giới trong các điều ước quốc tế

 Quyền không bị phân biệt đối xử và quyền bình đẳng vừa là quyền con người, vừa là những nguyên tắc nền tảng của Luật Nhân quyền quốc tế. Tất cả mọi người, bất kể xu hướng tính dục hay bản dạng giới, với tư cách là một con người trước pháp luật, có đầy đủ các quyền của con người trong mọi lĩnh vực của đời sống, trong đó có các quyền như quyền kết hôn, quyền lập gia đình, quyền nuôi con, quyền nhận con nuôi.

 CRC không phân biệt quyền nhận trẻ em làm con nuôi dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới của người nhận nuôi. Theo đó, chỉ cần tuân thủ đúng các quy định pháp luật quốc gia về thủ tục nhận nuôi thì bất cứ ai cũng được quyền nhận nuôi trẻ em. Trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế, Công ước LaHaye 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế cũng không hề đặt ra bất kì hạn chế nào có liên quan đến xu hướng tính dục và bản dạng giới.

2.1.2 Quyền của trẻ em trong các điều ước quốc tế

Quyền trẻ em được đề cập cụ thể tại Công ước quốc tế về Quyền trẻ em 1989 (CRC), Công ước LaHaye 1993 về Bảo vệ trẻ em và Hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế, Công ước về Chống phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) và một số công ước khác. Ngoài ra, bảo vệ quyền trẻ em cũng là một trong những nội dung của bảo vệ quyền con người. Do vậy, bên cạnh những quy định đặc thù dành riêng cho trẻ em thì trẻ em cũng được hưởng đầy đủ các quyền của một con người đã được ghi nhận tại UDHR, ICCPR, ICESCR (xem thêm phần phân tích về nguyên tắc không phân biệt đối xử và nguyên tắc bình đẳng tại mục 2.1.1 phía trên).

Có thể nói trong các điều ước quốc tế có liên quan đến bảo vệ quyền trẻ em thì CRC là văn bản pháp lý quốc tế toàn diện nhất về quyền trẻ em. CRC đã bao quát được tất cả các khía cạnh của quyền trẻ em và xác định rõ nghĩa vụ của các quốc gia trong việc bảo đảm quyền của trẻ em và mối quan hệ giữa quyền trẻ em với quyền con người nói chung.

Tiếp cận vấn đề nuôi con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới từ nguyên tắc bảo vệ và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, tại phần này, Nhóm nghiên cứu sẽ phân tích quyền trẻ em liên quan đến các phương diện cơ bản là quyền đăng ký khai sinh, quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được bảo vệ, được chăm sóc và được giáo dục, quyền được bảo vệ chống lại sự lạm dụng tình dục.... Thông qua việc rà soát các quy định trong văn bản pháp lý nêu trên, Nhóm nghiên cứu nhận thấy rằng các quyền cơ bản này của trẻ em đều đã được ghi nhận tại các điều ước quốc tế, cụ thể như sau:

²¹ United Nation Human Rights, What are human rights, <http://www.ohchr.org/en/issues/Pages/WhatareHumanRights.aspx>

Về quyền không bị phân biệt đối xử: Điều 24 ICCPR quy định sự bảo vệ đặc biệt dành cho trẻ em ngoài những quyền được bảo vệ chung trong ICCPR do sự yếu thế của nhóm chủ thể này về mặt thể chất và tinh thần. Điều 24 của ICCPR đã công nhận quyền của mọi trẻ em mà không có bất kỳ sự phân biệt nào: *“Mọi trẻ em, không phân biệt chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản hoặc dòng dõi đều có quyền được hưởng những biện pháp bảo hộ của gia đình, xã hội và nhà nước cần thiết cho người chưa thành niên”*.

Để làm rõ thêm nội dung của Điều 24 ICCPR, Bình luận chung số 17 của Ủy ban nhân quyền về quyền trẻ em đã nêu rõ: *“Điều 24 của ICCPR đã công nhận quyền của mọi trẻ em mà không có bất cứ sự phân biệt nào. Gia đình, xã hội và chính phủ phải bảo vệ trẻ em với tư cách là những người chưa thành niên. Do đó, việc thực hiện điều này đòi hỏi phải áp dụng những biện pháp đặc biệt để bảo vệ trẻ em, bên cạnh những biện pháp mà các quốc gia có nghĩa vụ thực hiện theo Điều 2 để đảm bảo rằng mọi người đều được hưởng những quyền theo quy định của Công ước...”*. Quy định trong Điều 24 ICCPR được khẳng định lại và cụ thể hóa trong nhiều điều khoản của CRC, tiêu biểu như các Điều 2,3, và 4 của CRC:

“1. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng và bảo đảm các quyền được nêu ra trong Công ước này đối với mỗi trẻ em thuộc quyền tài phán của họ mà không có bất cứ một sự phân biệt đối xử nào, bất kể trẻ em, cha mẹ hay người giám hộ pháp lý của trẻ em đó thuộc chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến gì khác, nguồn gốc quốc gia, dân tộc hay xã hội, tài sản, khuyết tật, xuất thân gia đình và những mối tương quan khác.

2. Các quốc gia thành viên phải thi hành tất cả các biện pháp thích hợp để đảm bảo cho trẻ em được bảo vệ tránh khỏi tất cả các hình thức phân biệt đối xử hoặc trừng phạt trên cơ sở địa vị, hoạt động, những ý kiến phát biểu hoặc tín ngưỡng của cha mẹ, người giám hộ pháp lý hoặc những thành viên gia đình khác của trẻ em.”(Điều 2, CRC)

“Trong mọi hoạt động liên quan tới trẻ em, dù được thực hiện bởi các cơ quan phúc lợi xã hội của nhà nước hay tư nhân, bởi tòa án, các nhà chức trách hành chính hay cơ quan pháp luật, thì lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu.” (Điều 3, CRC)

Điều 4 CRC quy định về nghĩa vụ của các quốc gia thành viên trong việc thi hành tất cả những biện pháp, hành chính thích hợp và các biện pháp khác để thực hiện những quyền của trẻ em được thừa nhận trong CRC.

Quyền được nhận làm con nuôi: Theo CRC, trẻ em vì một nguyên nhân nào đó không có cha mẹ, đều có quyền có một gia đình và được nhận làm con nuôi dưới hình thức hợp pháp²². Các quốc gia thành viên công nhận hoặc cho phép chế độ nhận làm con nuôi phải đảm bảo rằng những lợi ích tốt nhất của trẻ em là mối quan tâm cao nhất trong vấn đề này. Bên cạnh đó, CRC cũng cấm mọi hành vi mua bán trẻ em²³.

Ngoài ra, quyền được chăm sóc nuôi dưỡng; quyền được đăng ký khai sinh; quyền không bị cách ly khỏi cha mẹ; quyền được chăm sóc sức khỏe; quyền được học hành; quyền được bảo vệ chống lại sự lạm dụng tình dục cũng được bảo vệ và ghi nhận tại CRC²⁴.

Hai nguyên tắc cốt lõi được nhấn mạnh theo các Công ước quốc tế liên quan đến bảo vệ quyền trẻ em là “không phân biệt đối xử với trẻ em” và “vì lợi ích tốt nhất của trẻ em”. Bên cạnh đó, “vì lợi ích tốt nhất của trẻ em” còn đóng vai trò là nguyên tắc hàng đầu trong mọi

²² CRC, Điều 20 và 21

²³ CRC, Điều 35

²⁴ CRC, Điều 3, khoản 2, các Điều 19, 24, 27 và 34

hành động hay quyết định liên quan đến trẻ em, cả trong đời sống cộng đồng và đời sống cá nhân. Với những nguyên tắc cốt lõi nêu trên, luật pháp quốc tế đã ghi nhận và bảo vệ quyền trẻ em mà không có bất kì có sự phân biệt nào trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới của cha mẹ của trẻ.

Tiểu kết phần 2.1.2 - Quyền của trẻ em trong các điều ước quốc tế

-  Khi nghiên cứu về quyền trẻ em, phải nghiên cứu đầy đủ các quyền của một con người và những quyền đặc thù dành riêng cho trẻ em.
-  Quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được nhận làm con nuôi và nhiều quyền khác của trẻ em đã được ghi nhận trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.
-  Hai nguyên tắc cốt lõi được nhấn mạnh theo các điều ước quốc tế liên quan đến bảo vệ quyền trẻ em là “không phân biệt đối xử với trẻ em” và “vì lợi ích tốt nhất của trẻ em”.
-  Luật pháp quốc tế đã ghi nhận và bảo vệ quyền trẻ em mà không có bất kì có sự phân biệt nào trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới của cha mẹ của trẻ.

2.2 Khái quát các quy định pháp luật Việt Nam về xu hướng tính dục, bản dạng giới và quyền trẻ em nhìn từ góc độ bảo vệ quyền trong lĩnh vực hôn nhân gia đình và nuôi con nuôi

2.2. Xu hướng tính dục và bản dạng giới trong hệ thống pháp luật Việt Nam

Nghiên cứu gần đây của UNDP, USAID về môi trường pháp lý và xã hội cho cá nhân, tổ chức dân sự của người đồng tính, song tính và chuyển giới²⁵ cho thấy đang tồn tại thực trạng kỳ thị và phân biệt đối xử trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, nuôi con nuôi của họ. Do đó, Nhóm nghiên cứu nhận thấy cần thiết phải rà soát các quy định pháp luật Việt Nam nhằm làm rõ những vướng mắc đang tồn tại trong pháp luật về quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới trong lĩnh vực này theo phương pháp tiếp cận dựa trên cơ sở quyền con người trong bối cảnh xã hội hiện nay²⁶. Dưới đây là kết quả rà soát quyền nuôi con và nhận nuôi con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới.

a. Về nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử

Tương tự như các quy định pháp luật quốc tế, pháp luật Việt Nam ghi nhận nguyên tắc không phân biệt đối xử và bình đẳng trước pháp luật. Điều 16 Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (“Hiến pháp 2013”) ghi rõ: “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa,

²⁵ Dự án Nghiên cứu “Là người đồng tính, song tính, chuyển giới (LGBT) ở châu Á: Báo cáo quốc gia Việt Nam: Tổng hợp và phân tích về môi trường pháp lý và xã hội cho các cá nhân, tổ chức xã hội dân sự của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT), UNDP, USAID

²⁶ Phương pháp tiếp cận dựa trên cơ sở quyền con người cũng được nhắc đến tại nhiều tài liệu của UNDP. Xem thêm tại: http://www.un.org.vn/vi/component/docman/doc_details/115-a-human-rights-based-approach-toolkit.html?Itemid=266

xã hội”. Qua rà soát, chúng tôi cũng không tìm thấy bất cứ quy định cụ thể nào về quyền cũng như hạn chế quyền áp dụng riêng đối với đa dạng giới và tính dục tại Việt Nam.

b. Quyền kết hôn, quyền lập gia đình

Nhìn từ góc độ các quy định của UDHR và ICCPR, mặc dù hai văn kiện này không có quy định cụ thể về phân biệt đối xử các quyền con người, trong đó có quyền kết hôn, dựa trên xu hướng tính dục hay bản dạng giới, nhưng ít nhất đã có sự phân biệt giữa “quyền kết hôn” và “quyền lập gia đình”, đồng thời coi “gia đình là tế bào tự nhiên và cơ bản của xã hội” mà nhà nước và xã hội có trách nhiệm bảo vệ²⁷. Bộ Luật Dân sự Việt Nam không quy định về quyền lập gia đình trong khi theo Luật Hôn nhân và Gia đình, gia đình được hiểu là “tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng”²⁸. Theo cách định nghĩa này, có ba cách để hình thành mối quan hệ gia đình: (i) hôn nhân (kết hôn); (ii) quan hệ huyết thống (sinh con); và (iii) quan hệ nuôi dưỡng (nhận nuôi).

Liên quan tới việc kết hôn, hiện nay pháp luật Việt Nam không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính²⁹. Theo quy định tại Luật Bình đẳng giới, *giới tính* (sex) được hiểu là những khác biệt về sinh học giữa nam và nữ. Giới tính cũng là nội dung bắt buộc phải được thể hiện trên giấy chứng minh nhân dân (CMND) theo quy định về CMND hay căn cước công dân. Dường như các quy định pháp lý đã đồng hóa giới tính với *giới* (gender), được hiểu là những khác biệt về vai trò và các mối quan hệ xã hội giữa nam và nữ³⁰. Có thể nhận thấy, pháp luật không xét tới yếu tố xu hướng tính dục hay bản dạng giới của các cá nhân đăng ký kết hôn mà chỉ căn cứ vào giới tính được ghi nhận trên các giấy tờ tùy thân của các cá nhân thực hiện thủ tục. Nói cách khác, người có giới và tính dục đa dạng vẫn có thể thực hiện việc đăng ký kết hôn với điều kiện giới tính ghi trên giấy tờ tùy thân của hai người trong cặp đôi phải khác nhau.

Về việc sinh con hay nhận nuôi, các quy định pháp luật hiện hành không phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới của các *cá nhân* trong việc có con đẻ hay nhận con nuôi. Tuy nhiên, các *cặp đôi* sẽ không thể thực hiện việc cùng nhận nuôi con nuôi nếu không phải là vợ chồng (có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp). Tương tự như việc kết hôn, trong quá trình thực hiện các thủ tục liên quan tới sinh con hay nhận con nuôi như đăng ký khai sinh cho con, xác định cha, mẹ cho con hay đăng ký việc nuôi con nuôi, giới tính của cha, mẹ trẻ đều được xác định trên cơ sở giới tính ghi trên giấy tờ tùy thân của cha, mẹ trẻ.

Cần lưu ý rằng cho đến thời điểm viết báo cáo này, pháp luật Việt Nam vẫn chưa có quy định về người chuyển giới hay bản dạng giới (giới tính mà cá nhân tự nhận dạng cho mình) mà chỉ ghi nhận quyền xác định lại giới tính của những người có đặc điểm giải phẫu cơ thể không phát triển một cách điển hình như thường thấy ở nam và nữ dựa trên những tiêu chuẩn về y tế nhất định³¹ và đặc biệt nghiêm cấm thực hiện chuyển đổi giới tính đối với những người được cho là cơ quan sinh dục điển hình của nam và nữ³².

Vì người chuyển giới là người có cảm nhận giới tính của mình không trùng khớp với giới tính được chỉ định khi sinh ra, trong khi các đặc điểm giới tính của họ vẫn được xem là đang phát triển một cách điển hình theo hướng nam hoặc nữ trong cơ thể họ nên người chuyển

²⁷ UNHR (Điều 16), ICCPA (Điều 23)

²⁸ Luật HNGĐ, Điều 8, khoản 10

²⁹ Luật HNGĐ, Điều 8, khoản 2

³⁰ Tài liệu Thuật ngữ thông dụng của UNAIDS

³¹ Nghị định 88/2008/NĐ-CP, các điều 5, 6

³² Nghị định 88/2008/NĐ-CP, Điều 4, Khoản 1

giới không phải là đối tượng được phép thực hiện phẫu thuật để “xác định lại giới tính” theo quy định nêu trên. Điều này cũng có nghĩa là ngay cả khi chưa hoặc đã thực hiện phẫu thuật chuyển đổi giới tính, người chuyển giới vẫn không được quyền thay đổi giới tính của mình trên các giấy tờ tùy thân. Vì vậy, việc người chuyển giới muốn kết hôn với bạn đời là người có cùng giới tính trên giấy tờ tùy thân vẫn bị xem là kết hôn với người có cùng giới tính và do đó không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

c. Quyền nhận nuôi con nuôi

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành rà soát các điều kiện để nhận nuôi con nuôi tại các quy định về nuôi con nuôi. Kết quả cho thấy pháp luật hiện hành không cho phép hai người không có quan hệ hôn nhân hợp pháp, bao gồm các cặp đôi có cùng giới tính, được cùng nhận nuôi chung một đứa trẻ³³.

Tuy nhiên, các cá nhân là người đồng tính nam, đồng tính nữ, người song tính và người chuyển giới được quyền tự mình nhận nuôi con nuôi với tư cách cá nhân khi đáp ứng được các điều kiện nhận nuôi theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi. Theo quy định này, để được nhận nuôi con nuôi, người nhận nuôi không chỉ phải đáp ứng các điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở để bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi mà còn phải đáp ứng thêm các điều kiện khác liên quan đến nhân thân của mình như có tư cách đạo đức tốt, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ³⁴. Các điều kiện này không liên quan đến bản dạng giới hay xu hướng tính dục của người muốn nhận nuôi trẻ. Tuy nhiên, tiêu chí xem xét hồ sơ đăng ký nhận nuôi con nuôi dựa trên điều kiện: “Người nhận nuôi con nuôi phải có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi, và có tư cách đạo đức tốt” lại không có hướng dẫn cụ thể, dễ dẫn đến việc áp dụng không thống nhất tại từng địa phương và còn mang nhiều tính chủ quan của cơ quan có thẩm quyền cho phép nhận nuôi con nuôi. (Xem thêm Phụ lục II – Thủ tục hành chính liên quan đến việc thực hiện quyền trẻ em và quyền của LGBT).

Tiểu kết phần 2.2.1 - Xu hướng tính dục và bản dạng giới trong pháp luật Việt Nam

 Các cặp đôi không kết hôn theo đúng quy định pháp luật không có quyền được nhận nuôi con nuôi chung. Mọi người đều có quyền được nhận nuôi con nuôi với tư cách cá nhân nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định pháp luật, bất kể bản dạng giới hay xu hướng tính dục của người đó.

 Tiêu chí xem xét hồ sơ đăng ký nhận nuôi con nuôi dựa trên điều kiện “người nhận nuôi con nuôi phải có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi, và có tư cách đạo đức tốt” mang tính chủ quan cao, do đó có thể dẫn đến sự không thống nhất trong việc thực hiện thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trên thực tế.

2.2.2 Quyền của trẻ em trong hệ thống pháp luật Việt Nam

a. Quyền không bị phân biệt đối xử

³³ Luật Nuôi con nuôi, Điều 8, khoản 3

³⁴ Luật Nuôi con nuôi, Điều 14

Việt Nam là nước đầu tiên ở Châu Á và là nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em vào ngày 20/02/1990 và cam kết bảo vệ các quyền và lợi ích của trẻ em, tạo mọi điều kiện để trẻ em được thực thi đầy đủ các quyền của mình. Điều này đã được thể hiện rõ nét trong hệ thống pháp luật Việt Nam, cụ thể, quyền trẻ em được ghi nhận tại Hiến pháp 2013³⁵ và một số văn bản pháp luật như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Lao động, Luật Giáo dục, Luật Đất đai, Luật Phòng chống HIV/AIDS, Luật Bình đẳng giới, Luật Trợ giúp pháp lý, Luật Điện ảnh, Luật Phòng chống Bạo lực Gia đình, và Luật Tương trợ Tư pháp.

Đặc biệt, Luật BVCSGDTE đã cụ thể hoá các nguyên tắc cơ bản của Công ước Quyền Trẻ em mà Việt Nam là thành viên, trong đó nhấn mạnh *nguyên tắc không phân biệt đối xử và vì lợi ích tốt nhất của trẻ*. Cụ thể, nguyên tắc không được phân biệt đối xử với trẻ em được ghi nhận tại Điều 4 Luật BVCSGDTE như sau: “*Trẻ em, không phân biệt gái, trai, con trong giá thú, con ngoài giá thú, con đẻ, con nuôi, con riêng, con chung; không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội, chính kiến của cha mẹ hoặc người giám hộ, đều được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục, được hưởng các quyền theo quy định của pháp luật*”. Theo đó, trẻ em có quyền được bảo vệ, chăm sóc, giáo dục và hưởng các quyền mà pháp luật quy định mà không bị phân biệt đối xử.

b. Quyền được nhận làm con nuôi

Quyền được nhận làm con nuôi của trẻ em được pháp luật ghi nhận tại Điều 44 Bộ Luật Dân sự và Điều 6 Luật Nuôi con nuôi. Trong thời gian trẻ được nhận nuôi, người nhận nuôi trẻ có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ thường trú về tình trạng sức khỏe, thể chất, tinh thần, sự hòa nhập của con nuôi với cha mẹ nuôi, gia đình, cộng đồng; và chính quyền địa phương có trách nhiệm theo dõi việc nuôi con nuôi để bảo vệ lợi ích của trẻ³⁶(xem thêm tại Phụ lục II – Thủ tục hành chính liên quan đến việc thực hiện quyền của trẻ em và quyền đa dạng giới và tính dục).

c. Quyền được có người đại diện hoặc giám hộ

Trẻ em được quyền có cha mẹ đại diện hoặc có người giám hộ để bảo vệ quyền và lợi ích của mình theo quy định tại Bộ Luật Dân sự và Luật BVCSGDTE³⁷. Với cách tiếp cận về quyền của trẻ em trong mối tương quan với quyền của trẻ sống cùng với các cặp đôi cùng giới, Nhóm nghiên cứu đã tiến hành rà soát quy định về người đại diện và giám hộ cho trẻ em và nhận thấy pháp luật không có quy định khác biệt giữa trẻ em có một cha và một mẹ, và trẻ em có hai cha hoặc hai mẹ. Tuy nhiên, qua rà soát các quy định chi tiết về người đại diện theo pháp luật và người giám hộ của trẻ, Nhóm Nghiên cứu nhận thấy **có sự khác biệt** về việc thực thi quyền này đối với trẻ em thuộc hai nhóm này. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, theo quy định tại Bộ Luật Dân sự³⁸, cha mẹ (bao gồm cả cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi) là người đại diện theo pháp luật cho con, còn chế định người giám hộ chỉ đặt ra đối với trẻ em là người chưa thành niên không còn cha mẹ, không xác định được cha mẹ hoặc cha,

³⁵ Hiến pháp 2013, các Điều 36, 37 và 58

³⁶ Luật Nuôi con nuôi, Điều 23

³⁷ BLDS, Điều 141, Điều 58; Luật BVCSGDTE, Điều 31

³⁸ BLDS, Điều 58, Khoản 2, điểm a và Điều 141, Khoản 1

mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc không có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Đáng lưu ý là trong trường hợp áp dụng chế định giám hộ, **người giám hộ đương nhiên** của trẻ theo quy định³⁹ sẽ không thể là ai khác ngoài “người thân thích”, bao gồm ông, bà, anh chị em ruột, chú, bác, cậu, cô, dì của đứa trẻ.

Theo đó, trong một ví dụ cụ thể về trẻ em được một cặp đôi đồng tính nữ nuôi dưỡng, trong đó một cá nhân là mẹ đẻ của trẻ, nếu người mẹ đẻ vì một lý do nào đó mà không có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ thì “người mẹ thứ hai” sẽ không thể trở thành người giám hộ đương nhiên cho đứa con mà mình vẫn nuôi dưỡng, chăm sóc. Vấn đề đặt ra là quyền và lợi ích của đứa trẻ sẽ không được bảo đảm, một khi người thường xuyên nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ lại không phải là người giám hộ hợp pháp. Trên phương diện pháp lý, người nữ sống chung đó có thể đăng ký trở thành mẹ nuôi của đứa trẻ theo Luật Nuôi con nuôi. Tuy nhiên, giải pháp này lại có những vướng mắc nhất định như: khi trẻ được cho làm con nuôi thì mẹ đẻ sẽ bị hạn chế quyền làm mẹ, trừ khi có thỏa thuận riêng, hoặc trong trường hợp cặp đôi đồng tính nữ không còn chung sống, người mẹ đẻ có khả năng sẽ không còn quyền nuôi con do đã thực hiện việc chuyển giao quyền cho người mẹ nuôi của trẻ, ngay cả khi giữa hai người đã có thỏa thuận về vấn đề nuôi con. Từ góc độ nghiên cứu có thể thấy rằng các quy định về giám hộ của Bộ Luật Dân sự được thiết kế dựa trên quan niệm truyền thống vốn coi trọng quan hệ máu mủ hơn là quan hệ nuôi dưỡng, chăm sóc thực tế (đối với đứa trẻ cần được giám hộ). Trong khi đó, quyền chỉ định người giám hộ cho đứa trẻ (chẳng hạn trong trường hợp cụ thể này) của chính người mẹ đẻ của trẻ vẫn đang là một vấn đề pháp lý còn chưa được quy định.

Thứ hai, trong trường hợp trẻ em không có người giám hộ đương nhiên, trẻ em có quyền có **người giám hộ được cử** để thực hiện việc chăm sóc và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, thủ tục cử người giám hộ chỉ được tiến hành khi:

- Trẻ không có cha mẹ; hoặc có cha mẹ nhưng cha mẹ bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ; và
- Trẻ không có người thân thích đủ điều kiện để làm giám hộ đương nhiên của trẻ.

Thủ tục cử người giám hộ sẽ do UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú của trẻ em thực hiện⁴⁰. Pháp luật Việt Nam không có sự phân biệt dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới trong việc thực hiện thủ tục đăng ký giám hộ. Xuất phát từ quyền lợi của trẻ em, việc đăng ký được thực hiện sau khi một người được cử làm người giám hộ và người này sẽ chỉ được cấp Quyết định công nhận người giám hộ sau khi đã nộp hồ sơ đăng ký giám hộ và cơ quan có thẩm quyền xét thấy người đó đã đủ điều kiện để trở thành người giám hộ. (*Xem thêm Phụ lục II – Thủ tục hành chính liên quan đến việc thực hiện quyền trẻ em và quyền đa dạng giới và tính dục*).

Tuy nhiên, quy định về điều kiện của người giám hộ là người “*có tư cách đạo đức tốt, có điều kiện cần thiết bảo đảm thực hiện việc giám hộ*” chưa thực sự đưa ra các tiêu chí cụ thể về “đạo đức tốt” hay “điều kiện cần thiết”. Việc giải quyết đăng ký làm người giám hộ cho trẻ sẽ phụ thuộc vào quan điểm chủ quan của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trên thực tế. Do đó, việc đăng ký làm người giám hộ thông qua việc nộp Giấy cử giám hộ và xem xét đủ điều kiện giám hộ để cấp Quyết định công nhận người giám hộ nêu

³⁹ BLDS, Điều 61.

⁴⁰ BLDS, Điều 63

trên có thể gây khó khăn trong việc thực hiện đăng ký giám hộ trên thực tế⁴¹. Với quy định như vậy, khi cá nhân là người chuyển giới đứng đơn đăng ký làm người giám hộ, người đó có thể sẽ gặp khó khăn để đơn được xem xét, chấp nhận khi người tiếp nhận hồ sơ với quan điểm cá nhân cho rằng người chuyển giới không đáp ứng điều kiện về “tư cách đạo đức hay có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ”. Khác với người chuyển giới, người đồng tính nam, đồng tính nữ và song tính có thể sẽ ít gặp khó khăn hơn nếu họ không công khai xu hướng tính dục của mình khi đăng ký làm người giám hộ.

Tiểu kết phần 2.2.2 - Quyền của trẻ em trong hệ thống pháp luật Việt Nam

-  Pháp luật Việt Nam hiện hành ghi nhận nguyên tắc không phân biệt đối xử đối với trẻ em.
-  Quyền được nhận làm con nuôi của trẻ em được pháp luật ghi nhận.
-  Có sự khác biệt về thực thi quyền được có người giám hộ giữa trẻ em có một cha và một mẹ, và trẻ em có hai cha *hoặc* hai mẹ.
-  Quy định về điều kiện của người giám hộ còn mang tính chủ quan cao, do đó có thể dẫn đến sự không thống nhất trong việc thực hiện thủ tục trên thực tế.

⁴¹Nghị định 158/2005/NĐ-CP, Điều 30



CHƯƠNG 3: MONG MUỐN VỀ CON CÁI

3.1. Nhu cầu chung sống, nuôi con và nhận nuôi con nuôi

3.1.1 Nhu cầu chung sống và kết hôn

a. Nhu cầu chung sống

Theo đánh giá của 61 người đồng tính, 4 người song tính và 14 người chuyển giới tham gia phỏng vấn trực tiếp và thảo luận nhóm, chung sống với người yêu, bạn đời là một nhu cầu thiết yếu của họ. Trong số đó, 75 người cho biết họ có nhu cầu sống với người yêu, bạn đời. Một số khác cho biết họ chưa có nhu cầu chung sống với người yêu, bạn đời vào thời điểm hiện tại bởi bản thân mong muốn tự do, gia đình còn ngăn cản hoặc chưa tìm thấy người yêu, bạn đời phù hợp.

b. Nhu cầu kết hôn và tổ chức đám cưới công khai

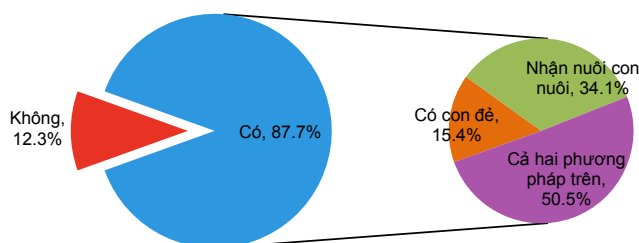
Trong số 75 người đồng tính, song tính và chuyển giới có nhu cầu chung sống với người yêu hay bạn đời, 64 người có mong muốn kết hôn, 10 người không mong muốn điều này và 01 người không đưa ra ý kiến. Hiện nay, pháp luật Việt Nam không cấm việc tổ chức đám cưới công khai của các cặp đôi cùng giới tính hay của người chuyển giới và 43 trong tổng số 64 người có mong muốn kết hôn chia sẻ rằng họ mong muốn được làm đám cưới với sự chúc phúc của gia đình và bạn bè của mình. 21 người còn lại không có ý định tổ chức đám cưới bởi những rào cản từ phía gia đình, chính quyền địa phương hoặc sự kỳ thị của cộng đồng. Một số cá nhân cũng chia sẻ nếu pháp luật không cho phép kết hôn thì đám cưới chỉ là hình thức; họ cũng lo lắng việc tổ chức đám cưới công khai sẽ ảnh hưởng đến công việc hiện tại của mình.

3.1.2 Nhu cầu có con và nhận nuôi con nuôi

Nhu cầu nuôi con là một trong những nhu cầu có thực của người đồng tính, song tính và chuyển giới được ghi nhận qua khảo sát lần này khi những đối tượng được khảo sát bộc lộ mong muốn có cuộc sống gia đình với đầy đủ các thành viên bao gồm cha mẹ và con như mọi người. Theo kết quả phỏng vấn qua bảng hỏi trực tuyến về ý định hay kế hoạch có con, 87,7% số người tham gia trả lời câu hỏi này cho biết họ có ý định hoặc kế hoạch có con, 12,3% không có ý định có con (Xem Hình 3). Trong số những người tham gia khảo sát và lựa chọn phương án không có ý định có con, lý do chủ yếu được đưa ra là do họ “chưa có nhu cầu có con” (51,3%) và “điều kiện kinh tế, vật chất chưa cho phép nghĩ đến việc có con” (28,2%). Đặc biệt, có 7,7% đưa ra lý do “e ngại sẽ không tốt cho đứa trẻ sau này” (xem thêm *Hộp II: Một số tranh luận liên quan tới khả năng làm cha mẹ của LGBT và sự phát triển của trẻ trong các gia đình LGBT* tại mục 3.2.2(c)). Tương tự với kết quả khảo sát trực tuyến, khi Nhóm nghiên cứu tiến hành phỏng vấn trực tiếp về nhu cầu nuôi con, 68 trong tổng số 79 người tham gia phỏng vấn nhận định rằng đối với họ, “trong quá khứ, hiện tại hay tương lai, việc có con là nhu cầu cần thiết”. Tại các buổi thảo luận tại 03 địa bàn khảo sát, đa phần người tham gia thảo luận cũng

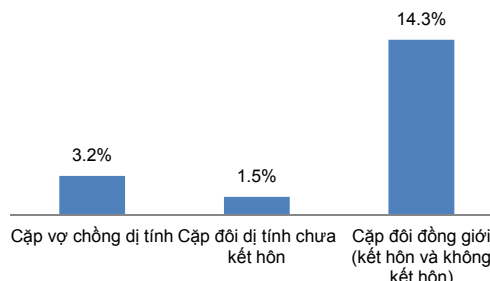
khẳng định rằng có con luôn là một nhu cầu cần thiết của các cặp đôi nói chung và bản thân mỗi cá nhân nói riêng bất kể xu hướng tính dục hay bản dạng giới của mỗi người.

Hình 3: Tỷ lệ LGBT có ý định hoặc kế hoạch có con



Trong số những người chia sẻ ý định hoặc kế hoạch có con qua khảo sát trực tuyến, 15,4% mong muốn có con đẻ, 34,1% hướng tới việc có con nuôi và 50,5% khẳng định “*con đẻ hay con nuôi đều được*” (Xem Hình 3). Tỷ lệ này tương tự với kết quả phỏng vấn trực tiếp, theo đó 21 đối tượng mong muốn có con nuôi, 14 người mong muốn có con đẻ và 33 người khẳng định “*con đẻ hay con nuôi đều được*”. Xu hướng mong muốn có con của người đồng tính, song tính và chuyển giới phản ánh qua khảo sát do Nhóm nghiên cứu thực hiện cũng khá tương thích với kết quả khảo sát tại một số quốc gia khác. Theo American Community Survey 2012⁴², tỷ lệ cặp đôi có cùng giới tính (không kết hôn và kết hôn) nhận nuôi con nuôi cao gấp 4,5 lần so với cặp vợ chồng dị tính và gấp 10 lần so với cặp dị tính chưa kết hôn (Xem Hình 4).

Hình 4: Tỷ lệ các cặp đôi nhận nuôi con nuôi trong số các cặp đôi có con dưới 8 tuổi (ACS 2012)



Mặc dù có con được khẳng định là nhu cầu của đa số đối tượng tham gia phỏng vấn, song khi được hỏi về kế hoạch có con, trong 59 người hiện đang không chung sống với người yêu, bạn đời tham gia phỏng vấn trực tiếp, chỉ 12 người cho biết họ có kế hoạch có con hoặc nhận con nuôi trong 03 năm tới. Trong số này, 09 người đang có ý định xin con nuôi, 02 người mong muốn có con theo phương pháp khoa học và 01 người đồng tính nam nói rằng sẽ có con với người khác giới để “*che mắt gia đình*” trong mối quan hệ sống chung của họ. Lý do chủ yếu mà họ không có kế hoạch có con hoặc nhận nuôi con trong vòng 03 năm tới là do điều kiện kinh tế, vật chất chưa cho phép và bản thân họ nhận thấy rằng họ chưa thực sự muốn hoặc chưa sẵn sàng cho việc có con hoặc nhận con nuôi. Cũng cần lưu ý rằng đa số đối tượng tham gia phỏng vấn sâu đều dưới 30 tuổi nên kế hoạch có con là “*tương lai xa*”, không nhất thiết sẽ xảy ra trong thời gian “*03 năm tới*”.

Việc lựa chọn phương pháp có con của người đồng tính, song tính và chuyển giới phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Theo kết quả thảo luận nhóm, đa phần lựa chọn phương pháp có con để đều là đồng tính nữ, song tính nữ và chuyển giới nam do bản thân họ hoặc người yêu, bạn đời của họ mang giới tính sinh học nữ và có khả năng mang thai. Với những đồng tính nam, qua chia sẻ tại các cuộc thảo luận nhóm, những người này cho biết do không có khả năng sinh học để mang thai và không muốn “*tiếp xúc trực tiếp*” với

⁴²Abbie E. Goldberg, Nanette K. Gartrell, Gary Gates, Research Report on LGB-parent families, 2014, trang 11.

nữ giới nên họ lựa chọn phương án có con theo phương pháp khoa học hoặc có con nuôi. Những người đồng tính nam cũng nhận thức được rằng chi phí để có con theo phương pháp khoa học là khá lớn, đồng thời cũng khó thực hiện trong bối cảnh pháp luật Việt Nam chỉ công nhận mang thai hộ vì mục đích nhân đạo cho các cặp vợ chồng thỏa mãn các điều kiện luật định⁴³. Qua các buổi thảo luận nhóm, Nhóm nghiên cứu cũng nhận thấy vấn đề tài chính là một trở ngại đáng kể của các đối tượng tham gia nói chung trong việc lựa chọn hình thức có con theo phương pháp khoa học.

Một số cũng cho biết họ mong muốn được nuôi trẻ em trong một khoảng thời gian nhất định như chăm sóc trẻ đến tuổi trưởng thành nhưng không cần thiết phải thay đổi lại các giấy tờ tùy thân của trẻ, hay không tạo nên những ràng buộc pháp lý về thừa kế để hạn chế những rủi ro, khó khăn pháp lý mà họ đang gặp phải khi muốn nuôi trẻ. Hình thức này là hình thức chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ tạm thời hoặc theo một thời hạn nhất định và đã được thừa nhận tại một số quốc gia trên thế giới như Hoa Kỳ, Bỉ, Anh Quốc.⁴⁴

Trường hợp điển hình IV⁴⁵:

S. và P. (cặp đôi đồng tính nam) đều mong muốn nhận nuôi con của gia đình gặp khó khăn trong họ hàng của mình để dễ dàng hơn cho hai anh trong việc thỏa thuận với gia đình của trẻ và thuận tiện trong quá trình làm thủ tục nhận nuôi con nuôi.

Trường hợp điển hình V⁴⁶:

T.A (song tính nữ) – H. (chuyển giới nam) không muốn có con “trực tiếp” nên cả hai muốn thực hiện thụ tinh nhân tạo hoặc thụ tinh ống nghiệm. Tuy nhiên qua tìm hiểu, hai người nhận thấy rằng cả 02 phương pháp này đều gặp khó khăn bởi nguồn tinh trùng ở Việt Nam còn khá hạn chế. Bên cạnh đó, tài chính của T.A và H. cũng không dư dả khi tổng thu nhập của cả hai người chỉ khoảng 10 triệu/tháng, trong khi thủ tục nhận nuôi con nuôi lại khá phức tạp và tốn kém.

3.1.3 Mức độ chủ động tìm hiểu về việc nuôi con nuôi

Để tìm hiểu về mức độ chủ động của người đồng tính, song tính và chuyển giới trong việc nuôi con nuôi, các đối tượng tham gia phỏng vấn được hỏi đã từng tìm hiểu về thủ tục nhận nuôi con nuôi chưa. Theo đó, chỉ có 0,9% tham gia khảo sát trực tuyến cho biết họ “*đã tìm hiểu về thủ tục nhận nuôi con nuôi và đã hoặc đang nhận nuôi con nuôi*”; 21,3% trả lời rằng “*đã tìm hiểu về thủ tục nhận nuôi con nuôi song chưa nhận nuôi con nuôi*” (Xem Hình 5). Điều

⁴³ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 (có hiệu lực từ 01/01/2015), Điều 95 - Điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

1. Việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên và được lập thành văn bản.

2. Vợ chồng có quyền nhờ người mang thai hộ khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về việc người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản;
b) Vợ chồng đang không có con chung;
c) Đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý.

⁴⁴ Maja Laklija, Foster care model in Europe – results of conducted survey, 2010; <https://www.gov.uk/foster-carers/types-of-foster-care>

⁴⁵ Xem Phụ lục III - Trường hợp điển hình IV

⁴⁶ Xem Phụ lục III, Trường hợp điển hình V

này dường như mâu thuẫn với tỷ lệ khá lớn số người mong muốn có con (xem Hình 3). Có thể nhận thấy phần lớn đối tượng tham gia chưa chủ động tìm hiểu về các thủ tục pháp lý đối với việc nuôi con nuôi. Theo các đối tượng được phỏng vấn trực tiếp, họ khẳng định mong muốn có con, tạo lập gia đình của mình nhưng ở thời điểm hiện tại chưa phát sinh nhu cầu nuôi con hay xin con nuôi nên họ chưa nghiên cứu, tìm hiểu các thủ tục về nhận nuôi con nuôi.

Theo một số nhà báo và người thân của người đồng tính, song tính và chuyển giới, việc tìm hiểu các thủ tục pháp lý liên quan đến hộ tịch, nhận và cho con nuôi... không phải là phổ biến với người dân nói chung. Người dân có nhu cầu hưởng các quyền cơ bản nhưng chưa thực sự chủ động trong việc tìm hiểu các chế định pháp luật để bảo vệ các quyền cơ bản của mình⁴⁷.

Để đánh giá được mức độ hiểu biết về thủ tục nhận nuôi con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới cũng như các kiến thức pháp luật cơ bản về việc nhận nuôi con nuôi, Nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát hiểu biết thực tế của họ đối với các điều kiện và thủ tục nhận nuôi con nuôi.

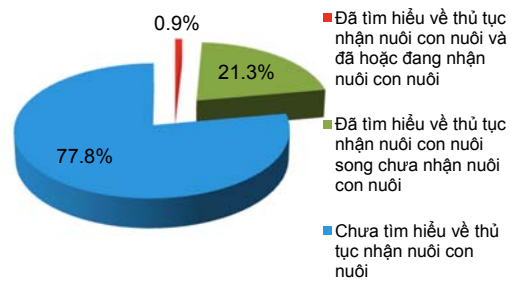
a. Hiểu biết về các điều kiện đối với người nhận nuôi con nuôi

Theo quy định tại Điều 14 Luật Nuôi con nuôi 2010, người nhận nuôi con nuôi phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên;
- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;
- Có tư cách đạo đức tốt; và
- Không thuộc trường hợp cấm nhận nuôi con⁴⁸.

Những quy định này được áp dụng chung cho tất cả mọi người bất kể xu hướng tính dục hay bản dạng giới. Trên thực tế, nhiều UBND xã, phường khi thực hiện thủ tục chứng nhận xin

Hình 5: Tỷ lệ LGBT đã từng tìm hiểu về thủ tục nhận nuôi con nuôi



⁴⁷Xem thêm báo cáo Chỉ số công lý – Thực trạng về Công bằng và Bình đẳng dựa trên ý kiến người dân năm 2012, tháng 7/2013, UNDP, Hội Luật Gia Việt Nam và Trung tâm CECODES

⁴⁸Luật nuôi con nuôi, Điều 14, khoản 2 - Những người không được nhận con nuôi:

- a) Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
- b) Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;
- c) Đang chấp hành hình phạt tù;
- d) Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

nuôi con nuôi không phân biệt xu hướng tính dục hay bản dạng giới của đối tượng mà chỉ thực hiện theo quy định pháp luật nêu trên. Tuy nhiên, cũng có một số ý kiến cho rằng các công chức UBND xã, phường có sự phân biệt khi xét hồ sơ xin nuôi con dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới của người nộp hồ sơ. Lý do từ chối thường được đưa ra mang tính chủ quan của cán bộ giải quyết vụ việc như “LGBT không có khả năng làm cha hoặc mẹ về tinh thần” hoặc “có vấn đề về đạo đức” mà không có bằng chứng nào cho những lý do từ chối của mình⁴⁹. Những lý do không rõ ràng này đã cản trở quyền nuôi con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới và gây nên cách hiểu sai về quy định pháp luật của một số công chức xã, phường cũng như người muốn nhận nuôi.

Nhóm nghiên cứu đã đặt ra câu hỏi cho người đồng tính, song tính và chuyển giới về hiểu biết của họ đối với các điều kiện áp dụng cho “người đồng tính, song tính và chuyển giới” và các điều kiện áp dụng cho “người dị tính” khi xin nhận con nuôi, bao gồm cả điều kiện “trắc nghiệm tâm lý dành cho cha mẹ” chưa được pháp luật quy định. Câu hỏi này nhằm đánh giá tính chủ động của người đồng tính, song tính và chuyển giới trong việc tìm hiểu các vấn đề liên quan đến nhận nuôi con nuôi cũng như nhận định của họ về sự khác biệt trong điều kiện xin nhận nuôi con nuôi áp dụng cho hai nhóm đối tượng trên (xem Bảng 1). Người đồng tính, song tính và chuyển giới đã thể hiện mong muốn không có sự khác biệt về các điều kiện nhận nuôi con nuôi áp dụng trên cơ sở khác biệt về xu hướng tính dục hay bản dạng giới, trong đó có cả điều kiện “trắc nghiệm tâm lý dành cho cha mẹ”. Điều này cho thấy họ không e ngại gì về các điều kiện áp dụng đối với người nhận nuôi con nuôi và mong muốn các điều kiện phải được áp dụng chung và bình đẳng.

Bảng 1: Điều kiện người xin nhận con nuôi cần phải đáp ứng	Người LGBT	Người dị tính
Người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ (bao gồm từ đủ 18 tuổi trở lên và không có quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự của Tòa án)	93.1%	70.8%
Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên	65.3%	58.3%
Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi	94.4%	72.2%
Có tư cách đạo đức tốt	91.7%	69.4%
Phải thực hiện trắc nghiệm tâm lý dành cho cha mẹ	83.3%	62.5%
Điều kiện khác	5.6%	2.8%

b. Hiểu biết về hồ sơ nhận nuôi con nuôi

Để tiếp tục đánh giá được mức độ hiểu biết pháp luật, tính chủ động tham gia thực sự của người đồng tính, song tính và chuyển giới khi muốn nhận nuôi con nuôi, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát họ về mức độ hiểu biết thành phần hồ sơ nhận nuôi con nuôi cũng như mong muốn của họ nếu cải cách thủ tục hành chính và các thành phần của hồ sơ hành chính.

⁴⁹ Phòng văn công chức tư pháp – hộ tịch UBND tại một phường thuộc Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2014

Hồ sơ nhận nuôi con nuôi được quy định tại Điều 17 Luật Nuôi con nuôi 2010 bao gồm các giấy tờ sau đây:

- Đơn xin nhận con nuôi;
- Bản sao Hộ chiếu, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;
- Phiếu lý lịch tư pháp;
- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;
- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp, trừ trường hợp cha đẻ/người nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi.

Mặc dù phần lớn đối tượng phỏng vấn chưa có kinh nghiệm trong việc xin nhận nuôi con nuôi, kết quả khảo sát cho thấy họ đã trả lời được các câu hỏi về thành phần hồ sơ áp dụng với người đồng tính, song tính và chuyển giới cũng như người dị tính (xem Bảng 2). Họ cũng thể hiện mong muốn các yêu cầu bắt buộc về thành phần hồ sơ nhận nuôi con nuôi được áp dụng công bằng và không phân biệt xu hướng tính dục hay bản dạng giới của người nhận nuôi.

Bảng 2: Hồ sơ nhận nuôi con nuôi theo tìm hiểu của LGBT	Đối với LGBT	Đối với người dị tính
Đơn xin nhận con nuôi	91.7%	68.1%
Bản sao Hộ chiếu, Giấy chứng minh thư nhân dân	86.1%	66.7%
Phiếu lý lịch tư pháp	79.2%	61.1%
Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân	59.7%	61.1%
Giấy khám sức khỏe	81.9%	62.5%
Phiếu trắc nghiệm tâm lý	69.4%	51.4%
Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp	87.5%	65.3%
Văn bản đồng ý của gia đình người nhận nuôi con nuôi	66.7%	52.8%
Hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi (do cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc cơ sở nuôi dưỡng lập)	76.4%	54.2%
Giấy tờ khác	1.4%	1.4%

Tiểu kết phần 3.1 - Nhu cầu chung sống, nuôi con và nhận nuôi con nuôi

 Có con và nuôi con là một nhu cầu của các cặp đôi lẫn cá nhân bất kể xu hướng tính dục hay bản dạng giới. Có nhiều yếu tố tác động tới quyết định có con để hay con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới; ngoài những yếu tố về nhận thức, thủ tục hành chính thì yếu tố tài chính cũng tác động lớn đến những người trẻ tuổi.

 Phương án nhận nuôi con nuôi được các bạn đồng tính nam, song tính nam và chuyển giới nữ cân nhắc lựa chọn khi muốn có con hơn là các đồng tính nữ,

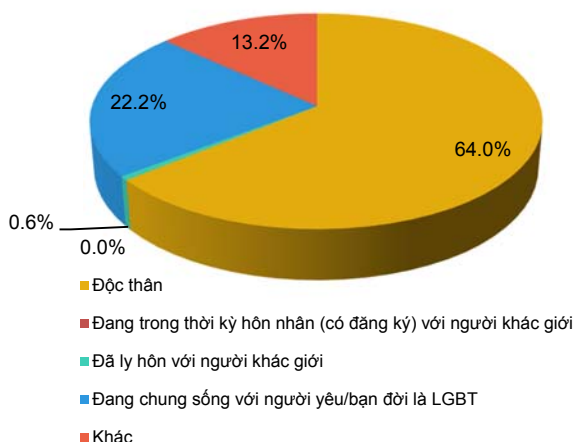
song tính nữ và chuyển giới nam nhưng mức độ chủ động tiếp cận và tìm hiểu các quy định pháp luật liên quan đến nhận nuôi con nuôi của tất cả các nhóm này vẫn còn khá hạn chế.

3.2. Thực tế chung sống, nuôi con và nhận nuôi con nuôi

3.2.1 Tình trạng hôn nhân và gia đình

Đã có một số nghiên cứu xác định tình trạng và nhu cầu kết hôn và lập gia đình của người đồng tính, song tính và chuyển giới tại Việt Nam. Trong khảo sát trực tuyến do Nhóm nghiên cứu thực hiện, đa phần đối tượng trả lời câu hỏi đang trong tình trạng độc thân, chưa từng kết hôn và hiện không chung sống với người yêu, bạn đời (64,0%). 22,2% người tham gia trả lời câu hỏi đang chung sống với người yêu, bạn đời (xem Hình 6). So sánh các số liệu này với số liệu xấp xỉ 90% đối tượng tham gia khảo sát có độ tuổi từ 30 trở xuống (Hình 2), có thể thấy mong muốn sống chung và lập gia đình của người đồng tính, song tính và chuyển giới là khá cao mặc dù họ còn gặp phải nhiều trở ngại.

Hình 6: Tình trạng hôn nhân/chung sống thực tế của LGBT tham gia trả lời câu hỏi



Trong tổng số 328 người tham gia trả lời bảng hỏi trực tuyến, chỉ có 02 trường hợp người trả lời đã có con đẻ và 02 trường hợp có con nuôi, trong đó 01 trường hợp đã thực hiện thủ tục đăng ký nhận nuôi con nuôi tại cơ quan nhà nước địa phương và đã nhận nuôi được hơn 10 năm; trường hợp còn lại tự nhận nuôi mà không thực hiện đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thời gian nhận nuôi là hơn 01 năm. Tương tự, trong 79 trường hợp phỏng vấn sâu, cũng chỉ có 03 trường hợp người trả lời đã có con đẻ và 03 trường hợp đã nhận con nuôi. Tuy nhiên, cả 03 trường hợp nhận con nuôi này đều cho biết họ không thực hiện thủ tục đăng ký xin nhận con nuôi tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không có Giấy chứng nhận đăng ký nuôi con nuôi.

Kết quả khảo sát qua bảng hỏi trực tuyến đối với người thân của người đồng tính, song tính và chuyển giới cũng khá tương đồng với kết quả khảo sát ở trên. Theo phản ánh từ phía người thân của họ, 66% người đồng tính, song tính và chuyển giới hiện đang là người độc thân và 21,3% đang chung sống với người yêu, bạn đời. Số trường hợp người đồng tính, song tính và chuyển giới có con đẻ hay con nuôi qua phản ánh của người thân cũng rất ít với chỉ 01 trường hợp có con đẻ và 01 trường hợp có con nuôi.

Các trường hợp điển hình:

Trong 05 trường hợp điển hình của các cặp đôi do Nhóm nghiên cứu chọn lựa và phỏng vấn tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ, 03 cặp đôi đã có con đẻ hoặc con nuôi, 01 trường hợp có kế hoạch nhận nuôi con trong 03 năm tới và 01 trường hợp đang chuẩn bị thực hiện thụ tinh nhân tạo. Qua nghiên cứu các trường hợp điển hình, có thể thấy các cặp đôi thường có 03 phương án lựa chọn khi muốn có con trên thực tế là: (i) có con với người khác giới (nếu có quan hệ hôn nhân thì được trao quyền nuôi con sau ly dị); (ii) nhận nuôi con nuôi (có thể đăng ký hoặc không đăng ký); và

(iii) sinh con theo phương pháp khoa học (chỉ áp dụng với cá nhân có giới tính trên giấy khai sinh là “Nữ”)⁵⁰.

Trường hợp điển hình I⁵¹:

Việc H. nhận nuôi bé là một quyết định khá bất ngờ. Cách đây 3 năm, khi đến bệnh viện thăm một người bạn mới sinh con, H. đã thấy một đứa trẻ bị mẹ đẻ bỏ rơi tại bệnh viện phụ sản. Tuy được các bác sĩ trong bệnh viện chăm sóc nhưng bé vẫn khóc liên tục cho đến khi nhìn thấy H. Anh nghĩ rằng đây là duyên số của mình, nên đã quyết định nhận nuôi bé. Vào thời điểm nhận nuôi con, H. mới chia tay bạn trai, nên việc nhận nuôi em bé do anh trao đổi với ba mẹ và tự quyết định.

Trường hợp điển hình III⁵²:

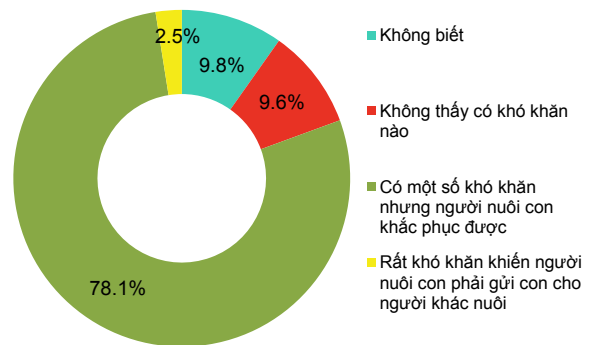
Y. và H. quen biết nhau thông qua các cuộc gặp gỡ bạn bè. Lúc đầu hai người chỉ là bạn, dần dần tình cảm nảy sinh và hai người đến với nhau. Vào thời điểm đó, H. đã có chồng và có một đứa con, tuy nhiên H. cảm thấy mình không còn tình cảm dành cho chồng và thực sự yêu thương Y. nên đã quyết định ly dị chồng. Sau khi ly hôn, H. sống chung với Y. Đến khi bé được 03 tuổi, gia đình cho phép H. và Y. đón bé về chung sống.

3.2.2 Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình chung sống, nuôi con và các yếu tố tác động

Thuận lợi và khó khăn luôn song hành trong quá trình chung sống của các cặp đồng tính và của người chuyển giới cùng bạn đời của họ. Trong số 98,8% người tham gia phỏng vấn, có tới 78,1% người trả lời cho rằng khi nuôi con, họ gặp một số khó khăn nhất định nhưng có thể khắc phục được, đặc biệt có 2,5% cho rằng khi nuôi con, họ gặp rất nhiều khó khăn khiến họ phải gửi con cho người khác nuôi (xem Hình 7).

Phần lớn các ý kiến trả lời cho rằng khó khăn lớn nhất của người đồng tính, song tính và chuyển giới trong quá trình nuôi con chủ yếu xuất phát từ thái độ của cộng đồng xung quanh hay xã hội nói chung (80,1%) và quy định pháp luật hiện nay (79,7%) đang hạn chế việc họ

Hình 7: Những khó khăn LGBT gặp phải khi nuôi con



⁵⁰ Theo quy định tại Nghị định 12/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12 tháng 02 năm 2003 về Sinh con theo phương pháp khoa học, chỉ các cặp vợ chồng vô sinh và phụ nữ sống độc thân có quyền sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản theo chỉ định của bác sĩ chuyên khoa. Điều này đồng nghĩa với nam độc thân không được sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Trường hợp một đồng tính nam muốn có con, dự định cung cấp tinh trùng cho một phụ nữ độc thân để người phụ nữ thực hiện việc sinh con theo phương pháp khoa học thì về bản chất, đây là mang thai hộ - và thuộc trường hợp cấm theo quy định tại khoản 1, Điều 6 của Nghị định. Trong trường hợp này, đứa trẻ sinh ra sẽ được xác định là con của người phụ nữ độc thân thực hiện sinh con bằng phương pháp khoa học mà không phải con của người đồng tính nam cho tinh trùng theo Điều 20 của Nghị định. Điều 20 cũng nêu rõ con được sinh ra do thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản không được quyền yêu cầu quyền thừa kế, quyền được nuôi dưỡng đối với người cho tinh trùng.

⁵¹ Xem Phụ lục III, Trường hợp điển hình I

⁵² Xem Phụ lục III, Trường hợp điển hình III

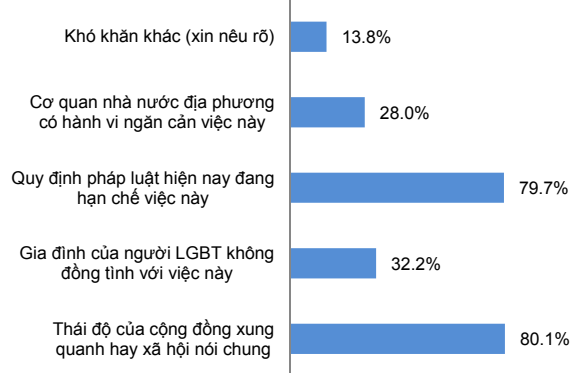
nuôi con. Thêm vào đó, sự không đồng tình của gia đình và các hành vi ngăn cản của cơ quan nhà nước tại địa phương cũng là các yếu tố gây khó khăn nhất định (xem Hình 8).

Bên cạnh đó, một mối lo ngại thường trực của người đồng tính, song tính và chuyển giới là việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. Điển hình như sự phân biệt đối xử về quyền dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới khi nuôi con nhỏ (như quy định pháp luật lao động và bảo hiểm xã hội áp dụng đối với phụ nữ nuôi con dưới 12 tháng trong khi nam giới thì không, cha mẹ được nghỉ làm việc khi con ốm...). Đặc biệt, đối tượng tham gia cũng có ý kiến quan ngại trẻ em có thể gặp phải những tác động tâm lý từ người thân, cộng đồng xung quanh trong mối quan hệ sống chung với bố mẹ có xu hướng tính dục hay bản dạng giới khác số đông.

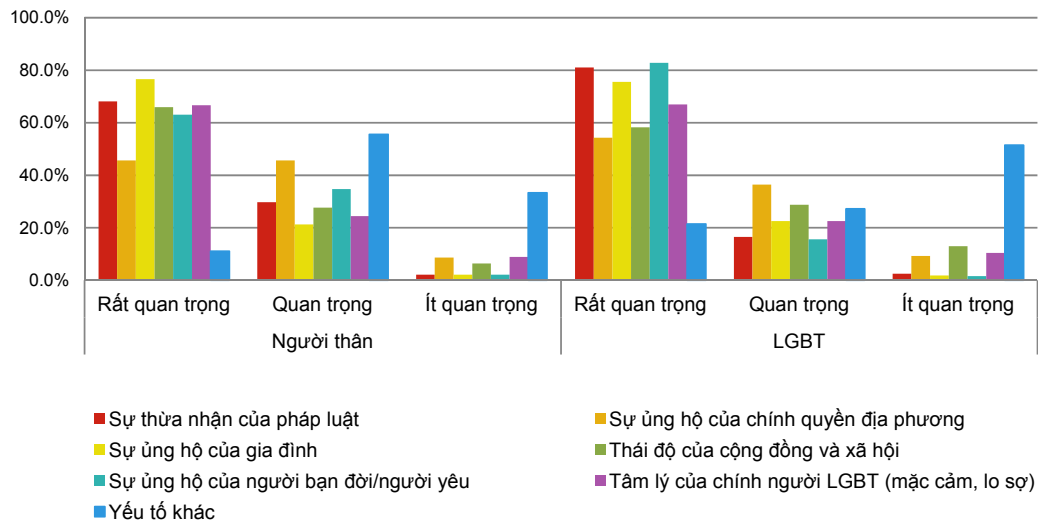
Các yếu tố như sự thừa nhận của pháp luật, sự ủng hộ của chính quyền địa phương, sự ủng hộ của gia đình, thái độ của cộng đồng và xã hội, sự ủng hộ của bạn đời, người yêu và tâm lý của chính mình có tác động rất quan trọng tới việc người đồng tính, song tính và chuyển giới nhận nuôi con nuôi. Phần lớn người đồng tính, song tính và chuyển giới và người thân đều xác định “sự thừa nhận đa dạng giới và tính dục” và “sự ủng hộ của gia đình” là những yếu tố rất quan trọng tác động đến vấn đề nuôi con nuôi (xem Hình 9).

Các đối tượng được phỏng vấn sâu (người đồng tính, song tính, chuyển giới, người thân, cán bộ nhà nước hay người làm nghiên cứu) đã có những quan điểm khác nhau về việc công nhận quyền nuôi con bất kể xu hướng tính dục hay bản dạng giới. Ví dụ, có ý kiến cho rằng

Hình 8: Những khó khăn LGBT gặp phải trong quá trình nuôi con



Hình 9: Những yếu tố tác động đến vấn đề NUÔI CON của LGBT theo quan điểm của LGBT và người thân của LGBT



cho phép trẻ em sống với cặp đôi cùng giới tính có thể làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ đặc biệt về tâm sinh lý; ảnh hưởng tới mối quan hệ về họ hàng, thờ cúng tổ tiên... Nhưng có ý kiến lại không đồng tình vì coi đó là những yếu tố văn hóa, tập tục. Những yếu tố này không nên ràng buộc các quyền của trẻ em và quyền con người. Một số phụ huynh của người đồng tính, song tính và chuyển giới cho biết là họ mong muốn con của mình có

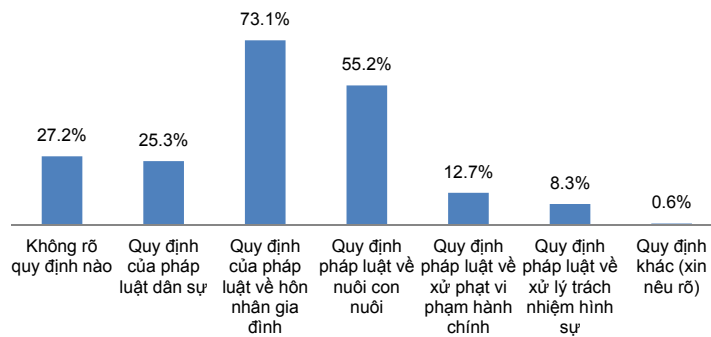
con, nuôi con để con họ sinh sống như người khác mà không bị hạn chế về quyền. Một số người thân của người đồng tính, song tính và chuyển giới bày tỏ mong muốn cộng đồng và các gia đình khác cũng có thái độ ủng hộ để mọi người thuộc các nhóm xu hướng tính dục và bản dạng giới khác nhau đều được nuôi con và pháp luật nên thừa nhận vấn đề này.

a. Thừa nhận của pháp luật:

Theo kết quả trả lời bảng hỏi trực tuyến, 97,5% người đồng tính, song tính và chuyển giới trả lời câu hỏi khẳng định tầm quan trọng của pháp luật đối với việc nhận con nuôi không phân biệt xu hướng tính dục và bản dạng giới của người nhận nuôi (xem Hình 9). Phần lớn những người được phỏng vấn sâu cũng khẳng định vấn đề này. Hơn nữa, họ cũng cho biết pháp luật có vai trò “quan trọng” đối với việc nuôi con, bao gồm cả sự phân biệt dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới của người nhận nuôi. Đảm bảo quyền lợi của trẻ, kể cả trong trường hợp bố mẹ không còn chung sống và tăng cường trách nhiệm của cha mẹ đối với con là các lý do khiến người đồng tính, song tính và chuyển giới đánh giá cao vai trò của pháp luật đối trong việc không phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục hay bản dạng giới khi nuôi con và nhận con nuôi. Chỉ có 4 người cho rằng pháp luật hiện hành tạo điều kiện “thuận lợi” đối với việc nuôi con, bao gồm cả nhận con nuôi.

Đối tượng tham gia phỏng vấn cũng đã bày tỏ quan điểm cho rằng pháp luật hiện hành có thể tác động tới quyền nuôi con của họ. Theo kết quả khảo sát trực tuyến, các quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình và pháp luật về nuôi con nuôi được cho là đang hạn chế việc nuôi con dựa trên sự khác biệt về xu hướng tính dục và bản dạng giới nhiều nhất (xem Hình

Hình 10: Các quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay hạn chế quyền nuôi con của LGBT



10).

Lý do người trả lời cho rằng pháp luật hiện hành “cản trở” hoặc “gây khó khăn” là bởi quy định hiện hành không cho phép nhận con nuôi chung giữa hai người không có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Thủ tục xin được nuôi con quá phức tạp cho người nhận nuôi, bao gồm cả người Việt Nam và người nước ngoài. Nhóm nghiên cứu cũng nhận thấy ngoài lý do pháp luật và thủ tục hiện hành phức tạp trên thực tế, không thừa nhận sự tồn tại của các xu hướng tính dục và bản dạng giới khác nhau, thì còn có những lý do như người trả lời chưa tìm hiểu kỹ pháp luật trong lĩnh vực này.

Chỉ có duy nhất một người tham gia khảo sát trực tuyến đã từng thực hiện thủ tục đăng ký nhận nuôi con nuôi tại cơ quan nhà nước địa phương. Người này cho rằng thủ tục nhận nuôi con nuôi hiện nay chưa tạo điều kiện cho người nhận nuôi là cá nhân đã công khai bản dạng giới khác với giới tính trong giấy khai sinh cũng như cặp đôi cùng giới tính nhận nuôi con.

Cũng theo những trả lời của người này, cha mẹ có cùng giới tính gặp khó khăn trong thủ tục đăng ký hộ tịch cho con nuôi (liên quan đến giấy khai sinh, sổ hộ khẩu...).

Qua khảo sát trực tuyến, chỉ có một trường hợp duy nhất nhận nuôi mà không thực hiện thủ tục đăng ký nhận nuôi con nuôi; người này giải thích việc mình không thực hiện thủ tục nhận nuôi con nuôi do tâm lý e ngại, sợ không được chính quyền chấp thuận vì đã công khai xu hướng tính dục và bản dạng giới. Người trả lời cũng gặp phải khó khăn trong thủ tục đăng ký hộ tịch cho con nuôi (và người đó đã không đăng ký) tương tự như trường hợp nhận nuôi con nuôi có đăng ký tại cơ quan nhà nước địa phương như đã nêu trên.

Rà soát lại các quy định pháp luật hiện hành về thủ tục nhận nuôi con nuôi, Nhóm nghiên cứu nhận thấy còn một số hạn chế nhất định, gây khó khăn đối với không chỉ trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới mà cả trên các cơ sở khác khi thực hiện thủ tục hành chính nhận nuôi con nuôi (xem phân tích tại Hộp I).

Hộp I: Một số điểm chưa hoàn thiện của quy định pháp luật về thủ tục đăng ký nhận nuôi con nuôi theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và Nghị định 19/2011/NĐ-CP

1. Khó khăn trong việc xác định điều kiện nuôi con nuôi

Luật Nuôi con nuôi quy định người nhận con nuôi phải có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi, có tư cách đạo đức tốt⁵³. Tuy nhiên không có văn bản giải thích và đưa ra các tiêu chuẩn đánh giá cho mỗi điều kiện trên dẫn tới thực tế áp dụng pháp luật tại mỗi địa phương khác nhau. Đơn cử như điều kiện về kinh tế, có địa phương chỉ cần đương sự chứng minh có việc làm là được, có địa phương lại yêu cầu đương sự phải có thu nhập ở mức nhất định⁵⁴.

Quy định chưa rõ ràng về điều kiện nhận nuôi dẫn đến việc khó xác định thời điểm UBND cấp xã nhận đủ hồ sơ hợp lệ dù Luật Nuôi con nuôi đã quy định thời hạn giải quyết việc nuôi con nuôi là 30 ngày kể từ ngày UBND cấp xã nhận đủ hồ sơ hợp lệ và thời hạn lập xong ý kiến của những người liên quan là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ⁵⁵.

2. Quy định về “tính hợp lệ” của hồ sơ nhận nuôi con nuôi chưa rõ ràng

Theo Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn hiện hành, các quy định về điều kiện nhận nuôi con nuôi có thể được chia làm 02 loại điều kiện:

- (i) Nhóm điều kiện mang tính chất chủ quan: Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi; Có tư cách đạo đức tốt⁵⁶;
- (ii) Nhóm điều kiện cố định: Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên; Không đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; Không đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh; Không đang chấp hành hình phạt tù; Không đang trong giai đoạn chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dâm dục, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em⁵⁷.

Với nhóm điều kiện cố định, công chức tư pháp – hộ tịch sau khi xem xét hồ sơ có thể khẳng định là “hồ sơ không hợp lệ” và tiến hành trả hồ sơ. Tuy nhiên, với nhóm điều kiện mang tính chất chủ quan, rất khó

⁵³ Luật Nuôi con nuôi, Điều 14, khoản 1, điểm c và d

⁵⁴ Bộ Tư pháp, Báo cáo Sơ kết 03 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi và 02 năm thi hành Công ước Lahay số 33 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế, trang 18

⁵⁵ Luật Nuôi con nuôi, các Điều 19 và 20

⁵⁶ Luật Nuôi con nuôi, Điều 14, khoản 1, điểm c và d

⁵⁷ Luật Nuôi con nuôi, Điều 14, khoản 1, điểm a, b và khoản 2

để xác định tính hợp lệ của hồ sơ như đã phân tích tại mục 1 của Hộp này. Nếu người nhận nuôi không đạt một điều kiện trong nhóm điều kiện mang tính chất chủ quan, liệu công chức tư pháp – hộ tịch sẽ trả hồ sơ với lý do “hồ sơ không hợp lệ” hay sẽ vẫn coi là “hồ sơ hợp lệ” và tiến hành lấy ý kiến của những người có liên quan?

Trong các cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tổ chức tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ, Nhóm nghiên cứu đã được chia sẻ những tình huống đăng ký nhận nuôi nhưng quyết định chấp thuận bị trì hoãn, chậm trễ, thậm chí có cá nhân sau 02 năm vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nuôi con nuôi. Hơn nữa như đã đề cập ở trên, quy định về điều kiện được nhận nuôi con nuôi không rõ ràng với những yêu cầu mang tính chủ quan như “có tư cách đạo đức tốt” và “có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi”, “có vấn đề về tinh thần” cũng khiến một số trường hợp người nhận nuôi bị gây khó dễ trong quá trình thực hiện thủ tục khi bộc lộ xu hướng tính dục và bản dạng giới.

b. Thái độ của chính quyền địa phương:

Sự ủng hộ của chính quyền địa phương đóng vai trò “rất quan trọng” hoặc “quan trọng” đối với việc nhận con nuôi như đã nêu ở trên (xem Hình 9 nêu trên). 48 người đối tượng phỏng vấn (chiếm 61%) trả lời cho rằng chính quyền địa phương đóng vai trò “rất quan trọng” hoặc “quan trọng” bởi chính quyền địa phương là cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục cho đăng ký nhận nuôi (đánh giá điều kiện người đăng ký nhận nuôi), cũng như thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến trẻ như thủ tục đăng ký khai sinh, hộ tịch, bảo hiểm y tế....

Mặc dù nhận xét là chính quyền địa phương đóng vai trò quan trọng nhưng nhiều người lại không thể đánh giá được mức độ tạo điều kiện của chính quyền địa phương hiện nay với việc loại bỏ phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới trong nuôi con và nhận nuôi con nuôi bởi họ chưa thực sự trải nghiệm. Một số trường hợp nhận con nuôi được thực hiện theo hình thức người độc thân nhận nuôi con nuôi. Trong tổng số 79 người tham gia phỏng vấn sâu, 30 người cho rằng chính quyền địa phương ít tạo điều kiện thuận lợi, thậm chí cản trở việc nuôi con hay nhận nuôi con nuôi dựa trên sự khác biệt về xu hướng tính dục và bản dạng giới vì theo người trả lời cho biết, trên thực tế đã có trường hợp chính quyền địa phương gây khó dễ với họ, yêu cầu cung cấp nhiều giấy tờ liên quan đến các điều kiện nhận nuôi, sau đó viện ra nhiều lý do để từ chối không cho họ nhận nuôi con.

Đặc biệt với người chuyển giới, theo phản ánh từ các cuộc thảo luận nhóm, người chuyển giới thường gặp khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính với chính quyền địa phương vì về bề ngoài khác với giới tính trên giấy khai sinh. Thủ tục xin nhận nuôi con nuôi cũng là một trong các thủ tục gặp khó khăn trong quá trình thực hiện đối với người chuyển giới vì lý do tương tự.⁵⁸

Trường hợp điển hình I⁵⁹:

Anh H. đến UBND xã nơi anh đang sống để làm thủ tục xin nhận nuôi con nuôi. Tuy nhiên, anh đã bị cán bộ UBND nơi đó từ chối hướng dẫn thủ tục xin nhận nuôi con do anh H. là người đồng tính. Việc nhận nuôi con gặp nhiều khó khăn, một phần do cán bộ UBND cản trở hướng dẫn thủ tục, một phần do nhận nuôi bé tại bệnh viện nên không có cha mẹ đẻ để xác nhận. Anh H. tự thực hiện thủ tục hơn một tháng nhưng không đạt được kết quả. Cuối cùng, anh thuê một Văn phòng luật sư thực

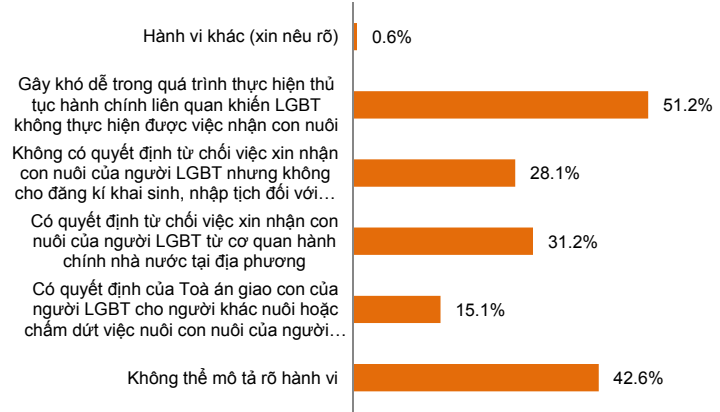
⁵⁸ Xem Phụ lục IV, Báo cáo thảo luận nhóm tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ

⁵⁹ Xem Phụ lục III, Trường hợp điển hình I

hiện thủ tục nhận nuôi con nuôi và làm giấy khai sinh cho bé với số tiền dịch vụ là 30 triệu. Ba tháng sau, Văn phòng luật sư đã lo xong thủ tục cho anh H., để anh đứng tên là cha nuôi của bé.

Theo các thông tin từ khảo sát trực tuyến, Nhóm nghiên cứu nhận thấy hành vi gây khó dễ do sự khác biệt về xu hướng tính dục và bản dạng giới của cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến nhận nuôi con nuôi là hành vi phổ biến nhất (51% - xem Hình 11). Hành vi từ chối việc xin nhận con nuôi bằng văn bản hoặc quyết định hành chính chiếm vị trí thứ hai (31%) hoặc không ra văn bản chiếm vị trí thứ ba (28%).

Hình 11: Hành vi ngăn cản việc LGBT nuôi con của cơ quan nhà nước tại địa phương



Qua thực tế khảo sát với công chức tư pháp – hộ tịch của một số UBND cấp xã tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, đa phần công chức tư pháp – hộ tịch đều khẳng định không có sự phân biệt đối xử với người nhận nuôi dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới nếu họ thực hiện thủ tục đăng ký nhận nuôi con nuôi. Một công chức tư pháp – hộ tịch thuộc một phường tại Hà Nội⁶⁰ chia sẻ rằng nếu người nhận nuôi chưa bộc lộ xu hướng tính dục hay bản dạng giới thì bộ phận tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không thể biết được và trong trường hợp này họ sẽ nhận con nuôi như những người độc thân khác; với những người công khai xu hướng tính dục hay bản dạng giới của mình thì pháp luật cũng không cấm họ nhận con nuôi. Tất cả công chức tư pháp – hộ tịch được phỏng vấn đều cho rằng cần tuân theo các quy định pháp luật trong suốt quá trình xem xét - ra quyết định liên quan đến việc nhận nuôi và cần thiết phải xem xét tổng thể các điều kiện được pháp luật quy định mà không tập trung cân nhắc yếu tố nhất định nào. Tuy nhiên, cũng có công chức tư pháp – hộ tịch thuộc một phường tại Thành phố Hồ Chí Minh chia sẻ quan điểm rằng người nhận nuôi nếu đã công khai xu hướng tính dục hay bản dạng giới khác biệt của mình xin nhận nuôi con nuôi chắc chắn sẽ không được chấp thuận vì pháp luật không thừa nhận họ⁶¹. Tương tự, tại một phường thuộc Hà Nội, có công chức tư pháp – hộ tịch cho rằng đồng tính là một dạng bệnh lý và cần có xác nhận của cơ sở y tế thì mới được nhận nuôi con⁶². Tuy nhiên, trong tất cả các công chức cấp xã được phỏng vấn lần này chưa có ai có kinh nghiệm với việc thực hiện thủ tục hành chính về con nuôi với người nhận nuôi đã bộc lộ sự khác biệt về xu hướng tính dục hay bản dạng giới. Do những cặp đôi đang nuôi con nuôi mà Nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn không muốn công khai việc nuôi con nuôi của mình với chính quyền địa phương, nên các chính quyền địa phương cũng không biết được thực tế trên địa bàn của mình có những trường hợp như vậy.

⁶⁰ Phỏng vấn tại Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2014

⁶¹ Phỏng vấn tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2014

⁶² Phỏng vấn tại Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2014

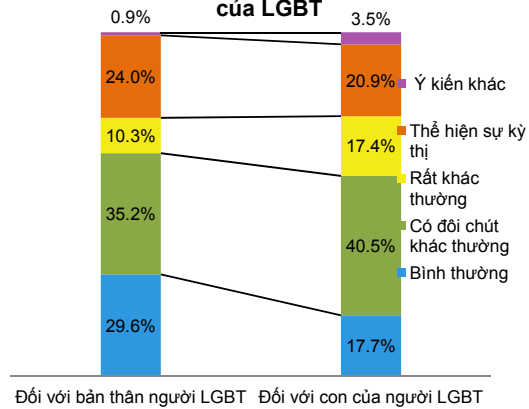
c. Thái độ của cộng đồng:

Thái độ của cộng đồng cũng là một yếu tố quan trọng đối với người nhận con nuôi và người thân của họ trong quá trình nhận con nuôi như đã nêu (xem Hình 9 ở trên). Qua phỏng vấn sâu, Nhóm nghiên cứu nhận thấy phần lớn đối tượng tham gia coi trọng thái độ của cộng đồng bởi lẽ thái độ này sẽ ảnh hưởng tới tâm lý và sự phát triển bình thường của trẻ. Ngoài ra, họ cần sự ủng hộ của cộng đồng và xã hội vì lực lượng này có thể tác động tới sự thay đổi của pháp luật liên quan đến việc loại bỏ phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới.

Kết quả khảo sát trực tuyến cho thấy tồn tại sự phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới từ phía cộng đồng và xã hội đối với nhiều người và con của họ. 69,5% ý kiến cho rằng cộng đồng xung quanh hay xã hội nói chung có thái độ “đôi chút khác thường”, “rất khác thường” hoặc “thể hiện sự kỳ thị” với sự khác biệt về xu hướng tính dục hay bản dạng giới. Thái độ của cộng đồng tác động không chỉ tới những người có xu hướng tính dục và bản dạng giới khác số đông mà còn với cả con của họ và như vậy rất không tốt tới sự phát triển bình thường của trẻ em (xem Hình 12).

Trong số 79 trường hợp phỏng vấn sâu, 44 người cho rằng thái độ của cộng đồng và xã hội hiện nay đối với việc chung sống và nuôi con, bao gồm cả nhận con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới là “ít tích cực” hoặc “không tích cực”. Những người này cũng cho biết thái độ của cộng đồng đối với sự đa dạng về giới và tính dục trong thời gian gần đây đã có chuyển biến tích cực hơn, đặc biệt là thái độ của cộng đồng trẻ, tuy nhiên người chuyển giới vẫn bị kỳ thị hơn người đồng tính và người song tính.

Hình 12: Thái độ của Cộng đồng xung quanh/xã hội đối với việc nuôi con của LGBT



Trường hợp điển hình V⁶³:

Chúng sống được 04 năm, yêu thương, tôn trọng nhau, T.A và H đều cảm nhận được hạnh phúc gia đình giản dị, cùng chia sẻ với nhau mọi vấn đề. Chính quyền địa phương không gây khó dễ cho hai người trong quá trình chung sống. Khó khăn duy nhất hai người gặp phải là sự kỳ thị của hàng xóm láng giềng. Hai người đã từng có lần phải chuyển nhà do sự kỳ thị của hàng xóm. Hiện hai người chọn giải pháp thuê nhà riêng để tránh sự kỳ thị và cố gắng chung sống chan hòa với hàng xóm láng giềng.

Thái độ của cộng đồng với sự đa dạng về giới và tính dục, đặc biệt là những trẻ em có cha mẹ là người đồng tính, song tính hoặc chuyển giới phản ánh những quan niệm nói chung tồn tại trong xã hội Việt Nam và cả nhiều quốc gia khác. Những quan niệm đó bao gồm:

- (i) Sự đa dạng về giới và tính dục là bệnh tâm lý, ảnh hưởng đến thiên chức làm cha hoặc mẹ của mọi người;
- (ii) Mối quan hệ giữa các cặp đôi cùng giới là không bền vững và sẽ ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển của trẻ;

⁶³ Xem Phụ lục III, Trường hợp điển hình V

- (iii) Sự khác biệt về xu hướng tính dục và bản dạng giới của cha mẹ sẽ khiến trẻ em phát triển không bình thường, bị ảnh hưởng cả về tâm lý và sinh lý, đồng thời sẽ gặp nhiều khó khăn trong các mối quan hệ xã hội.⁶⁴

Xung quanh vấn đề này, có rất nhiều quan điểm tranh luận khác nhau (xem phân tích tại Hộp II dưới đây).

Hộp II: Một số tranh luận liên quan tới khả năng làm cha mẹ của người đồng tính và sự phát triển của trẻ trong các gia đình có cha mẹ là người đồng tính

Charlotte J. Patterson trong nghiên cứu của mình đã khẳng định không có cơ sở thực tiễn để khẳng định rằng người đồng tính không phù hợp để làm cha mẹ. Thậm chí, theo nghiên cứu về các cặp đôi đồng tính nữ, các kết quả đã chỉ ra rằng các cặp đôi đồng tính thường có xu hướng phân chia công việc nhà và phân công lao động hợp lý, trong một vài trường hợp còn có kỹ năng làm cha mẹ tốt hơn so với các cặp dị tính. Tác giả đã phân tích ba cấu phần của bản dạng tính dục (sexual identity) của trẻ em trong gia đình có bố mẹ là người đồng tính, ba cấu phần này lần lượt là: bản dạng giới (gender identity); hành vi giới (gender-role behavior); và xu hướng tính dục (sexual orientation). Về bản dạng giới, tác giả đã trích dẫn một số nghiên cứu liên quan và đưa ra kết luận rằng không có nghiên cứu về bản dạng giới nào chứng minh được những khó khăn trong việc xác định bản dạng giới của trẻ sống trong gia đình có cha mẹ là đồng tính nữ, và không có số liệu tương ứng của trẻ em sống trong gia đình có cha mẹ là đồng tính nam. Về hành vi giới, tác giả đã khẳng định không có sự khác biệt giữa trẻ em trong gia đình có cha mẹ là đồng tính nữ với trẻ em có cha mẹ là người dị tính về loại đồ chơi yêu thích, các hoạt động, chương trình truyền hình được yêu thích, các sở thích cá nhân khác và lựa chọn về nghề nghiệp. Về xu hướng tính dục, trong tất cả các nghiên cứu, phần lớn trẻ có cha mẹ là đồng tính nam hoặc đồng tính nữ tự nhận xu hướng tính dục của mình là người dị tính. Nghiên cứu cũng chỉ ra một bức tranh tương đối tích cực về các hoạt động cộng đồng, đặc biệt là môi trường trường học của trẻ em có cha mẹ là người đồng tính, mặc dù một vài trẻ đã từng phải đối mặt với thái độ kỳ thị người đồng tính từ phía bạn bè đồng trang lứa. Trong gia đình, trẻ em có cha mẹ là đồng tính nữ thường duy trì mối quan hệ với các thành viên trong gia đình như bố (đã ly dị mẹ) hay ông bà⁶⁵.

Đối lập với các quan điểm nghiên cứu trên, Mark Regnerus trong nghiên cứu gần đây của mình đã chỉ ra những hạn chế của trẻ em lớn lên trong gia đình có cha mẹ là người đồng tính. Theo tác giả, tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ phải điều trị tâm lý của trẻ em lớn lên trong gia đình có cha mẹ là người đồng tính cao hơn so với trẻ em lớn lên trong gia đình có cha mẹ là người dị tính. Nghiên cứu cho rằng trẻ em có mẹ là đồng tính nữ và trẻ em có cha là đồng tính nam dường như cởi mở hơn với các mối quan hệ đồng tính. Theo quan sát của tác giả, tỷ lệ sử dụng cần sa, hút thuốc, đã từng bị bắt giữ và tuyên là có tội ở trẻ em có mẹ là đồng tính nữ là khá cao⁶⁶.

Về trẻ em sống trong gia đình có cha mẹ là người chuyển giới, hiện chưa có nhiều nghiên cứu về đối tượng này. Một số tài liệu cho thấy việc nuôi dạy con tốt là khía cạnh hoàn toàn tách biệt so với vấn đề giới tính. Tuy nhiên, các cơ quan phụ trách về con nuôi cũng như các cơ quan tài phán đôi khi lại cố gắng ngăn cản những người chuyển giới đưa con trẻ vào cuộc sống của họ hoặc thậm chí tách con trẻ ra khỏi tổ ấm của mình. Sự thiếu nhận thức và định kiến về người chuyển giới là nguồn cơn của những vụ tranh chấp quyền nuôi con. Các tài liệu cũng khẳng định việc cha mẹ đáp ứng các đòi hỏi của xã hội đối với vai trò của giới tính không liên quan đến việc đong đếm “lợi ích tốt nhất của trẻ” – tiêu chuẩn mà các tòa án sử dụng để xác định các vấn đề trong nuôi con. Hiện nay

⁶⁴ Charlotte J. Patterson, Lesbian and gay parents and their children: Summary of research findings, Lesbian & Gay Parenting, American Psychological Association, 2005, pg. 05-15

⁶⁵ Charlotte J. Patterson, Lesbian and gay parents and their children: Summary of research findings, ibid, pg. 05-15

⁶⁶ Mark Regnerus, How different are the adult children of parents who have same-sex relationships? Findings from the New Family Structures Study, Social Science Research 41 (2012), 752-770

cũng chưa có bằng chứng nào về việc trẻ có cha mẹ chuyển giới có xu hướng chuyển giới lớn hơn, kể cả nhiều nghiên cứu từ những năm 70 cũng không có khác biệt về vấn đề này. Về mặt pháp lý, tại một số tiểu bang Hoa Kỳ, tư cách làm cha mẹ phụ thuộc vào sự kết hôn hợp pháp, điều này lại phụ thuộc vào giới tính trên giấy tờ. Trong khi đó, các giới tính đó lại không tương thích với thực tế, do đó, giới tính của người chuyển giới, tình trạng hôn nhân, và các quyền làm cha mẹ luôn trong tình trạng bất bình. Tài liệu nghiên cứu cũng chỉ ra rằng tại Hoa Kỳ, pháp luật và cả thực tiễn cho thấy Tòa án thường được cho phép quyết định quyền nuôi con hoặc thăm nuôi dựa trên các yếu tố ảnh hưởng đến “lợi ích tốt nhất cho trẻ”. Nếu giới tính của cha mẹ chuyển giới không cho thấy khả năng làm trẻ tổn thương, thì mối liên hệ giữa cha mẹ và con cái không nên bị hạn chế, cũng như quyền nuôi con, thăm nuôi không nên bị thay đổi vì lý do này. Nhiều tòa án tán thành nguyên tắc này và đối xử với người chuyển giới trong vấn đề nuôi con giống với bất kỳ vụ việc nào khác – tập trung vào các yếu tố như kỹ năng làm cha mẹ. Trên thực tế, có trường hợp Tòa án ủng hộ quyền nuôi con của người chuyển giới (xem *Mayfield v. Mayfield*, Case No. 96AP030032, 1996 Ohio App. LEXIS 3724 (Ohio Ct. App. Aug. 14, 1996), tuy nhiên cũng có trường hợp Tòa án tuyên bố chấm dứt quyền thăm nuôi của một người chuyển giới vì cho rằng việc này có khả năng gây nguy hại cho đứa trẻ cả về mặt tinh thần và “xã hội” (xem *Cisek v. Cisek*, No. 80 C.A. 113, 1982 Ohio App. LEXIS 13335 (Ohio Ct. App. July 20, 1982))

Ở Việt Nam, tính đến thời điểm hiện tại (tháng 9/2014), chưa có một nghiên cứu cụ thể nào chứng minh sự liên quan giữa xu hướng tính dục và bản dạng giới đến năng lực làm cha mẹ hay sự phát triển của trẻ em trong các gia đình mà cha mẹ là người đồng tính, song tính hoặc chuyển giới. Qua nghiên cứu các trường hợp điển hình, Nhóm nghiên cứu nhận thấy:

- (i) Ba (03) cặp đôi đồng tính nữ và đồng tính nam có con đều rất yêu thương trẻ và quan tâm tới sự phát triển của trẻ. Trong cả ba (03) trường hợp, cha mẹ đều lo lắng khả năng trẻ phải chịu sự kỳ thị và phân biệt đối xử tại trường học và có sự khác biệt trong cách thức giải thích về cấu trúc gia đình tương ứng với độ tuổi của trẻ. Với cặp đôi thứ nhất là đồng tính nam đang nuôi một trẻ 03 tuổi, hai người cha vẫn lo lắng chưa biết giải thích với trẻ ra sao về việc trẻ có “hai người cha”, thậm chí cặp đôi này tính đến việc có thể phải nói dối bé cho tới khi bé trưởng thành hơn. Với cặp đôi thứ hai là đồng tính nữ đang nuôi một trẻ 06 tuổi, hai mẹ đã giải thích cho trẻ hiểu về sự đa dạng của tình yêu và trẻ cảm thấy hạnh phúc hơn khi có thêm một mẹ. Với cặp đôi thứ ba cũng là đồng tính nữ và có một con 14 tuổi, theo phản ánh của cha mẹ, trẻ rất ngoan ngoãn, hiểu chuyện và vẫn gọi hai người là “cha mẹ”. Hai chị không thấy bé kể gì về sự kỳ thị hay phân biệt đối xử tại trường học dù cha mẹ đã từng hỏi về vấn đề này. Khi đi họp phụ huynh, hai chị đều không nhận thấy sự khác biệt trong cách đối xử của cô giáo;
- (ii) Hai (02) trường hợp chưa có con (cặp đôi đồng tính nam và cặp đôi song tính nữ–chuyển giới nam) đều đã lường trước được những khó khăn mà trẻ em có thể phải đối mặt, đặc biệt là sự kỳ thị từ cộng đồng. Có cặp đôi đã lên kế hoạch cho việc nuôi dạy con qua từng giai đoạn, trong đó chú trọng tới việc giải thích về “đồng tính” một cách phù hợp, đặc biệt đã tìm hiểu tâm lý của trẻ qua tài liệu và tham khảo ý kiến từ bác sĩ tâm lý để chuẩn bị không chỉ về điều kiện vật chất mà cả về tinh thần cho quá trình nuôi dưỡng trẻ⁶⁷.

⁶⁷ Xem Phụ lục III – Các trường hợp điển hình

d. Thái độ của gia đình:

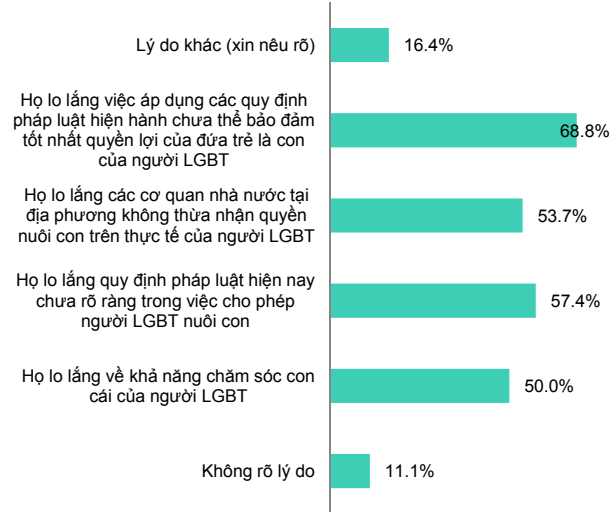
Hầu hết người tham gia khảo sát trực tuyến đều nhận định tầm quan trọng của sự ủng hộ từ phía gia đình đối với việc nhận nuôi con nuôi (xem Hình 9 ở trên). Qua phỏng vấn sâu tại các địa phương, Nhóm nghiên cứu cũng nhận thấy vai trò quan trọng của gia đình đối với quyết định chung sống và nuôi con, bao gồm cả nhận con nuôi. Cụ thể, có tới 73 người cho rằng sự ủng hộ và hỗ trợ từ phía gia đình là “rất quan trọng” hoặc “quan trọng” khi họ đưa ra các quyết định chung sống hay nhận nuôi con nuôi bởi lẽ gia đình là động lực, hỗ trợ cả về tinh thần và vật chất cho mỗi người. Ngoài ra, việc duy trì mối quan hệ tốt với gia đình giúp họ và cả con của họ cảm thấy hạnh phúc trọn vẹn hơn. Tại các cuộc thảo luận nhóm, Nhóm nghiên cứu đã ghi nhận nhiều trường hợp bộc lộ xu hướng tính dục, bản dạng giới và quyết định sống chung và có con nhận được sự ủng hộ của gia đình; bên cạnh đó cũng có nhiều trường hợp người được phỏng vấn không dám lộ diện và phải kết hôn với người mình không yêu và có con để duy trì mối quan hệ gia đình cũng như để tránh mọi kỳ thị hay áp lực khác đối với bản dạng của họ.

Khảo sát định lượng cho thấy, phần lớn các gia đình đều lo lắng các quy định pháp luật hiện hành chưa bảo đảm tốt nhất quyền lợi của trẻ em bất kể xu hướng tính dục và bản dạng giới của cha mẹ (68,8%). Thêm vào đó, các gia đình còn lo ngại quy định pháp luật hiện nay chưa đưa xu hướng tính dục và bản dạng giới vào các quy định nhận nuôi con và khả năng các cơ quan nhà nước tại địa phương không thừa nhận quyền nuôi con trên thực tế dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới. 50% người trả lời cho rằng gia đình còn có thể lo lắng về ảnh hưởng của xu hướng tính dục và bản dạng giới đến khả năng chăm sóc con cái (xem Hình 13). Kết quả này cho thấy tâm lý lo lắng của gia đình về pháp luật, quy định của cơ quan nhà nước về xu hướng tính dục và bản dạng giới đối với việc nuôi con.

Qua khảo sát trực tiếp (bao gồm phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm), chỉ có 23 trong tổng số 79 đối tượng tham gia cho rằng gia đình hiện nay có thái độ “rất ủng hộ” hoặc “tương đối ủng hộ” việc chung sống và nuôi con của họ. Trong khi đó, 45 người cho rằng gia đình còn “ít ủng hộ” hoặc “không ủng hộ” những hành vi nêu trên. Nhóm nghiên cứu nhận thấy thái độ của gia đình thường phụ thuộc vào các yếu tố điển hình như:

- (i) Nhận thức của các thành viên trong gia đình về đa dạng giới và tính dục (chịu ảnh hưởng từ môi trường làm việc và sinh sống của các thành viên trong gia đình);
- (ii) Quan điểm của dòng tộc, họ hàng về đa dạng giới và tính dục;
- (iii) Thái độ của cộng đồng sinh sống nói riêng và xã hội nói chung về đa dạng giới và tính dục;
- (iv) Cách thức tự bộc lộ (cho người khác biết) về xu hướng tính dục và bản dạng giới của mình, thuyết phục và phản ứng với gia đình.

Hình 13: Nguyên nhân gia đình của LGBT/gia đình của người yêu/bạn đời của LGBT không đồng tình với việc nuôi con của LGBT



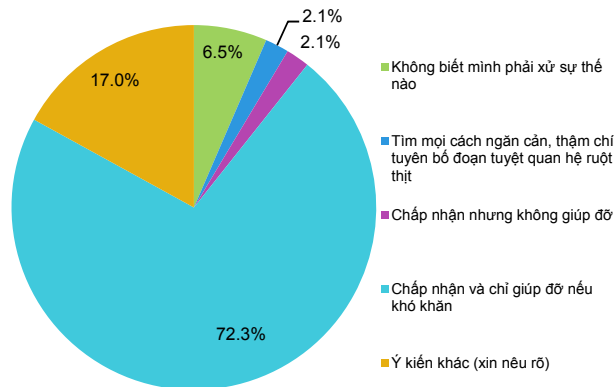
Trường hợp điển hình V⁶⁸:

Sau khi sống chung được 3 tháng, T.A. dẫn H. về ra mắt gia đình với tư cách bạn bè. Với sự xuất hiện của H. tại gia đình T.A. ngày càng nhiều, gia đình T.A. nghi ngờ về mối quan hệ của hai người. Do đã từng làm cho tổ chức phi chính phủ quốc tế, bố của T.A. hiểu và ủng hộ việc chung sống của hai người. Mẹ của T.A. phản đối vì lo lắng hai người sống với nhau sẽ khổ bởi định kiến xã hội. Sau một thời gian thuyết phục và động viên, mẹ của T.A. đã ủng hộ hai người sống chung lâu dài. Gia đình T.A. còn lên kế hoạch khi nào pháp luật ghi nhận hôn nhân giữa hai người cùng giới tính, gia đình T.A. sẽ cho hai người công khai và tổ chức đám cưới. Tuy nhiên, hiện nay T.A. và H. vẫn chưa công khai với gia đình của H. vì gia đình của H. chưa chấp thuận việc này.

Đa số người thân của người đồng tính, song tính và chuyển giới được khảo sát đều nhận định đa dạng giới và tính dục là bình thường, không phải là biểu hiện của trạng thái bệnh lý về tinh thần hay thể chất, cũng không phải là biểu hiện của sự suy thoái về lối sống. Một số rất ít vẫn còn cho rằng đa dạng giới và tính dục là một biểu hiện của trạng thái bệnh lý về tinh thần hay thể chất hoặc suy thoái về lối sống.

Hầu hết người thân tham gia trả lời bảng hỏi trực tuyến đều ủng hộ việc nuôi con của người đồng tính, song tính và chuyển giới nói chung và người thân đồng tính, song tính và chuyển giới của mình nói riêng. Chỉ có duy nhất 01 trường hợp người thân tham gia trả lời bảng hỏi trực tuyến không đồng ý việc người thân của mình nuôi con, nhưng lý do là vì người thân đó còn đang đi học chứ không phải do xu hướng tính dục hay bản dạng giới của người đó. Kết quả khảo sát trực tuyến cho thấy nếu người đồng tính, song tính và chuyển giới vẫn có con và nuôi con mà không có sự ủng hộ của người thân thì phần lớn người thân đều chấp nhận và giúp đỡ nếu việc có con và nuôi con của họ gặp khó khăn (xem Hình 14).

Hình 14: Phản ứng của người thân nếu LGBT tiến hành có con và nuôi con



Đa số người tham gia ủng hộ việc người thân của mình có con hay nhận con nuôi bất kể sự khác biệt về xu hướng tính dục và bản dạng giới trong khảo sát trực tiếp (28 người ủng hộ, 01 người chưa rõ quan điểm và 03 người không ủng hộ). Các lý do mà nhóm ủng hộ đưa ra thường tập trung vào lập luận người thân của họ hoàn toàn có khả năng chăm sóc con cái như những người khác, hơn nữa có con là khao khát bản năng của mỗi người, và ai cũng cần có gia đình trọn vẹn và hạnh phúc, có người chăm sóc và nương tựa khi về già dù họ có khác biệt về xu hướng tính dục hay bản dạng giới. Những người không ủng hộ là vì các lý do như: lo lắng rằng trẻ có khả năng sẽ bị kỳ thị, thiệt thòi khi bố mẹ có những khác biệt so với gia đình khác. Việc nuôi dạy con cái vốn dĩ đã khó khăn, sự kỳ thị dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới sẽ còn gây ra thêm nhiều khó khăn.

e. Các yếu tố khác:

⁶⁸ Xem Phụ lục III, Trường hợp điển hình V

Ngoài các yếu tố trên, qua trao đổi trực tiếp với 79 người, Nhóm nghiên cứu còn đánh giá tác động của một số yếu tố khác tới quyết định có con, nuôi con, bao gồm cả nhận con nuôi, bao gồm:

- **Điều kiện kinh tế:** 14 người trong cuộc phỏng vấn sâu lưu ý Nhóm nghiên cứu về vai trò của điều kiện kinh tế đối với việc ra quyết định nhận con nuôi hay có con đẻ và nuôi con. Qua những buổi thảo luận nhóm, học cũng nêu rõ tầm quan trọng của việc ổn định cuộc sống trước khi đưa ra quyết định có con.
- **Tổ chức, mạng lưới, nhóm hoạt động của LGBT hoặc hoạt động vì LGBT:** Trong tổng số 79 người tham gia phỏng vấn sâu, 65 người cho rằng các tổ chức, mạng lưới, nhóm LGBT đóng vai trò “rất quan trọng” hoặc “quan trọng” với việc thực hiện quyền chung sống, có con và nuôi con chung của người đồng tính, song tính và chuyển giới. Nguyên nhân là bởi những tổ chức này giúp thay đổi nhận thức xã hội về đa dạng giới và tính dục, cung cấp kiến thức, giúp kết nối và tăng cường sức mạnh của nhóm LGBT, đồng thời đưa tiếng nói của người đồng tính, song tính và chuyển giới tới các nhà lập pháp để vận động cho việc ghi nhận và thực thi quyền họ. Tuy nhiên, một số cũng chia sẻ một số hạn chế nhất định trong hoạt động của các tổ chức, nhóm, mạng lưới hiện nay, tiêu biểu là sự thiếu kết nối giữa các nhóm khiến phong trào chưa đạt được hiệu quả cao như mong muốn.
- **Kiến thức, kỹ năng:** Đa phần người trả lời đều nhận định kiến thức, kỹ năng để chung sống, nuôi con chung của người nuôi con có vai trò “rất quan trọng” hoặc “quan trọng” tác động đến việc chung sống và nuôi con. Tuy nhiên, những người tham gia phỏng vấn cũng thừa nhận kiến thức, kỹ năng để chung sống và nuôi con của họ hiện nay còn hạn chế bởi theo các ý kiến chia sẻ, phần lớn người quen của họ đều còn khá trẻ, còn nhiều mối quan tâm hơn là kiến thức, kỹ năng chung sống và nuôi con.
- **Tự kỳ thị:** Trong 79 trường hợp phỏng vấn sâu, 58 trường hợp nhận định rằng sự tự kỳ thị (mặc cảm hay lo sợ xu hướng tính dục hay bản dạng giới của bản thân dẫn tới tự hạ thấp giá trị bản thân) có tác động “rất quan trọng” hoặc “quan trọng” đến việc chung sống và nhận nuôi con chung của bản thân họ với lý do nếu chưa vượt qua được sự kỳ thị, họ sẽ không thể có được hạnh phúc thật sự cho bản thân mình, càng không đem lại được hạnh phúc cho con cái. 42 người tham gia phỏng vấn sâu cho rằng trạng thái tự kỳ thị xu hướng tính dục hay bản dạng giới của bản thân hiện nay ở mức độ “rất thấp” hoặc “thấp”. 22 người cho rằng trạng thái tự kỳ thị hiện nay còn “tương đối cao” và 05 người đánh giá ở mức độ “rất cao”. Tại các cuộc thảo luận nhóm, người tham gia cũng cho biết đây chỉ là cảm nhận cá nhân và khó có thể đánh giá chính xác được tình trạng tự kỳ thị xu hướng tính dục và bản dạng giới của tất cả mọi người, bao gồm cả những người không xem mình là người đồng tính, song tính hoặc chuyển giới, vì bản thân người trả lời cũng không chắc chắn về lượng người có sự khác biệt về xu hướng tính dục và bản dạng giới so với chuẩn mực xã hội, cũng như lượng người đã bộc lộ xu hướng tính dục hay bản dạng giới của bản thân.
- **Trung tâm trợ giúp pháp lý, Trung tâm tư vấn pháp luật:** Đa phần người tham gia phỏng vấn sâu đều không đánh giá được vai trò của các trung tâm trợ giúp pháp lý, trung tâm tư vấn pháp luật trong các trường hợp xu hướng tính dục và bản dạng giới của người nhận nuôi con ảnh hưởng đến việc chung sống và nhận nuôi con bởi người tham gia phỏng vấn chưa từng tiếp xúc với các trung tâm trợ giúp pháp lý của nhà nước hay trung tâm tư vấn pháp luật của các tổ chức xã hội. Kết quả khảo sát này không nhằm chỉ ra hạn chế trong hoạt động của các trung tâm trợ giúp pháp lý, trung tâm tư vấn pháp luật mà thay vào đó, Nhóm nghiên cứu muốn phân tích và trả lời vấn đề: Có nên đưa những người có xu hướng tính dục và bản dạng giới khác với số đông trở thành đối tượng được trợ

giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý hay không? Sự đa dạng về giới và tính dục có khiến một người trở thành đối tượng yếu thế trong xã hội tương tự như các nhóm yếu thế khác (như nhóm người khuyết tật, người nghèo, người dân tộc thiểu số...)? Thực tế, đa dạng về giới và tính dục bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau, chẳng hạn như xu hướng tính dục, bản dạng giới, biểu hiện giới, hành vi tính dục, và các khía cạnh khác. Sự khác nhau về xu hướng tính dục chia thành các nhóm như đồng tính, song tính. Khác biệt về bản dạng giới có người chuyển giới. Khác biệt về giới tính sinh học có người liên giới tính. Có những nhóm yếu thế hơn so với các nhóm khác, cũng có những nhóm nổi bật hơn. Các nhóm này có thể chia sẻ một số vấn đề chung, nhưng họ cũng có những vấn đề đặc thù riêng của nhóm họ. Thêm vào đó, trong bối cảnh các đối tượng trợ giúp pháp lý tại Việt Nam còn chưa có thể hỗ trợ hết các đối tượng yếu thế cần sự trợ giúp như nạn nhân bạo lực gia đình, trẻ em, người bị bắt, người bị tạm giam, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong các vụ án hình sự⁶⁹ thì việc đưa vấn đề về đa dạng giới và tính dục vào các quy định trợ giúp pháp lý cần nhiều hỗ trợ về kiến thức và nguồn lực.

Tiêu kết phần 3.2 - Thực tế chung sống, nuôi con và nhận nuôi con nuôi

-  Hiện tại mới có một số ít trường hợp cá nhân hoặc cặp đôi có con đẻ hoặc con nuôi nhưng nhu cầu được nuôi con là hiện hữu đối với các cá nhân hoặc cặp đôi bất kể xu hướng tính dục hay bản dạng giới của họ.
-  Có 03 phương án lựa chọn khi người đồng tính, song tính và chuyển giới muốn có con trên thực tế: (i) có con với người khác giới (nếu có quan hệ hôn nhân thì được trao quyền nuôi con sau ly dị); (ii) nhận nuôi con nuôi (có thể đăng ký hoặc không đăng ký); và (iii) sinh con theo phương pháp khoa học.
-  Sự thừa nhận của pháp luật, sự ủng hộ của chính quyền địa phương, sự ủng hộ của gia đình, thái độ của cộng đồng và xã hội, sự ủng hộ của bạn đời, người yêu và tâm lý của chính bản thân mình đều được phản ánh là có sự tác động rất quan trọng tới việc nhận nuôi con nuôi. Đa số người thân của người đồng tính, song tính và chuyển giới tham gia phỏng vấn đều ủng hộ việc họ chung sống, có con và nhận con nuôi.
-  Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi hiện hành còn một số hạn chế, các tiêu chuẩn, điều kiện còn mang tính chủ quan, thiếu sự bảo vệ đối với đa dạng giới và tính dục dẫn tới khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục.
-  Thái độ tiêu cực của gia đình, cộng đồng xung quanh hay xã hội nói chung đối với đa dạng giới và tính dục gây khó khăn trong quá trình nuôi con cũng như gây ra các trở ngại tâm lý cho trẻ trong các hoạt động cộng đồng.
-  Điều kiện kinh tế của bản thân, hoạt động của các tổ chức, mạng lưới, nhóm hoạt động của cộng đồng, kiến thức, kỹ năng chung sống, nuôi con và vấn đề vượt qua sự kỳ thị cũng được coi là các yếu tố ảnh hưởng tới việc ra quyết định chung sống, nuôi con và nhận nuôi con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới.

⁶⁹ Trợ giúp pháp lý Việt Nam, *Giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về người được trợ giúp pháp lý*, truy cập tại địa chỉ <http://trogiupphaply.gov.vn/nguyen-cuu-trao-doi/giai-phap-hoan-thien-cac-quy-dinh-phap-luat-ve-nguoi-duoc-tro-giup-phap-ly>

 Cộng đồng và xã hội hiện nay đã và đang dần cởi mở hơn với sự đa dạng về giới và tính dục cũng như việc chung sống của các cặp đôi cùng giới. Tuy nhiên, vẫn có những lo lắng về ảnh hưởng của xu hướng tính dục và bản dạng giới đến khả năng làm cha mẹ và sự phát triển của trẻ em.

3.3. Nguyên vọng và đề xuất của người đồng tính, song tính và chuyển giới và người thân

3.3.1 Đề xuất sửa đổi quy định pháp luật liên quan tới chung sống, nuôi con và nhận nuôi con nuôi

Qua phỏng vấn trực tiếp, gần như toàn bộ đối tượng tham gia (77/79) bày tỏ mong muốn sửa đổi các quy định pháp luật về nuôi con nuôi theo hướng cho phép cặp đôi cùng giới được nhận con nuôi chung, và tỷ lệ tương tự cho rằng cần sửa Luật Hôn nhân và Gia đình theo hướng cho phép hôn nhân giữa hai người cùng giới tính. Người thân của người đồng tính, song tính và chuyển giới cũng ủng hộ việc sửa luật để tạo điều kiện cho cặp đôi cùng giới nuôi con. Số ít người trả lời còn e ngại về khả năng duy trì mối quan hệ gia đình bền vững và trách nhiệm của cặp đôi cùng giới trong việc nuôi dưỡng đứa trẻ.

Để tìm hiểu sâu hơn về mong muốn, kế hoạch của người đồng tính, song tính và chuyển giới trong quá trình chung sống và nuôi con, Nhóm nghiên cứu tìm hiểu khả năng hiện hữu những thoả thuận thực tế (de factor) về việc sống chung, chăm sóc, nuôi dưỡng con cái giữa các cặp đôi cùng giới hay người chuyển giới và bạn đời của mình. Kết quả khảo sát cho thấy những thoả thuận này có tồn tại trên thực tế về mục đích sống chung. Hình thức của các thoả thuận này chỉ chủ yếu là thoả thuận miệng, có tính tình cảm và quân tử (tự nguyện tôn trọng thoả thuận). 100% người tham gia trả lời bằng hỏi trực tuyến cho rằng pháp luật nên công nhận các thoả thuận về chăm sóc, nuôi dưỡng con cái giữa các cặp đôi bất kể giới và giới tính của họ. Tại các cuộc thảo luận nhóm, người tham gia cũng cho biết nếu pháp luật công nhận việc nhận nuôi con nuôi của các cặp đôi cùng giới thì nên đưa ra các điều kiện về nuôi dưỡng như chế độ báo cáo, tài khoản tiết kiệm trong ngân hàng, cặp đồng tính nam nhận nuôi thì phải thuê bảo mẫu hoặc có gia đình của họ phụ giúp⁷⁰....

Trường hợp điển hình V⁷¹:

Khi đã chấp nhận và ủng hộ việc chung sống và quyết định có con của T.A. và H., cha mẹ T.A. khẳng định khi nào pháp luật ghi nhận hôn nhân giữa hai người cùng giới tính, gia đình sẽ cho hai người công khai và tổ chức đám cưới.

T.A. và H. đã từng thảo luận với nhau về một thoả thuận chung sống và nuôi con, trong đó có thoả thuận về vấn đề tài sản. Nhưng bây giờ khi đã hiểu nhau và tin tưởng nhau rồi, họ thấy không cần thiết phải có thoả thuận đó. Hiện hai người gửi chung tiền vào một thẻ - H. (thẻ chính), T.A. (thẻ phụ), hai người cùng sử dụng và quản lý. Hiện tài sản chung của hai người không đáng kể, trong tương lai, khi nào có tài sản giá trị lớn thì sẽ thoả thuận cụ thể bằng văn bản để làm rõ quyền của mỗi bên. Hai chị cũng dự định sau khi có con sẽ lập di chúc để đảm bảo quyền lợi cho con.

Trường hợp điển hình I⁷²:

Anh H. cũng tìm hiểu nhiều về tâm lý của bé ở các độ tuổi khác nhau, tuy nhiên, phản ứng tâm lý của bé rất khó đoán trước do bé mới có 3 tuổi.

⁷⁰ Xem Phụ lục IV, Thảo luận nhóm của các bạn đồng tính nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

⁷¹ Xem Phụ lục III – Trường hợp điển hình V

⁷² Xem Phụ lục III – Trường hợp điển hình I

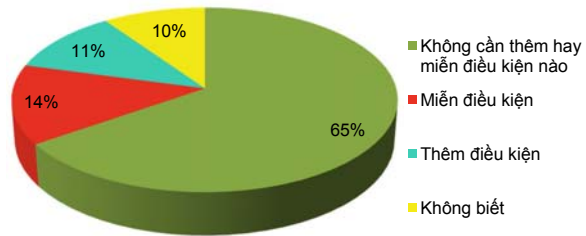
Việc kết hôn giữa hai người cùng giới tính với anh T.H. và anh H. đều không quan trọng, vì tại thời điểm hiện tại, cuộc sống của họ đều rất hạnh phúc. Anh H. nói rằng anh rất thỏa mãn với cuộc sống hiện tại. Anh chỉ mong pháp luật có thể công nhận sự đa dạng về xu hướng tính dục, để anh H. có thể dễ dàng giải thích cho bé hiểu về bản thân mình hơn, và bé cũng không bị mặc cảm khi đi học hay ra ngoài xã hội.

Trường hợp điển hình III⁷³:

Chị H. và chị Y. cảm thấy hài lòng với cuộc sống hiện tại. Họ cũng không gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống do gia đình của hai chị đều đã chấp nhận cuộc sống và con người thật của hai chị. Tuy nhiên, cả hai chị đều mong muốn pháp luật thừa nhận việc kết hôn giữa những người cùng giới tính để chị Y. được mặc nhiên coi là mẹ của bé. Đây mới là giải pháp lâu dài và tốt đẹp cho gia đình chị.

Tại thời điểm khảo sát, Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 sắp được thông qua và dự thảo luật trình Quốc hội chưa công nhận hôn nhân giữa hai người cùng giới tính. Tuy nhiên, những người được khảo sát trực tiếp vẫn thể hiện mong muốn sửa đổi các quy định pháp luật liên quan tới công nhận việc kết hôn và nuôi con chung của các cặp đôi cùng giới. Phần lớn họ đều mong muốn pháp luật ghi nhận 03 quyền quan trọng của các cặp đôi cùng giới dù có hay không có con như: (i) quyền được hưởng sự chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình của các cặp đôi sống chung với nhau; (ii) quyền được cấp dưỡng của con khi không còn chung sống với cha mẹ; và (iii) quyền đối với tài sản chung. Một số trường hợp cho rằng không cần thiết phải ghi nhận các quyền này bởi khi đã chung sống thì mọi trách nhiệm và quyền lợi đều được chia sẻ một cách bình đẳng trên cơ sở lợi ích chung và sự tự nguyện của cả hai bên.

Hình 15: Các điều kiện cần thêm hoặc được miễn khi LGBT nhận con nuôi



65,3% người trả lời câu hỏi liên quan tới việc miễn hay bổ sung điều kiện nhận nuôi con nuôi cho người đồng tính, song tính và chuyển giới khi nhận nuôi trong bảng hỏi trực tuyến cho biết họ không cần bổ sung hay miễn giảm bất kì điều kiện nào trong số những điều kiện mà Nhóm Khảo sát đã liệt kê theo yêu cầu của pháp luật và giả định phù hợp (xem Hình 15). Điều này cho thấy sự khác biệt về xu hướng tính dục và bản dạng giới so với chuẩn xã hội không làm nảy sinh các đặc quyền khác mà ngược lại cần sự bảo vệ chống phân biệt đối xử dựa trên các cơ sở này để hướng tới sự bình đẳng cho tất cả mọi người.

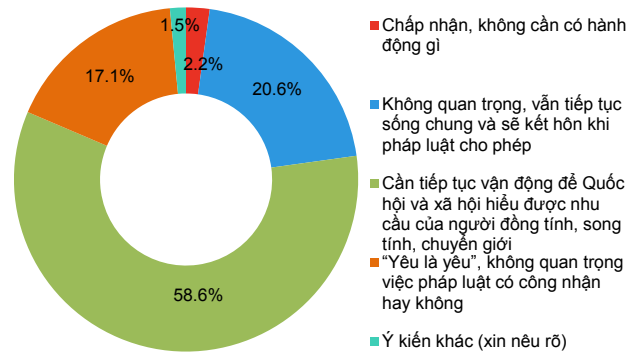
⁷³Xem Phụ lục III – Trường hợp điển hình III

Liên quan tới thủ tục nhận nuôi, một bộ phận người tham gia phỏng vấn trực tuyến cũng mong muốn giảm bớt một số giấy tờ, văn bản được yêu cầu cung cấp trong hồ sơ xin nhận con nuôi. Trong số những người từng tìm hiểu về thủ tục nhận nuôi con nuôi, 42,9% người tham gia khảo sát định lượng mong muốn không phải cung cấp văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân vì pháp luật chưa công nhận hôn nhân giữa hai người cùng giới tính.

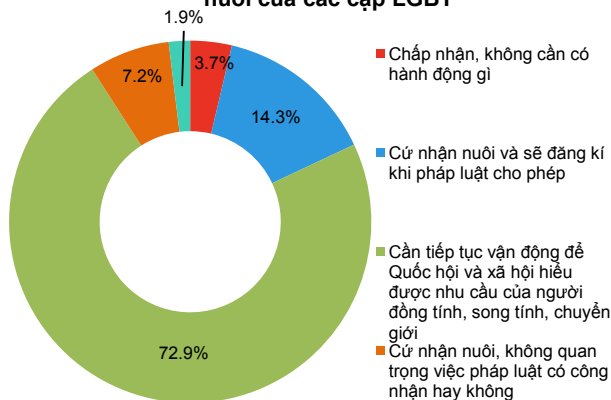
3.3.2 Xu hướng hành động

Khi Nhóm Nghiên cứu đặt câu hỏi nhằm tìm hiểu thái độ và hành động của đối tượng tham gia khi Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận việc kết hôn hay chung sống của các cặp đôi cùng giới tính, đa số (58,6%) khẳng định cần phải tiếp tục vận động để Quốc hội và xã hội hiểu được nhu cầu của họ (xem Hình 16).

Hình 16: Thái độ và ý định hành động của LGBT tham gia trả lời bằng hỏi trong trường hợp Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận việc kết hôn hay sống chung đồng giới



Hình 17: Thái độ hoặc ý định hành động của LGBT trong trường hợp pháp luật về nuôi con nuôi không công nhận việc nuôi con nuôi của các cặp LGBT



Qua thảo luận nhóm, Nhóm nghiên cứu nhận thấy đa số đều dự đoán được khả năng pháp luật chưa công nhận việc kết hôn của các cặp đôi cùng giới tính. Bên cạnh một số trường hợp thể hiện quan điểm thất vọng hay mất niềm tin, đa số đều cho rằng cần phải tiếp tục vận động và tìm cách thích hợp để bảo vệ quyền của mình và quyền của con cái trong trường hợp pháp luật vẫn chưa ghi nhận.

Về xu hướng hành động của người đồng tính, song tính và chuyển giới trong việc bảo vệ quyền, 72,9% khẳng định cần tiếp tục công cuộc vận động chính sách và vận động xã hội, 7,2%

không quan tâm đến sự cho phép của pháp luật, và 14,3% cho biết họ sẽ vẫn nhận nuôi, nuôi con và sẽ đăng kí khi nào pháp luật cho phép (Xem Hình 17).

22/32 người thân tham gia phỏng vấn sâu cho biết họ sẵn sàng lên tiếng để bảo vệ, yêu cầu và thuyết phục các nhà lập pháp sửa đổi các quy định pháp luật theo hướng ghi nhận quyền kết hôn và nhận nuôi con chung của các cặp đôi cùng giới tính. Chỉ có 09/32 người không muốn lên tiếng công khai bởi lo lắng người thân của mình có thể bị tiết lộ danh tính hoặc họ không tin rằng việc lên tiếng của mình có thể khiến pháp luật thay đổi.

Tiểu kết phần 3.3 - Mong muốn của LGBT và người thân

-  Phần lớn người đồng tính, song tính và chuyển giới và người thân của họ mong muốn pháp luật được sửa đổi theo hướng ghi nhận quyền kết hôn và nuôi con chung của các cặp đôi cùng giới tính.
-  Người đồng tính, song tính và chuyển giới khẳng định tiếp tục thực hiện các biện pháp thích hợp để bảo vệ quyền của mình và quyền của con cái.
-  Sự khác biệt về xu hướng tính dục và bản dạng giới so với chuẩn xã hội không làm nảy sinh các đặc quyền khác mà ngược lại cần sự bảo vệ chống phân biệt đối xử dựa trên các cơ sở này để hướng tới sự bình đẳng cho tất cả mọi người.
-  Người thân của người đồng tính, song tính và chuyển giới sẵn sàng công khai bảo vệ quyền của họ theo hướng ghi nhận quyền kết hôn và quyền nhận nuôi con chung không phân biệt xu hướng tính dục hay bản dạng giới.



CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

4.1. KẾT LUẬN

Trẻ em phải được hưởng đầy đủ các quyền con người nói chung như quyền không bị phân biệt đối xử và các quyền đặc thù như quyền được nhận làm con nuôi và nhiều quyền khác của trẻ em đã được ghi nhận trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Hai nguyên tắc cốt lõi được nhấn mạnh theo các điều ước quốc tế liên quan đến bảo vệ quyền trẻ em là “Không phân biệt đối xử với trẻ em” và “vi lợi ích tốt nhất của trẻ em”. Luật pháp quốc tế đã ghi nhận và bảo vệ quyền trẻ em mà không có bất kì có sự phân biệt nào dựa trên xu hướng tính dục hay bản dạng giới của trẻ hay của cha mẹ trẻ. Pháp luật Việt Nam hiện hành không có khác biệt trong các quy định về xu hướng tính dục và bản dạng giới của trẻ hay của cha mẹ của trẻ.

Sự khác biệt về xu hướng tính dục hay bản dạng giới không làm mất đi tư cách là một con người trước pháp luật của bất cứ người nào, cũng như không làm mất đi các quyền của con người của họ trong mọi lĩnh vực của đời sống, trong đó có các quyền như quyền kết hôn, quyền lập gia đình, quyền nhận con nuôi. Tất cả mọi người bất kể xu hướng tính dục hay bản dạng giới phải được hưởng quyền không bị phân biệt đối xử và quyền bình đẳng, là những nguyên tắc nền tảng của Luật Nhân quyền quốc tế. Từ góc độ quyền con người, nhiều quốc gia đã có những nghiên cứu nghiêm túc nhằm sửa đổi pháp luật theo hướng thay đổi các quan niệm vốn có về giới, hôn nhân và gia đình, đồng thời coi việc khẳng định và loại bỏ sự phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới như là biểu hiện của việc tôn trọng và đề cao các quyền tự do cơ bản của con người trong một xã hội ngày càng dân chủ hơn⁷⁴.

Rà soát các quy định của pháp luật Việt Nam, Nhóm Nghiên cứu không thấy có quy định cấm hoặc điều kiện đối với xu hướng tính dục hay bản dạng giới của người nhận nuôi con nuôi hoặc của người giám hộ, người đại diện, cho nên sự khác biệt về xu hướng tính dục hay bản dạng giới không làm mất đi các quyền này. Tuy nhiên, các quy định pháp luật chưa được thực sự rõ ràng, một số quy định còn mang tính chủ quan nên đã dẫn tới khả năng phân biệt đối xử trong việc xem xét chấp thuận người nuôi con nuôi, người giám hộ dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới.

Mặc dù chỉ có số ít người đồng tính, song tính và chuyển giới tham gia khảo sát đang nuôi con, khảo sát cho thấy nhu cầu có con (bao gồm con nuôi và con đẻ) đang hiện hữu với nhiều cặp đôi hay cá nhân bất kể xu hướng tính dục hay bản dạng giới của họ. Cộng đồng và xã hội

⁷⁴ Tại Hoa Kỳ, vào ngày 26 tháng 6 năm 2013, Tòa án Tối cao liên bang đã ban hành một phán quyết trong vụ án về quyền kết hôn của LGBT tên là “United States v. Windsor” trong đó tuyên bố Điều 3 của Luật liên bang về Bảo vệ Hôn nhân (Defense Marriage Act - DOMA) vi phạm Hiến pháp Hoa Kỳ bởi định nghĩa rằng khái niệm vợ chồng chỉ áp dụng cho các cặp đôi dị tính. Phán quyết này đã mở ra một chương mới trong pháp luật tại Hoa Kỳ theo hướng thừa nhận quyền về hôn nhân và gia đình của LGBT, được Tổng thống Obama đánh giá là “Chiến thắng của nền dân chủ”.

hiện nay đã và đang dần cởi mở hơn với sự đa dạng giới và tính dục và việc chung sống của các cặp đôi cùng giới tính, dù vẫn có những lo lắng về sự ảnh hưởng của xu hướng tính dục và bản dạng giới đến khả năng làm cha mẹ và sự phát triển của trẻ em. Đối tượng tham gia nghiên cứu cũng khẳng định khả năng chăm sóc trẻ của họ không bị ảnh hưởng bởi xu hướng tính dục hay bản dạng giới. Điều quan trọng là pháp luật cần phải tạo điều kiện một cách công bằng để tất cả các cha mẹ và trẻ em đều được hưởng những điều kiện tương tự như nhau mà không có sự phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục hay bản dạng giới.

Phần lớn người tham gia nghiên cứu mong muốn hệ thống pháp luật được sửa đổi theo hướng ghi nhận quyền kết hôn và nuôi con chung của các cặp đôi cùng giới tính. Nếu pháp luật, chính sách không coi người đồng tính, song tính và chuyển giới là một nhóm yếu thế trong xã hội thì họ mong muốn không bị kỳ thị và được đối xử bình đẳng trong việc thực hiện các quyền con người. Cũng xuất phát từ những mong muốn này, Nhóm nghiên cứu nhận thấy rằng một số khái niệm pháp lý về “giới”, “bình đẳng giới” và phương pháp xác định chủ thể bị xâm phạm trong vấn đề “bạo lực gia đình” cũng cần được mở rộng hơn theo hướng xác định bản dạng giới mà không xét trên giới tính sinh học. Nếu những khái niệm pháp lý này được mở rộng thì cũng sẽ tác động khá lớn vào các chế định pháp lý đối với những người đa dạng về giới và tính dục.

4.2. KHUYẾN NGHỊ

Trên cơ sở rà soát, phân tích các quy định pháp luật cũng như nghiên cứu việc thi hành các quy định pháp luật về sự ảnh hưởng của xu hướng tính dục và bản dạng giới tới quyền nuôi con nuôi trên thực tế, Nhóm nghiên cứu đưa ra những đề xuất và khuyến nghị sửa đổi một số văn bản pháp luật như sau:

4.2.1 Khuyến nghị sửa đổi Bộ luật Dân sự

- **Quyền được có người giám hộ:** Như đã phân tích tại Chương 2, các quy định về giám hộ hiện nay có thể ảnh hưởng tới quyền lợi của trẻ bởi theo quy định về giám hộ của Bộ Luật Dân sự 2005, người giám hộ đương nhiên của người chưa thành niên là những người có quan hệ huyết thống như anh ruột, chị ruột, ông, bà, bác, chú, cậu, cô, dì đáp ứng điều kiện giám hộ. *Trong trường hợp không có người giám hộ đương nhiên* (có thể không có người thân hoặc có người thân nhưng người thân không đủ điều kiện làm giám hộ⁷⁵) thì UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú của người được giám hộ có trách nhiệm cử người giám hộ hoặc đề nghị một tổ chức đảm nhận việc giám hộ⁷⁶. Như vậy, quy định pháp luật hiện hành chưa tạo điều kiện thuận lợi cho những người dù không phải là “người thân thích” của trẻ theo định nghĩa của pháp luật nhưng lại là người có quan hệ gần gũi và có điều kiện chăm sóc trẻ tốt nhất (ví dụ như ở cùng trẻ và chăm sóc trẻ trên thực tế) trở thành người giám hộ. Nhóm nghiên cứu đề xuất rằng trong trường hợp cặp đôi cùng giới tính sống cùng nhau và một người là cha đẻ hay mẹ đẻ hoặc cha nuôi hay mẹ nuôi song không có điều kiện chăm sóc trẻ (do đi công tác dài ngày hoặc đang trong quá trình điều trị), người còn lại không phải là cha hoặc mẹ của trẻ dưới góc độ pháp lý sẽ trở thành người giám hộ đương nhiên (như “người thân thích”) hoặc được ưu tiên chỉ định theo đề xuất của cha hay mẹ của trẻ.

⁷⁵ BLDS, các Điều 60 và 61

⁷⁶ BLDS, các Điều 61, 62 và 63

Với những hạn chế trên của chế định giám hộ theo Bộ Luật Dân sự hiện hành, Nhóm nghiên cứu nhận thấy sự cần thiết của việc nghiên cứu và sửa đổi các quy định của Bộ Luật Dân sự liên quan tới chế định giám hộ với 02 mục tiêu: (i) Đảm bảo quyền lợi cho trẻ, để trẻ được hưởng sự chăm sóc tốt nhất; và (ii) đơn giản hóa thủ tục cử giám hộ. Quyền lợi của trẻ cần được quan tâm với cả 02 yếu tố tinh thần và vật chất, theo đó, trẻ được sống cùng và hưởng sự chăm sóc của những người thực sự yêu thương và có điều kiện kinh tế để chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ, có thể là người có hoặc không có mối quan hệ huyết thống với trẻ.

- **Quyền được có người đại diện theo pháp luật:** Bộ Luật Dân sự 2005 không có quy định về ủy quyền việc đại diện theo pháp luật của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc của người giám hộ đối với người được giám hộ⁷⁷. Điều này có thể ảnh hưởng tới quyền lợi của trẻ khi cha, mẹ hoặc người giám hộ không thể thực hiện ủy quyền việc đại diện theo pháp luật mà chỉ có thể ủy quyền cho người khác thực hiện việc đại diện trong một số giao dịch nhất định, thường chỉ là giao dịch về tài sản. Qua nghiên cứu dự thảo Bộ Luật Dân sự sửa đổi, Nhóm nghiên cứu nhận thấy dự thảo cho phép chế định “đại diện lại”, theo đó, cha mẹ hay người giám hộ là người đại diện có thể xác lập, thực hiện hành vi đại diện thông qua cá nhân hoặc pháp nhân khác theo chế định đại diện lại⁷⁸. Nếu chế định này được thông qua, thì đây là một giải pháp giúp bảo vệ quyền được có người đại diện theo pháp luật của trẻ trong trường hợp chame hoặc người giám hộ không có điều kiện chăm sóc trẻ. Đặc biệt trong trường hợp các cặp đôi cùng giới tính sống chung, hai người đều có thể cùng chăm sóc, đại diện cho trẻ.

Quyền xác định lại giới tính: Như đã phân tích tại Chương 2, Bộ Luật Dân sự 2005 quy định về cá nhân có quyền được xác định lại giới tính trong trường hợp là người liên giới tính. Mặc dù Bộ Luật Dân sự 2005 không cấm việc chuyển đổi giới tính nhưng một nghị định hướng dẫn thi hành Bộ Luật Dân sự 2005 về xác định lại giới tính chỉ được thực hiện với người liên giới tính⁷⁹. Vấn đề này đòi hỏi khi sửa đổi Bộ Luật Dân sự cần nghiên cứu khả năng công nhận giới tính theo bản dạng giới trong trường hợp bản dạng giới không trùng khớp với giới tính được chỉ định khi sinh ra. Đây là cơ sở để các luật có liên quan khác, như Luật Hộ tịch, Luật Nuôi con nuôi, Luật Hôn nhân gia đình... xác lập các chế định pháp lý đối với người chuyển giới và cho những người liên quan đến họ, ví dụ con đẻ và con nuôi của người chuyển giới, đặc biệt là vấn đề người chuyển giới đứng tên với tư cách là cha hay mẹ của con nuôi trong Giấy khai sinh. Thêm vào đó, Nhóm nghiên cứu cũng khuyến nghị cần đưa ra thêm lựa chọn “khác” bên cạnh *nam* và *nữ* trên giấy tờ tùy thân, đặc biệt là dành cho các cá nhân liên giới tính, trong đó có quyền không bị can thiệp về y học lên cơ thể để được “xác định lại” giới tính, và quyền được chọn giới tính của bản thân mà không phụ thuộc vào chẩn đoán hay quyết định của bác sĩ. Luật cần loại bỏ định nghĩa người liên giới tính là bị khuyết tật bẩm sinh về giới tính nhằm ngăn chặn sự phân biệt đối xử đối với người liên giới tính.

4.2.2. Khuyến nghị sửa đổi Luật Nuôi con nuôi

- **Luật Nuôi con nuôi có thể mở rộng hình thức nhận nuôi trẻ em tạm thời hoặc nhận nuôi trong một khoảng thời gian xác định:** Hình thức này không tạo nên mối quan hệ cha mẹ nuôi với con nuôi như các quy định của Bộ Luật Dân sự 2005 và Luật Nuôi con nuôi bao gồm mối quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng, thừa kế, nhân thân... Hình thức này chỉ tạo nên mối quan hệ chăm sóc và nuôi dưỡng giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi, bảo đảm được các

⁷⁷ BLDS, các Điều 91, 107, 113 và 141

⁷⁸ Xem toàn văn dự thảo 01 của BLDS tại địa chỉ trang web:

http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT_DUTHAO_LUAT/View_Detail.aspx?ItemID=588&LanID=589&TabIndex=1

⁷⁹ Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05/08/2008 của Chính phủ về xác định lại giới tính, Điều 4

lợi ích của trẻ em và nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em của mọi đối tượng, bất kể xu hướng tính dục hay bản dạng giới của họ.

- **Cần có văn bản dưới luật hướng dẫn các điều kiện của người nhận nuôi:** Như đã phân tích tại Chương 2 và Chương 3, hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể về các điều kiện, thực tế mỗi địa phương xác định theo tiêu chí phù hợp với địa phương mình, ví dụ như mức thu nhập bình quân của địa phương. Các tiêu chí đánh giá khá giống với trường hợp cân nhắc trao quyền nuôi con khi cặp vợ chồng ly hôn, với ưu tiên hàng đầu là bảo vệ quyền cho đứa trẻ. Bộ Tư pháp cần thiết phải ban hành một bộ quy chuẩn để hướng dẫn việc đánh giá các tiêu chí mang tính chất định tính chủ quan nhằm bảo đảm việc xem xét hồ sơ xin nhận con nuôi là minh bạch và hợp pháp, bảo đảm quyền lợi cho tất cả mọi người mà không có sự phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục hay bản dạng giới khi thực hiện thủ tục nhận nuôi, đồng thời góp phần bảo đảm quyền lợi cho trẻ khi trẻ được nhận nuôi bởi người có đủ điều kiện. Thêm vào đó, cũng cần đưa ra hướng dẫn thế nào là “hồ sơ hợp lệ” và thời điểm xác nhận UBND đã tiếp nhận “hồ sơ hợp lệ” từ phía người đăng ký nhận nuôi con nuôi để bảo đảm việc tuân thủ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

- **Vấn đề nhận nuôi con nuôi chung của các cặp đôi** không được có sự phân biệt về giới tính và cần thiết phải có thêm các nghiên cứu chuyên sâu làm cơ sở cho việc vận động sửa đổi luật. Cần lưu ý rằng các nghiên cứu này cần được tiến hành trên diện rộng với đối tượng khảo sát có các xu hướng tính dục và bản dạng giới khác nhau, đặc biệt phải đặt nguyên tắc bảo đảm quyền lợi của trẻ em lên hàng đầu. Thêm vào đó, cũng cần có các nghiên cứu tập trung vào khía cạnh gia đình và ảnh hưởng của xu hướng tính dục và bản dạng giới của cha mẹ đến sự phát triển của trẻ tại Việt Nam bởi mặc dù trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu trong lĩnh vực này song các kết quả nghiên cứu còn nhiều xung đột, và cũng cần cân nhắc tới yếu tố văn hóa – cộng đồng đặc trưng của Việt Nam. Xuất phát từ quan điểm bảo vệ quyền lợi của trẻ được nhận nuôi, Nhóm nghiên cứu nhận thức được tầm quan trọng của việc đặt ra cơ chế giám sát việc nhận nuôi con nuôi mà không chỉ dừng lại ở các quy định về báo cáo định kỳ do cha mẹ nuôi thực hiện hay quy định về thanh tra, kiểm tra như hiện nay, đặc biệt khi thí điểm mô hình cặp đôi nhận nuôi con chung trong tương lai (nếu có). Ở một số quốc gia, có đội ngũ cán bộ công tác xã hội (social workers) thực hiện việc giám sát định kỳ với các gia đình nhận nuôi con nuôi bằng cách thực hiện phỏng vấn thường xuyên với trẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của trẻ, hàng xóm và tổ dân phố nơi gia đình trẻ sinh sống và báo cáo lại với cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương. Tại Việt Nam hiện nay, các UBND xã có công chức phụ trách về công tác trẻ em và gia đình nhưng những cán bộ này thường là kiêm nhiệm, do đó còn nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện việc giám sát. Trong tương lai, nếu thí điểm mô hình cặp đôi không phải vợ chồng nhận nuôi con chung, các ủy ban nhân dân ở cơ sở cần thiết phải có đội ngũ cán bộ công tác xã hội tham gia giám sát và lực lượng này có thể huy động từ các tổ chức xã hội hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ quyền trẻ em.

4.2.3. Khuyến nghị sửa đổi Luật Bình đẳng giới

Với quy định hiện hành của Luật Bình đẳng giới, các khái niệm mới chỉ dừng lại ở “giới” và “giới tính”. Trong khi đó, các khái niệm mới như “xu hướng tính dục” hay “bản dạng giới” ngày càng trở nên phổ biến và đang có nhiều cách hiểu đa dạng trong xã hội. Có quan điểm cho rằng cần luật hóa các khái niệm mới này và bổ sung quy định bình đẳng giới phải thể hiện cả quan điểm không phân biệt đối xử vì xu hướng tính dục và bản dạng giới, không chỉ đơn thuần vì các khác biệt về “giới” hay “giới tính” (giới tính sinh học). Bình đẳng giới cũng cần được hiểu không chỉ là bình đẳng giữa hai giới mà cần được hiểu là bình đẳng giữa tất cả mọi người mà giới tính không đóng vai trò như một “cột mốc” hay một tiêu chí dùng để phân chia

quyền. Như vậy cũng loại bỏ được định kiến của xã hội về giới và hệ nhị phân giới (chỉ có hai giới nam và nữ và mỗi giới có bốn phận riêng). Như đã phân tích tại Chương 2, nếu các khái niệm pháp lý về “giới”, “bình đẳng giới” được mở rộng thì sẽ có tác động đáng kể vào các chế định pháp lý đối với tất cả mọi người, bao gồm cả người đồng tính, song tính và chuyển giới và các chế định về nuôi con nuôi, chăm sóc và bảo vệ trẻ em hiện nay, đặc biệt trong việc ghi nhận bản dạng giới của nhóm người chuyển giới trong quá trình thực hiện việc nhận nuôi.

4.2.4. Khuyến nghị sửa đổi Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em

Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em hiện nay ghi nhận nguyên tắc không phân biệt đối xử với trẻ em, theo đó, trẻ em, không phân biệt gái, trai, con trong giá thú, con ngoài giá thú, con đẻ, con nuôi, con riêng, con chung; không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội, chính kiến của cha mẹ hoặc người giám hộ, đều được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục, được hưởng các quyền theo quy định của pháp luật⁸⁰. Sẽ là toàn diện hơn nếu nguyên tắc này của Luật ghi nhận thêm rằng sự đa dạng về giới tính và tính dục của bản thân trẻ em hay của cha mẹ hoặc người giám hộ của trẻ cũng không là tiêu chí để phân biệt đối xử trẻ em.

4.2.5. Khuyến nghị sửa đổi Luật Hộ tịch

Như đã phân tích tại Chương 2, theo quy định hiện nay tại Điều 36 Bộ Luật Dân sự và Nghị định 88/2008/NĐ-CP về xác định lại giới tính, người có khuyết tật bẩm sinh về giới tính hoặc giới tính chưa được định hình chính xác dựa trên những tiêu chuẩn về y tế nhất định (người liên giới tính) được quyền “xác định lại giới tính” và thực hiện các thủ tục về điều chỉnh các thông tin hộ tịch cho đúng với thông tin về giới tính đã được xác định lại. Còn với người chuyển giới, do việc thực hiện phẫu thuật chuyển đổi giới tính là không được pháp luật cho phép nên giới tính sau chuyển đổi của nhóm đối tượng này sẽ không được ghi nhận trong các văn bản như Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân, Giấy đăng ký khai sinh hay Giấy chứng nhận nhận con nuôi của trẻ.

Nhóm nghiên cứu đề xuất các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ và các nhóm cộng đồng, các văn phòng luật sư, đơn vị truyền thông liên quan hoặc quan tâm đến vấn đề đa dạng giới và tính dục tại Việt Nam cùng hợp tác và phối hợp hành động với các kế hoạch cụ thể. Bốn nội dung chính cần thực hiện, đó là (i) cần tiếp tục có những nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực và khía cạnh cụ thể liên quan đến quyền về đa dạng giới và tính dục, (ii) tăng cường năng lực tự quản, vận động chính sách của các nhóm tự lực và tổ chức cộng đồng hiện có của người đồng tính, song tính và chuyển giới, (iii) đẩy mạnh truyền thông về các vấn đề liên quan đến đa dạng giới và tính dục tại Việt Nam và trên thế giới, và (iv) vận động chính sách để sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật hiện hành nhằm ghi nhận và thực thi các quyền mà không bị phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới, dưới góc độ bảo đảm quyền con người mà Việt Nam đã cam kết với cộng đồng quốc tế./.

⁸⁰ Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em, Điều 4

PHỤ LỤC I – DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A – VĂN BẢN PHÁP LUẬT

CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

1. Công ước chống phân biệt đối xử với phụ nữ (1979)
2. Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em (1989)
3. Công ước LaHaye về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế (1993)
4. Công ước quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị(1966)
5. Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (1966)
6. Tuyên bố của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em (1959)
7. Tuyên bố Giơnevơ về Quyền trẻ em (1924)
8. Tuyên ngôn thế giới về Quyền con người (1948)

VĂN BẢN PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013
2. Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được thông qua vào ngày 14 tháng 6 năm 2005
3. Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006
4. Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em số 25/2004/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được thông qua vào ngày 15 tháng 06 năm 2004
5. Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2014
6. Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2010
7. Nghị định 110/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24 tháng 09 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã
8. Nghị định 12/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12 tháng 02 năm 2003 về Sinh con theo phương pháp khoa học
9. Nghị định 158/2005/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch đã bị sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 06/2012/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực
10. Nghị định 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 03 năm 2011 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi
11. Nghị định 88/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05 tháng 08 năm 2008 về Xác định lại giới tính
12. Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BCA về Chứng minh nhân dân ngày 26 tháng 9 năm 2013

B – TÀI LIỆU KHÁC

1. Abbie E. Goldberg, Nanette K. Gartrell, Gary Gates, Research Report on LGB-parent families, 2014
2. Andrew J. Perrin, Philip N. Cohen, Neal Caren, Responding to the Regnerus study, Are Children of Parents Who Had Same-Sex Relationships Disadvantaged? A Scientific Evaluation of the No-Differences Hypothesis, 2013
3. Australian Institute of Family Studies, School experiences of the lesbian and gay, Family Matters No.59 Winter 2001
4. Bộ Ngoại giao, Báo cáo quốc gia về kiểm điểm định kỳ việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam
5. Bộ Ngoại giao, Thành tựu bảo vệ và phát triển quyền con người ở Việt Nam, 2005
6. Bộ Nguyên tắc Yogyakarta
7. Bộ Tư pháp, Báo cáo Sơ kết 03 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi và 02 năm thi hành Công ước Lahay số 33 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế
8. CRIGHTS, Luật quốc tế về quyền của các nhóm người dễ bị tổn thương, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, 2010
9. Charlotte J. Patterson, Lesbian and gay parents and their children: Summary of research findings, 2005
10. Fairtlough, Anna. Growing up with a lesbian or gay parent: young people's perspectives. Health and Social Care in the Community, 16(5), pp. 521-528. [Article] : Goldsmiths Research Online. 2008
11. Fiona L. Tasker and Susan Golombok, Growing up in a lesbian family: Effects on child development, Guilford Press, London, 1997
12. Gary J. Gates, M.V. Lee Badgett, Kate Chambers, Jennifer Macomber, Research Report on LGB-parent families, 2007
13. iSEE, Living in a Heterosexual Society: Stories of 40 Women Who Love Women, Relationship with Family (Vietnamese), 2010
14. iSEE, Preliminary online survey results: Socio-economic Characteristics of Men Who Have Sex with Men in Vietnam, 2009
15. Jack Pyne, Transgender parents: Struggles, Strategies and Stories of Transformation – A critical Review of the Literature
16. Judith Stacey and Timothy J. Biblarz, (How) Does the Sexual Orientation of Parents Matter?, American Sociological Review, 2001
17. Lambda Legal, Transgender Rights Toolkit: A legal guide for Trans people and their advocates
18. Mark Regnerus, How different are the adult children of parents who have same-sex relationships? Findings from the New Family Structures Study, Social Science Research 41, 2012
19. National Clearinghouse on Child Abuse and Neglect Information National Adoption Information Clearinghouse, Gay and Lesbian Adoptive Parents: Resources for Professionals and Parents, 2010
20. Trương Hồng Quang, Người đồng tính, Song tính, Chuyển giới tại Việt Nam và vấn đề đổi mới hệ thống pháp luật, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2014
21. Trương Hồng Quang, Tìm hiểu một số vấn đề dưới góc độ pháp lý về đồng tính, song tính và chuyển giới, NXB Chính trị Quốc gia, 2013

22. UNDP & USAID, Là người đồng tính, song tính, chuyển giới (LGBT) ở châu Á: Báo cáo quốc gia Việt nam: Tổng hợp và phân tích về môi trường pháp lý và xã hội cho các cá nhân, tổ chức xã hội dân sự của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT), 2014
23. United Nations Human Rights Office of the High Commissioner, Born Free and Equal – Sexual Orientation and Gender Identity in International Human Rights Law, 2012

PHỤ LỤC II – THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CỦA TRẺ EM VÀ QUYỀN CỦA LGBT

THỦ TỤC NHẬN NUÔI CON NUÔI		
Điều kiện áp dụng đối với nhận con nuôi trong nước	Người nhận nuôi	• Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; • Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên⁸¹; • Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi⁸²; và • Có tư cách đạo đức tốt.
	Người nhận nuôi không thuộc các trường hợp	• Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; • Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh; • Đang chấp hành hình phạt tù; • Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.
	Người được nhận làm con nuôi	Chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.
Điều kiện áp dụng đối với người nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài	Người nhận nuôi	• Các điều kiện của người nhận con nuôi trong nước; và • Đáp ứng điều kiện theo pháp luật nhận con nuôi của nước nơi người nhận con nuôi sinh sống (trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài nhận người Việt Nam làm con nuôi), hoặc pháp luật nơi người được nhận nuôi sinh sống (nếu công dân Việt Nam nhận người nước ngoài làm con nuôi).
	Người được nhận làm con nuôi	Chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai người có đăng ký kết hôn.

⁸¹ Không áp dụng đối với: Trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi

⁸² Như trên

Thủ tục nhận con nuôi trong nước	Thủ tục đăng ký nhu cầu nhận nuôi con nuôi ⁸³	Thực hiện tại Sở Tư pháp nơi người có nhu cầu nhận nuôi con nuôi thường trú Nếu có trẻ em để giới thiệu làm con nuôi thì Sở Tư pháp giới thiệu đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em đó thường trú để xem xét, giải quyết. Không tìm thấy quy định cụ thể về thủ tục đăng ký nhu cầu nhận con nuôi tại Sở tư pháp.
	Thủ tục đăng ký nhận nuôi con nuôi.	Bước 1: Người muốn nhận nuôi chuẩn bị Hồ sơ của mình (hồ sơ của người nhận nuôi) và hồ sơ của trẻ nộp tại UBND cấp xã, nơi thường trú của trẻ hoặc nơi cư trú của người nhận nuôi con nuôi. Bước 2: UBND cấp xã nơi nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến của cha mẹ đẻ/người giám hộ và của trẻ nếu trẻ từ đủ 9 tuổi trở lên Bước 3: UBND cấp xã tiến hành đăng ký nuôi con nuôi khi người nhận con nuôi và trẻ được giới thiệu làm con nuôi có đủ điều kiện để được nhận nuôi. Tổng thời gian giải quyết: 30 ngày, kể từ ngày UBND cấp xã nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Thủ tục nhận nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi đích danh	Bước 1: Người nhận con nuôi chuẩn bị hồ sơ nộp tại Cục Con nuôi (Bộ Tư pháp) Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp nơi trẻ được giới thiệu làm con nuôi thường trú để trình UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định Bước 3: UBND cấp tỉnh xem xét quyết định. Bước 4: Giao nhận con nuôi: thực hiện tại trụ sở Sở Tư pháp, với sự có mặt của đại diện Sở Tư pháp, trẻ em được nhận làm con nuôi, cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ, người giám hộ của trẻ em đối với trẻ em được xin nhận làm con nuôi từ gia đình. Bước 5: Việc nuôi con nuôi được thông báo đến Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài về việc trẻ em được nhận làm con nuôi để thực hiện biện pháp bảo hộ trẻ em trong trường hợp cần thiết. Thời hạn giải quyết: không quy định

⁸³ Khi không xác định/không tìm được trẻ em để nhận nuôi

	Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi không đích danh (phải qua giới thiệu)	Người muốn nhận nuôi : Phải cư trú tại nước có ký kết Điều ước quốc tế về nuôi con nuôi với Việt Nam. Thủ tục: Bước 1: Người muốn nhận con nuôi chuẩn bị hồ sơ cho Cục Con nuôi (Bộ Tư pháp) thông qua tổ chức con nuôi của nước đó được cấp phép hoạt động tại Việt Nam; nếu nước đó không có tổ chức con nuôi được cấp phép hoạt động tại Việt Nam, thì người nhận con nuôi nộp hồ sơ cho Cục Con nuôi (Bộ Tư pháp) thông qua Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của nước đó tại Việt Nam. Bước 2: Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi cho Sở Tư pháp nơi trẻ em được giới thiệu làm con nuôi thường trú để xem xét, giới thiệu trẻ em làm con nuôi Bước 3: Sở tư pháp xem xét, giới thiệu trẻ em làm con nuôi trình UBND cấp tỉnh Trẻ em được Sở Tư pháp giới thiệu là các trẻ em đã được Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ nhận được từ được cha mẹ hoặc người giám hộ (đối với trẻ sống tại gia đình), cơ sở nuôi dưỡng (đối với trẻ sống tại cơ sở nuôi dưỡng). Và đã tiến hành lấy ý kiến của cha mẹ đẻ (người giám hộ), ý kiến của trẻ (nếu trẻ đủ 9 tuổi trở lên) về việc nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài Bước 4: Khi UBND cấp tỉnh đồng ý, Sở tư pháp gửi hồ sơ cho Bộ Tư pháp Bước 5: Nếu hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp lập bản đánh giá việc trẻ em Việt Nam đủ điều kiện được làm con nuôi nước ngoài và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú. Bước 6: Sau khi cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú đồng ý việc nhận nuôi con nuôi, Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp. Bước 7: Sau khi nhận được thông báo của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp trình UBND cấp tỉnh quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.
Ghi vào sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi trong nước ⁸⁴		Cơ quan nhà nước đã ra quyết định đăng ký nuôi con nuôi có trách nhiệm thông báo cho UBND nơi đã đăng ký các sự kiện hộ tịch có liên quan của người nhận nuôi con nuôi và người được nhận nuôi để ghi vào Sổ hộ tịch.

⁸⁴ Theo Dự thảo Luật Hộ tịch lần thứ 4: Thủ tục nhận nuôi con nuôi gồm 2 thủ tục: (i) Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi theo Luật Nuôi con nuôi, Nghị định 19 và (ii) Thủ tục ghi việc nuôi con nuôi vào sổ hộ tịch

Ghi vào sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài⁸⁵.		Bước 1: Người yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi nộp văn bản yêu cầu (theo mẫu quy định) và Bản sao giấy tờ về việc nuôi con nuôi do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp cho cơ quan đăng ký hộ tịch đến UBND cấp huyện nơi cư trú của người yêu cầu. Bước 2: Công chức đảm nhiệm công tác hộ tịch của Phòng Tư pháp nếu xét thấy việc ghi nhận việc nuôi con nuôi vào Sổ hộ tịch là phù hợp quy định pháp luật, thì ghi nội dung đó vào Sổ hộ tịch; Chủ tịch UBND cấp huyện ký Trích lục hộ tịch và cấp cho đương sự.
THỦ TỤC ĐĂNG KÝ GIÁM HỘ		
Trình tự thực hiện		Bước 1: Người được cử làm người giám hộ sẽ phải nộp Tờ khai (theo mẫu quy định) và Giấy cử giám hộ. Bước 2: UBND cấp xã đăng ký việc giám hộ nếu xét thấy việc giám hộ đủ điều kiện theo quy định của pháp luật Thời hạn giải quyết: 5 ngày, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh, thì thời hạn giải quyết là 10 ngày. Kết quả thực hiện thủ tục: Chủ tịch UBND cấp xã ký và cấp bản chính Quyết định công nhận việc giám hộ. Cán bộ Tư pháp hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký giám hộ và Quyết định công nhận việc giám hộ.
THỦ TỤC LÀM GIẤY CHỨNG MINH DÂN /CĂN CƯỚC CÔNG DÂN		
Nội dung thể hiện về nhân thân	Chứng minh nhân dân	Mặt trước: Bên trái, từ trên xuống: hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đường kính 14 mm; ảnh của người được cấp Chứng minh nhân dân cỡ 20 A 30 mm; có giá trị đến (ngày, tháng, năm). Bên phải, từ trên xuống: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; chữ “Chứng minh nhân dân” (màu đỏ); số; họ và tên khai sinh ; họ và tên gọi khác; ngày, tháng, năm sinh; giới tính ; dân tộc; quê quán; nơi thường trú.
	Thẻ căn cước công dân	Mặt trước : in hình Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; ảnh của người được cấp thẻ; thời hạn sử dụng của thẻ Căn cước công dân. Bên phải, từ trên xuống ghi dòng chữ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; dưới là dòng chữ “CĂN CƯỚC CÔNG DÂN”; số định danh cá nhân; họ và tên khai sinh ; họ và tên gọi khác; ngày, tháng, năm sinh; giới tính ; dân tộc; quê quán; nơi thường trú.
Đổi Giấy chứng minh nhân dân		Những trường hợp phải làm thủ tục đổi Chứng minh nhân dân: • <i>Chứng minh nhân dân hết thời hạn sử dụng;</i> • <i>Chứng minh nhân dân hư hỏng không sử dụng được;</i> • <i>Thay đổi họ, tên, chữ đệm, ngày, tháng, năm sinh;</i> • <i>Thay đổi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</i>

⁸⁵ Như trên

	• Thay đổi đặc điểm nhận dạng. Không có quy định cụ thể về nội dung thay đổi đặc điểm nhận dạng,	
THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KHAI SINH Trách nhiệm thực hiện: cha, mẹ, ông, bà hoặc những người thân thích khác của trẻ em		
Thủ tục đăng ký khai sinh (cho trẻ em Việt Nam)	Pháp luật về hộ tịch Nghị định 158/2005/NĐ-CP và các văn bản liên quan	Dự thảo Luật Hộ tịch lần thứ 4 (truy cập ngày 15/09/2014 tại http://duthaoonline.quochoi.vn/)
	Bước 1: người đi đăng ký khai sinh nộp Tờ khai, Giấy chứng sinh (theo mẫu quy định) hoặc văn bản xác nhận của người làm chứng. Nếu không có người làm chứng, phải làm giấy cam đoan về việc sinh là có thực. và xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ em (nếu cha, mẹ của trẻ em có đăng ký kết hôn). Bước 2:Sau khi kiểm tra các giấy tờ hợp lệ, cán bộ Tư pháp hộ tịch ghi vào sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh, Chủ tịch UBND cấp xã ký và cấp cho người đi khai sinh một bản chính Giấy khai sinh. Cách ghi tên cha/mẹ trên giấy khai sinh: Trong trường hợp khai sinh cho con ngoài giá thú, nếu không xác định được người cha, thì phần ghi về người cha trong sổ đăng ký khai sinh và Giấy khai sinh để trống. Nếu vào thời điểm đăng ký khai sinh có người nhận con, thì UBND cấp xã kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh.	Bước 1: Người đi đăng ký khai sinh nộp văn bản yêu cầu đăng ký khai sinh (theo mẫu quy định) và giấy chứng sinh cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Nếu không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng, thì phải có giấy cam đoan về việc sinh, trừ trường hợp khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi. Bước 2:Ngay sau khi nhận được yêu cầu, công chức Tư pháp - hộ tịch kiểm tra thông tin của cha, mẹ người được đăng ký khai sinh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Nếu thông tin là phù hợp, việc đăng ký khai sinh là đúng quy định pháp luật, công chức Tư pháp – hộ tịch ghi nội dung khai sinh, gồm: a) Họ và tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; dân tộc; quốc tịch; Số định danh cá nhân của người được khai sinh; b) Họ và tên; năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú của cha, mẹ của người được đăng ký khai sinh. vào Sổ hộ tịch, bản chính Giấy khai sinh và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lấy Số định danh cá nhân. Số định danh cá nhân được ghi vào Sổ hộ tịch và Giấy khai sinh. Bước 3: Công chức Tư pháp - hộ tịch và người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch, Giấy khai sinh.

		Chủ tịch UBND cấp xã ký Giấy khai sinh và cấp cho người đi đăng ký khai sinh.
Thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi (Việt Nam)	Bước 1: UBND cấp xã hoặc Công an xã, phường, thị trấn, nơi trẻ bị bỏ rơi lập biên bản khi tiếp nhận trẻ em và tìm người hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ em đó. Bước 2: UBND cấp xã, nơi lập biên bản thông báo trên Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình địa phương để tìm cha, mẹ đẻ của trẻ. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo cuối cùng, nếu không tìm thấy cha, mẹ đẻ, thì người hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ có trách nhiệm đi đăng ký khai sinh. Cách ghi tên trẻ vào Giấy khai sinh: họ, tên của trẻ được ghi theo đề nghị của người đi khai sinh. Phần khai về cha, mẹ và dân tộc của trẻ trong Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh được để trống. Trong cột ghi chú của Sổ đăng ký khai sinh phải ghi rõ "trẻ bị bỏ rơi".	Không có quy định cụ thể về thủ tục khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi. Việc khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi được tiến hành giống như việc khai sinh thông thường.
Thủ tục đăng ký khai sinh (cho trẻ em có yếu tố nước ngoài)	Bước 1: Giống như Thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ em Việt Nam. Nếu cha, mẹ chọn quốc tịch nước ngoài cho con, thì phải có thêm giấy thỏa thuận của cha và mẹ về việc chọn quốc tịch. Bước 2: Sau khi nhận đủ giấy tờ hợp lệ, cán bộ hộ tịch của Sở Tư pháp ghi vào Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh, Giám đốc Sở Tư pháp ký và cấp một bản chính Giấy khai sinh cho người đi khai sinh. Bản sao Giấy khai sinh được cấp theo yêu cầu của người đi khai sinh. Ghi tên cha/mẹ: Trong trường hợp khai sinh cho con ngoài giá thú, nếu không xác định được người cha, thì phần ghi về người cha trong sổ đăng ký khai sinh và giấy khai sinh để trống. Nếu vào thời điểm đăng ký khai sinh có người nhận con, thì Sở Tư pháp kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh. Ghi tên con: Tên của trẻ em là tên Việt Nam hoặc tên nước ngoài theo sự lựa chọn của cha mẹ.	Bước 1: Giống Thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ em Việt Nam. Nhưng phải nộp thêm: Văn bản thỏa thuận của cha và mẹ về việc chọn quốc tịch cho con cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Bước 2: Giống như Bước 2 (đăng ký khai sinh cho trẻ em Việt Nam). Kết quả: Công chức Tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai sinh vào Sổ hộ tịch, Giấy khai sinh và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp trẻ em có quốc tịch Việt Nam thì công chức đảm nhiệm công tác hộ tịch của phòng Tư pháp lấy Số định danh cá nhân theo quy định của Chính phủ từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và ghi vào Sổ hộ tịch, Giấy khai sinh. Bước 3: Công chức đảm nhiệm công tác hộ tịch của phòng Tư pháp và người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch, Giấy khai sinh; Chủ tịch UBND

		cấp huyện ký Giấy khai sinh và cấp cho người đi đăng ký khai sinh.
THỦ TỤC BỔ SUNG, SỬA ĐỔI GIẤY KHAI SINH KHI NHẬN NUÔI CON NUÔI		
Thủ tục bổ sung, sửa đổi Giấy khai sinh khi nhận nuôi	Bổ sung tên cha, mẹ (trẻ em bị bỏ rơi): UBND cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh, căn cứ vào Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi ghi bổ sung các thông tin của cha, mẹ nuôi vào phần khai về cha, mẹ trong Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh của con nuôi, nếu cha mẹ nuôi có yêu cầu. Trong cột ghi chú của Sổ đăng ký khai sinh phải ghi rõ “cha, mẹ nuôi”. Thay đổi tên cha mẹ: Nếu cha, mẹ đẻ và cha, mẹ nuôi có sự thỏa thuận về việc thay đổi phần khai về cha, mẹ từ cha, mẹ đẻ sang cha, mẹ nuôi trong Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh của con nuôi và được sự đồng ý của con nuôi nếu con nuôi từ đủ 9 tuổi trở lên thì UBND cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh cho con nuôi đăng ký khai sinh lại theo những nội dung thay đổi đó. Trong cột ghi chú của Sổ đăng ký khai sinh phải ghi rõ “cha, mẹ nuôi”. Kết quả: Bản chính và bản sao Giấy khai sinh của con nuôi được cấp theo nội dung mới. Giấy khai sinh cũ phải thu hồi.	

Thông tin trên đây căn cứ vào: Luật Nuôi con nuôi (các Điều 8, 14, 15, 18, 19, 20, 21, 29, 31, 34, 36 và 37), NĐ 19 (các Điều 6, 8, 9 và 17); Dự thảo Luật Hộ tịch – Dự thảo lần thứ 4 (Mục 6, Điều 3, khoản 2, điểm d và Điều 48); VBHN-BCA (các Điều 1, 2 và 5), Thông tư 57/2013/TT-BCA của Bộ Công an quy định về mẫu Chứng minh nhân dân; Dự thảo Luật Căn cước công dân – Dự thảo lần thứ 3 (các Điều 3, 10 và 18); NĐ 158 (các Điều 1, 13, 14, 15, 16, 49 và 50); Dự thảo Luật Hộ tịch - Dự thảo lần thứ 4 (các Điều 2, 3, 13, 14, 15, 16, 35 và 36)

PHỤ LỤC III – 05 TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH

A- TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH I

1. Giới thiệu chung

Cặp đồng tính nam H. (32 tuổi) – T.H. (30 tuổi) sinh sống tại Cần Thơ. H. sống chung với T.H. và cha mẹ đẻ của H. cùng bé trai 03 tuổi do H. nhận nuôi con nuôi.

2. Quá trình nhận nuôi con

Việc anh H. nhận nuôi bé là một quyết định khá bất ngờ. Cách đây 3 năm, khi anh H. đến bệnh viện thăm một người bạn, anh thấy một bé bị mẹ đẻ bỏ rơi tại bệnh viện phụ sản. Tuy bé được các bác sĩ trong bệnh viện chăm sóc nhưng bé vẫn khóc liên tục cho đến khi nhìn thấy anh H.. Anh H. nghĩ rằng đây là duyên số của mình nên đã quyết định nhận nuôi bé. Vào thời điểm nhận nuôi, anh H. mới chia tay bạn trai, nên việc nhận nuôi do anh trao đổi với ba mẹ và tự quyết định. Anh H. nhận được sự ủng hộ của ba mẹ và tin rằng mình có đủ tình thương và điều kiện kinh tế để nuôi bé trưởng thành (Anh H. có một tiệm áo cưới làm ăn ổn định). Anh H. đến UBND xã nơi anh đang sống để làm thủ tục xin nhận nuôi con nuôi. Tuy nhiên, anh H. đã bị cán bộ UBND xã từ chối hướng dẫn thủ tục xin nhận nuôi con do anh H. là người đồng tính. Việc nhận nuôi con gặp nhiều khó khăn một phần do cán bộ UBND cản trở khi hướng dẫn thủ tục, một phần do anh nhận nuôi bé tại bệnh viện nên không có cha mẹ đẻ để xác nhận. Anh H. tự thực hiện thủ tục trong hơn một tháng nhưng không đạt được kết quả. Cuối cùng, anh phải nhờ một Văn phòng luật sư giúp thực hiện thủ tục nhận nuôi con nuôi và làm giấy khai sinh cho bé với số tiền phí dịch vụ là 30 triệu. Ba tháng sau, Văn phòng luật sư đã lo xong thủ tục cho anh H., và anh trở thành cha nuôi của bé.

3. Cuộc sống chung của H. và T.H. cùng con

Thời gian đầu khi nhận nuôi con, việc chăm sóc bé gặp nhiều khó khăn do anh H. là đàn ông nên không khéo trong việc chăm sóc trẻ sơ sinh. Anh H. phải thuê vú nuôi, ngoài ra, anh nhờ đến sự giúp đỡ của mẹ đẻ nên việc chăm sóc bé cũng dễ dàng hơn. Đến thời điểm này (thời điểm khảo sát – tháng 5), bé đã được 3 tuổi. Bé được anh H., bạn trai hiện tại của anh là anh T.H. và cha mẹ đẻ của anh chăm sóc rất khỏe mạnh.

Anh H. và anh T.H. sống chung với nhau được 2 năm. Thời gian đầu tiên mới quen nhau, anh H. cũng nói rõ việc mình có một người con nuôi, việc chăm sóc bé do anh H. phụ trách, còn anh T.H. giúp hay không là do anh T.H. tự quyết định. Khi sống chung, bé gọi cả hai là “ba”. Bình thường, anh T.H. vẫn hay đưa bé đi chơi, chơi cùng bé và chăm sóc bé khi ở nhà. Khi được hỏi về việc phân chia công việc chăm sóc bé, anh T.H. cho biết: *“Bản thân anh yêu thương bé như con đẻ của mình. Cảm giác cuộc sống gia đình hạnh phúc trọn vẹn hơn khi có bé. Anh và H. có dành thời gian cho bé hàng ngày. Khi có thời gian rảnh rỗi, hai anh hay đưa bé ra ngoài đi chơi. Ở nhà, hai người cũng không phân chia trách nhiệm, chỉ thấy rằng ai làm được việc gì thì làm, tất cả đều tự nguyện và cũng có ràng buộc gì cả.”*

Khi nói về vấn đề trong tương lai hai anh có khả năng chia tay nhau thì trách nhiệm nuôi dưỡng bé sẽ như thế nào, anh H. khẳng định rằng, *“Con anh thì chắc chắn anh nuôi. Thời điểm anh nhận bé về nuôi đã xác định rõ ràng mình sẽ nuôi bé đến khi trưởng thành”*.

Việc pháp luật cho phép hai người cùng giới tính kết hôn với anh T.H. và anh H. đều không quan trọng, vì tại thời điểm hiện tại, cuộc sống của họ đều rất hạnh phúc. Anh H. nói rằng anh rất thỏa mãn với cuộc sống hiện tại. Anh H. chỉ mong pháp luật có thể công nhận sự đa dạng về xu hướng tính dục, để anh có thể dễ dàng giải thích cho bé hiểu về bản thân mình hơn, và bé cũng không bị mặc cảm khi đi học hay ra ngoài xã hội.

4. Tâm lý của trẻ

Vào thời điểm nhận nuôi bé, anh H. chỉ nghĩ rằng “bé bị bỏ rơi như thế chi bằng để anh nuôi. Cuộc sống của bé sẽ tốt hơn, vì ít nhất anh có thể chăm lo cho bé cuộc sống ổn định”. Anh H. cũng tìm hiểu nhiều về tâm lý của bé ở các độ tuổi khác nhau, tuy nhiên, phản ứng tâm lý của bé rất khó đoán trước do bé mới chỉ 3 tuổi. Anh H. cũng không xác định được sau này sẽ giải thích cho bé ra sao nếu bé biết anh là người đồng tính. Trong trường hợp bé có thể có phản ứng mạnh đối với vấn đề này, anh H. chấp nhận sẽ nói dối bé về mình và chờ đến khi bé lớn rồi sẽ giải thích cho bé hiểu sau.

Anh H. cũng khá lo lắng, vì thời gian tới bé sẽ bắt đầu đi học. Trong môi trường trường lớp, bé có thể bị mọi người xung quanh trêu chọc và không hòa nhập được do có ba là người đồng tính hoặc không có mẹ.

B- TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH II

1. Giới thiệu chung

Cặp đồng tính nữ T. và C. tại Cần Thơ. Hai người sống cùng nhau với bé trai 14 tuổi là con của T.

2. Quá trình nhận nuôi con

Trong quá trình làm ăn buôn bán, chị T. và C. quen biết nhau. Hai người đã yêu nhau, nhưng vẫn giấu gia đình. Đến tuổi lấy chồng, cha mẹ chị T. tự ý sắp xếp làm đám hỏi cho chị, chị T. đã bỏ nhà đi và sống chung với người yêu của mình là chị C.. Hai người cùng mở cửa hàng hoa quả để kinh doanh. Hơn 10 năm sau, mẹ chị T. bị ốm, chị T. đến bệnh viện chăm sóc mẹ, tình cờ chị thấy có người sinh con sau đó đem bỏ nên đã ẵm đưa bé về nhà và làm thủ tục đăng ký khai sinh như con đẻ. Trên giấy khai sinh của bé chỉ có mẹ (chị T.) mà không có cha. Từ đó đến nay, hai người cùng nhau chăm sóc và nuôi dưỡng bé. Đến nay, con của 2 chị đã được 14 tuổi và đang học lớp 8.

3. Cuộc sống chung của T. và C. cùng con

Hai người đã sống với nhau được khoảng 25 năm. Hiện tại, hai người sống rất hạnh phúc do cả hai rất hợp nhau, đồng lòng làm ăn sinh sống và nuôi dưỡng con như những gia đình khác. Trong gia đình cũng không phân chia rõ ràng vai trò của từng người, chỉ thấy rằng ai phù hợp làm việc nào sẽ làm việc đó, cũng không có ai tị nạnh ai trong việc nuôi dạy con. Mặc dù chị T. là người đứng tên trên giấy khai sinh là mẹ của bé nhưng chị C. cũng coi bé như con của mình và bỏ công sức giáo dục, nuôi dưỡng bé.

Khi được hỏi về vấn đề quyền nuôi dưỡng bé trong trường hợp hai người chia tay, hai chị đều có phản ứng chung là cười xòa và nói rằng: “Những người khác thì tôi không biết nhưng chúng tôi đã sống với nhau gần 30 năm rồi, không có chuyện chia tay”.

Hiện tại, tổ dân phố, hàng xóm cũng biết hai chị là đồng tính nữ đang sống chung với nhau, nhưng họ cũng không phản đối gì đối với việc 2 chị sống chung và nuôi con. Hai chị vẫn tham gia các hoạt động trong tổ dân phố bình thường như bầu cử, họp hành.... Hai chị đều mong muốn tập trung làm ăn và nuôi dưỡng con trưởng thành. Do hai người cùng nuôi dưỡng bé, nên cũng mong muốn tài sản của mình dành dụm được sẽ được chuyển cho bé sau khi hai người qua đời.

4. Tâm lý của trẻ

Theo chị C. cho biết, đến thời điểm hiện tại, bé là đứa trẻ ngoan ngoãn, lễ phép và rất hiểu chuyện. Trong gia đình, bé vẫn gọi hai người là “cha mẹ” như các gia đình khác. Bản thân bé cũng không thắc mắc hay phản ứng gì đối với chuyện của hai người. Bé cũng đi học nhưng những trẻ em khác, nhưng không thấy bé kể gì về việc đi học bị phân biệt đối xử hay trêu chọc, mặc dù hai chị cũng có hỏi bé về vấn đề này.

Chị T. là người thường đi họp phụ huynh cho con nhưng không thấy cô giáo nói gì về vấn đề này. Ở nhà, bé vẫn chơi với các bạn khác trong xóm và qua nhà hàng xóm chơi bình thường.

Sau 14 năm nuôi dưỡng và chăm sóc bé, chị T. – C. đều nhận thấy rằng không có sự khác biệt trong việc nuôi con của cặp đôi đồng tính hay cặp đôi dị tính.

C- TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH III

1. Giới thiệu chung

Cặp đồng tính nữ H. (32 tuổi) và Y. (33 tuổi) tại Thành phố Hồ Chí Minh. H. sống cùng Y. và con gái đẻ 6 tuổi của H.

2. Quá trình đi đến chung sống và nuôi con

Chị Y. và chị H. quen biết nhau thông qua các cuộc gặp gỡ bạn bè tại Hà Nội. Lúc đầu hai người chỉ là bạn, dần dần tình cảm nảy sinh và hai chị đến với nhau. Vào thời điểm đó, chị H. đã có chồng và có một em bé. Chị H. cảm thấy mình không còn tình cảm dành cho chồng và thực sự yêu thương chị Y. nên chị đã quyết định ly dị chồng. Thời gian ly dị và bộc lộ xu hướng tính dục, chị H. và gia đình vô cùng mệt mỏi và đau khổ vì những rào cản về thuần phong mỹ tục ở miền Bắc. Rất may cha mẹ chị H. và gia đình chồng chị đều thấu hiểu và thông cảm cho chị. Sau khi ly hôn, chị H. vào Thành phố Hồ Chí Minh sống chung với chị Y. Một thời gian sau, chị H. được gia đình cho phép đón bé (lúc này bé 03 tuổi) vào Thành phố Hồ Chí Minh sống chung với chị và chị Y.

3. Cuộc sống chung của H. và Y. cùng con

Hai chị cảm thấy hài lòng với cuộc sống hiện tại. Họ cũng không gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống do gia đình của hai chị đều đã chấp nhận cuộc sống và con người thật của hai chị. Hai chị cùng nhau chia sẻ công việc nhà, cũng không phân chia rõ ai sẽ phải làm công việc gì. Hai người tự lựa sức mình để làm việc nhà, thông thường những việc nặng chị Y. sẽ là người phụ trách. Việc nuôi dưỡng bé cũng do hai chị cùng thực hiện mà không phân chia rõ ràng về trách nhiệm nuôi dưỡng bé. Trên thực tế, bé còn có ba (người chồng trong cuộc hôn nhân trước của chị H.), nên việc nuôi dưỡng, giáo dục bé do cả 3 người cùng thực hiện. Mỗi quan hệ giữa hai chị, chồng cũ chị H. và bé rất tốt nên không có điều gì làm ảnh hưởng đến tâm lý của bé.

Hai chị cùng nhận định rằng khó khăn lớn nhất và phổ biến nhất của cặp đôi đồng tính khi nuôi con là thái độ của những người xung quanh và tâm lý của trẻ. Đây là khó khăn mà bất cứ cặp đôi nào cũng phải vượt qua. Tuy nhiên, cặp đôi đồng tính cũng có nhiều thuận lợi hơn cặp đôi dị tính ở chỗ: không có sự phân biệt vai trò của hai người trong cuộc sống chung; con được cặp đôi đồng tính nuôi tiếp xúc và hiểu được hiện tượng đồng tính, qua đó bé có được nhân sinh quan phong phú, tư duy cởi mở; trong gia đình đồng tính luôn đặt sự tôn trọng lên hàng đầu trong mối quan hệ với mọi người, từ đó, bé sẽ biết tôn trọng người khác hơn.

Theo như cặp đôi chia sẻ, hai chị mong muốn pháp luật thừa nhận việc kết hôn giữa hai người cùng giới tính, như vậy chị Y. sẽ được mặc nhiên coi là mẹ của bé. Đây mới là giải pháp lâu dài và tốt đẹp cho gia đình chị.

4. Tâm lý của trẻ

Là một đứa trẻ thông minh, cởi mở và tình cảm, nên bé đã nhận thức được mối quan hệ của hai chị và bé trong gia đình. Lúc đầu bé cũng hỏi rằng tại sao hai mẹ con lại không sống cùng ba mà lại sống cùng mẹ Y. Sau khi giải thích cho bé hiểu, bé cũng đã nhận thức được bé có ba, có mẹ và lúc này có thêm một mẹ. Bé hiểu rằng hai mẹ đang yêu nhau, thậm chí còn khuyến khích hai mẹ kết hôn để bé được làm phụ

dâu cho hai mẹ. Khi nói chuyện với bé, hai chị cũng nói cho bé hiểu về sự đa dạng và phong phú của cuộc sống, không chỉ có hai người nữ yêu nhau, hai người nam yêu nhau mà có cả những người con trai lại giống con gái yêu một người khác. Bản thân bé cũng cảm thấy đó là việc tự nhiên và rất thoải mái khi gặp gỡ những người xung quanh.

Hiện nay, bé đang học ở trường mẫu giáo tư, hai chị nhận thấy rằng giáo viên, bạn học và các phụ huynh khác đều có thái độ bình đẳng đối với bé, không có hiện tượng kỳ thị trong trường học. Bản thân hai chị không cảm thấy lo lắng về việc bé sau này bị trêu chọc vì mối quan hệ của bé và bố đẻ rất tốt. Tuy vậy, hai chị cũng đã dự đoán trước khả năng có thể xảy ra kỳ thị với bé và luôn chia sẻ để bé biết rằng mối quan hệ cũng như sự chăm sóc của hai mẹ dành cho bé đều xuất phát từ tình yêu; rằng bé luôn có bố, có mẹ, bố và mẹ là bạn của nhau và đều yêu bé. Hai chị tin rằng việc bé hiểu cận kề và tôn trọng tình cảm của hai mẹ sẽ giúp bé vững vàng và có cách ứng xử phù hợp khi gặp những tình huống xấu xảy ra. Điều quan trọng nhất của hai chị khi giáo dục bé là sự tin cậy và thành thật giữa ba mẹ và con. Đồng thời, hai chị cũng khẳng định rằng, với cách dạy con này, tâm lý của bé sẽ vững vàng để vượt qua những kỳ thị của xã hội khi mẹ của bé là người đồng tính.

D- TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH IV

1. Giới thiệu chung

Cặp đồng tính nam P.(27 tuổi) và S.(29 tuổi) hiện đang chung sống và dự định sẽ nhận con nuôi trong 3 năm tới.

2. Quá trình đi đến chung sống

Lần đầu tiên anh S. gặp anh P. là do anh S. tới công ty anh P. bảo trì hệ thống mạng. Hai người làm quen với nhau, rồi cùng nhau đi chơi, tìm hiểu và yêu nhau. Hiện nay, anh S. và anh P. sống chung với nhau nhưng gia đình anh S. phản đối, do ba mẹ của anh S. đều làm việc trong quân đội. Họ rất bảo thủ, truyền thống và luôn luôn lo ngại dư luận xung quanh. Còn gia đình anh P. thì đã chấp nhận chuyện của hai người. Hai anh đang đợi sự chấp nhận từ phía gia đình anh S.. Sau khi được sự chấp nhận từ phía gia đình anh S., hai anh sẽ nhận con nuôi. Việc nhận nuôi con nuôi đã được hai anh bàn với nhau từ khá lâu, do hai người đều có kinh tế ổn định, mong muốn cuộc sống lâu dài và mong muốn có tiếng trẻ con trong nhà, để gia đình của hai anh được hoàn chỉnh như một gia đình dị tính khác.

3. Kế hoạch có con và công tác chuẩn bị

Khi bàn về câu chuyện nhận nuôi con, hai người đều mong muốn nhận con nuôi của một gia đình gặp khó khăn trong họ hàng của mình. Việc đứng tên là cha/mẹ trên giấy khai sinh không quan trọng với hai anh, quan trọng nhất là việc nuôi dưỡng bé để sau này bé lớn lên sẽ trở thành người có ích cho xã hội.

Thời điểm nhận con nuôi tốt nhất là lúc bé dứt sữa, như thế sẽ đảm bảo tốt cho trẻ trong thời gian đầu khi được nuôi bằng sữa mẹ. Hai anh có dự định sẽ theo học một khóa học về chăm sóc trẻ em và nhờ mẹ chăm sóc bé giúp. Khi nhận nuôi bé, một người sẽ ở nhà chăm bé và một người sẽ đi làm để đảm bảo có người ở bên cạnh bé trong mọi thời điểm. Hai anh đều nhận định, các cặp đôi LGBT – đặc biệt là cặp đồng tính nam sẽ gặp nhiều khó khăn khi nuôi con hơn các cặp đôi dị tính.

Hai anh cũng lên kế hoạch cho việc dạy con trong từng giai đoạn, đặc biệt là phải giải thích cho con biết tại sao lại chỉ có 2 ba mà không có mẹ, giải thích cho con về đồng tính, để con có thể hiểu về đồng tính và mối quan hệ xung quanh. Hai anh cũng đã tìm hiểu tâm lý của trẻ thông qua sách vở, tìm hiểu qua một bác sĩ tâm lý để có thể chuẩn bị tốt nhất cả về tinh thần và vật chất cho quá trình nuôi dưỡng và chăm sóc bé. Anh S. nói về việc dạy con *“Khi dạy con về những vấn đề đồng tính, tôi sẽ nói chuyện với con tùy theo từng giai đoạn về độ tuổi của trẻ. Như trong giai đoạn tiểu học, tôi có thể giải thích cho con nghe lý do*

theo những câu chuyện cổ tích. Khi bé lớn hơn, tôi sẽ đưa ra các cách giải thích khác nhau, để bé có thể chấp nhận sự khác biệt từ phía gia đình mình và các bạn đồng trang lứa”. Vấn đề duy nhất anh S. lo ngại khi quyết định nhận nuôi con chính là diễn biến tâm lí của bé khi những người xung quanh tác động với thái độ kỳ thị vì bé là con của người đồng tính.

E- TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH V

1. Giới thiệu chung

T.A. có giới tính trên giấy khai sinh là nữ, có xu hướng tính dục là song tính, hiện đang chung sống với H. là người chuyển giới (giấy khai sinh là nữ, bản dạng giới là nam). T.A. và H. đã sống chung với nhau được 04 năm và đang có kế hoạch để T.A. thụ tinh nhân tạo/thụ tinh trong ống nghiệm, sau đó H. sẽ nhận trẻ làm con nuôi.

2. Quá trình đi đến chung sống

T.A. và H. gặp nhau năm 2010, khi cả hai đều đang gặp khủng hoảng trong tình cảm. Hai người đến với nhau khá bất ngờ, lúc đầu còn lo lắng và nghi ngờ về tình cảm của cả hai, sau thời gian chung sống, cả hai đều cảm nhận được hạnh phúc của gia đình.

Sau khi sống chung được 3 tháng, T.A. dẫn H. về ra mắt gia đình với tư cách bạn bè. Với sự xuất hiện của H. tại gia đình T.A. ngày càng nhiều, gia đình T.A. nghi ngờ về mối quan hệ của hai người. Hai người nhận được sự ủng hộ của bố (đã từng làm cho tổ chức phi chính phủ quốc tế) và các em; riêng mẹ của T.A. lúc đầu phản đối vì lo hai người sống với nhau sẽ khổ. Tuy nhiên, sau quá trình thuyết phục và động viên, mẹ của T.A. đã ủng hộ hai người sống chung lâu dài. Gia đình T.A. hứa khi nào pháp luật ghi nhận hôn nhân giữa hai người cùng giới tính, gia đình T.A. sẽ cho hai người công khai và tổ chức đám cưới. Tuy nhiên, hiện nay T.A. và H. vẫn chưa công khai với gia đình của H. vì gia đình của H. khá bảo thủ.

Chung sống được 04 năm, yêu thương, tôn trọng nhau, T.A. và H. đều cảm nhận được hạnh phúc gia đình giản dị, cùng chia sẻ với nhau mọi vấn đề. Khó khăn duy nhất hai người gặp phải là sự kỳ thị của hàng xóm láng giềng. Hai người đã từng 3 lần chuyển nhà, trong đó có lần phải chuyển đi do sự kỳ thị của hàng xóm. Chính quyền địa phương không gây khó dễ cho hai người trong quá trình chung sống. Hiện hai người chọn thuê nhà riêng để tránh sự kỳ thị và cố gắng chung sống chan hòa với hàng xóm láng giềng.

3. Kế hoạch có con và công tác chuẩn bị

Trong thời gian sống chung, sau 01 năm, sau khi cảm thấy đã hiểu về nhau, T.A. và H. đã có ý định chung sống lâu dài. Khát khao làm mẹ là bản năng, cả hai đều muốn có con. Có nhiều cách thức có con, tuy nhiên do không muốn có con “trực tiếp” nên cả hai đang tiết kiệm tiền để thực hiện thụ tinh nhân tạo. Bố mẹ T.A. rất ủng hộ việc có con, sẵn sàng giúp đỡ cả về vật chất và tinh thần.

T.A. và H. đã tìm hiểu về thụ tinh nhân tạo và cả thụ tinh ống nghiệm (do tử cung của T.A. khá yếu) và nhận thức rõ những khó khăn nổi bật mà hai người phải đối mặt do nguồn tinh trùng ở Việt Nam khá hạn chế và khả năng tài chính có hạn (tổng thu nhập của cả hai người chỉ khoảng 10 triệu/tháng). Hai người cũng đã từng tìm hiểu về thủ tục nhận con nuôi và chắc chắn sẽ thực hiện thủ tục để H. nhận đứa trẻ làm con nuôi. Cả hai đều nhận thức được rằng thủ tục nhận con nuôi sẽ phức tạp, song cả hai sẽ cố gắng. Ngoài ra cũng vì lo lắng vấn đề quyền lợi cho con, cả hai thống nhất sẽ giữ nguyên các quyền và nghĩa vụ của mẹ đẻ với con đẻ.

Nếu có con, T.A. và H. sẽ dạy con xưng hô với hai người là bố mẹ. Hai người nhận thức rõ những khó khăn mà mình sẽ phải đối mặt, từ khó khăn trong quá trình mang thai bởi sự kỳ thị với bà mẹ đơn thân (song chắc chắn sẽ vượt qua được) tới khó khăn lớn nhất là sau khi con ra đời, liệu con có chấp nhận được sự khác biệt của gia đình trong giai đoạn nhận thức đầu đời hay không và cách thức dạy dỗ con để

con có thể vượt qua được sự kỳ thị của cộng đồng. Hai người không lo lắng về các thủ tục pháp lý như khai sinh, hộ tịch, cho con đi học vì pháp luật đã quy định những quyền này của trẻ. T.A. và H. đã từng thảo luận với nhau về một thỏa thuận chung sống và nuôi con, trong đó có thỏa thuận về vấn đề tài sản. Nhưng bây giờ khi đã hiểu nhau và tin tưởng nhau rồi, họ thấy không cần thiết phải có thỏa thuận đó. Hiện hai người gửi chung tiền vào một thẻ - H. (thẻ chính), T.A. (thẻ phụ), hai người cùng sử dụng và quản lý. Hiện tài sản chung của hai người không đáng kể; trong tương lai, khi nào có tài sản giá trị lớn thì sẽ thỏa thuận cụ thể bằng văn bản để làm rõ quyền của mỗi bên. Hai người cho rằng nếu không còn chung sống với nhau nữa thì H. sẽ là người bị thiệt thòi bởi T.A là mẹ đẻ. Hai chị cũng dự định sau khi có con sẽ lập di chúc để đảm bảo quyền lợi cho con.

PHỤ LỤC IV – BÁO CÁO THẢO LUẬN NHÓM TẠI HÀ NỘI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ CẦN THƠ

THẢO LUẬN NHÓM TẠI HÀ NỘI

Vấn đề thảo luận	Thảo luận nhóm của các bạn đồng tính nam và chuyển giới	Thảo luận nhóm của các bạn đồng tính nữ và chuyển giới
1. Cộng đồng LGBT nói chung có nhu cầu sống cùng nhau thường xuyên và lâu dài không? Tại sao?	Có, 100% đồng ý rằng cộng đồng LGBT nói chung có nhu cầu sống cùng nhau thường xuyên và lâu dài. Các bạn đưa ra lý do bao gồm: chung sống thường xuyên và lâu dài sẽ giúp hai người tin tưởng và hạnh phúc hơn, có thể chăm sóc cho nhau tốt hơn, và còn giúp chia sẻ các vấn đề kinh tế. Nhóm thảo luận cũng chia sẻ các khó khăn mà LGBT gặp phải trong quá trình chung sống. Ngoài vấn đề thu nhập và xung đột tính cách như các cặp đôi dị tính, LGBT còn gặp khó khăn bởi sự kỳ thị của người xung quanh (thường không nói trực tiếp mà chỉ thể hiện thái độ gián tiếp).	Có, 100% đồng ý rằng cộng đồng LGBT nói chung có nhu cầu sống cùng nhau thường xuyên và lâu dài. Các bạn đưa ra lý do bao gồm LGBT cần sự yêu thương, chia sẻ và mong muốn cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.
2. Các cặp LGBT nói chung có nhu cầu được đăng ký kết hôn không? Tại sao?	Các bạn cho rằng các cặp đôi đồng tính nữ thường có nhu cầu đăng ký kết hôn hơn đồng tính nam. Đồng tính nam còn bị phụ thuộc nhiều bởi tư tưởng đàn ông cần lấy vợ, sinh con để nối dõi tông đường. Ngoài ra, các bạn cũng cho biết nhiều đồng tính nam sợ rằng buộc trách nhiệm và thực tế nhiều cặp đôi dị tính kết hôn cũng không hạnh phúc.	10/12 ý kiến cho rằng cần đăng ký kết hôn. Lý do các bạn đưa ra bao gồm nhu cầu được bảo đảm quyền lợi về tài sản chung; có khả năng chăm sóc cho bạn đời (đại diện, ký giấy cam kết khi bạn đời thực hiện phẫu thuật...); bảo đảm quyền lợi cho con cái; xã hội sẽ có cái nhìn khác đi khi các cặp đôi được đăng ký kết hôn; và kết hôn là quyền cơ bản của con người, không phân biệt dị tính và đồng tính. 2/12 ý kiến cho rằng không cần đăng ký kết hôn với lý do việc đăng ký kết hôn không có ý nghĩa bằng tình cảm thực sự; không xác định được tính bền vững của mối quan hệ; nếu ly hôn, sẽ phải gánh chịu hai lần kỳ thị do ly hôn và do là đồng tính nữ.
3. Cá nhân và các cặp LGBT có nhu cầu nuôi con không? Tại sao?	8/14 ý kiến cho rằng có nhu cầu nuôi con với lý do các bạn yêu trẻ con và có nhu cầu làm cha đơn thân; đồng thời muốn tăng tính trách nhiệm và sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình, giúp các thành viên trong gia đình phát triển, tận hưởng cuộc sống.	10/12 ý kiến có nhu cầu nuôi con với lý do tăng cường sự gắn kết của gia đình; tăng cường trách nhiệm của các thành viên trong gia đình. 2/12 không có ý kiến.

	6/14 ý kiến không có nhu cầu nuôi con. Lý do đưa ra là điều kiện kinh tế chưa cho phép, vẫn bị phụ thuộc vào gia đình; thích cuộc sống tự do, không bị ràng buộc trách nhiệm.	
4.Nếu có nhu cầu nuôi con, xin cho biết quan điểm về việc phân chia trách nhiệm nuôi con, các quyền và trách nhiệm về tài sản chung, tài sản riêng?	Các bạn cho rằng không cần làm rõ ràng bởi các thành viên trong gia đình cần phải tự có trách nhiệm chăm sóc con, nếu có mâu thuẫn, hai người sẽ tự giải quyết; việc thể hiện bằng văn bản sẽ mất đi sự tự nguyện mà chỉ coi là nghĩa vụ đã được thỏa thuận. Trong trường hợp cặp đồng tính nam nhận nuôi con, người đăng ký nhận nuôi sẽ có trách nhiệm với trẻ đến khi trẻ trưởng thành. Có ý kiến cho rằng cần vận dụng pháp luật hiện hành để đảm bảo quyền tài sản cho con (thông qua thỏa thuận dân sự).	Các bạn đồng tính nữ cho biết họ có nhu cầu cùng đứng tên tài sản chung (nhà, xe...) và có nhu cầu thỏa thuận bằng văn bản về trách nhiệm nuôi con để đảm bảo quyền lợi cho con.
5.Một LGBT không công khai xu hướng tính dục/bản dạng giới so với một LGBT công khai xu hướng tính dục/bản dạng giới, người nào gặp khó hơn khi nhận con nuôi và nuôi con có gặp khó khăn?	Các bạn đồng tính nam cho rằng LGBT chưa bộc lộ xu hướng tính dục hay bản dạng giới gặp khó khăn hơn với lý do: phải chịu áp lực từ phía gia đình với các câu hỏi như tại sao không lấy vợ, sinh con, tại sao phải nhận con nuôi...; áp lực từ phía bạn bè, đồng nghiệp; ít được sự cảm thông và hỗ trợ hơn. Với người đã bộc lộ xu hướng tính dục hay bản dạng giới, có trường hợp chính quyền địa phương ngăn cấm 1 người là đồng tính nam nhận nuôi 1 bé trai (sợ đứa trẻ bị lạm dụng), chính quyền địa phương cho rằng đồng tính nam không có khả năng nuôi con như người dị tính.	Các bạn cho rằng người đã bộc lộ xu hướng tính dục hay bản dạng giới gặp khó khăn hơn với lý do họ sẽ gặp rắc rối với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện thủ tục; phải chịu sự kỳ thị và phân biệt đối xử.
6.Người nhận nuôi là cá nhân LGBT hay cặp đôi đồng tính có mong muốn được ghi tên trên giấy tờ của con (như Giấy khai sinh, sổ hộ khẩu, học bạ....) như thế nào?	100% muốn đứng tên là 2 bố. Với người chuyển giới, các bạn mong muốn được ghi nhận theo bản dạng giới.	100% muốn đứng tên là 2 mẹ. Với người chuyển giới, các bạn mong muốn được ghi nhận theo bản dạng giới.

7. Một người chuyển giới nhận con nuôi thì những khó khăn gì?	Các bạn chuyển giới thường gặp khó khăn về vấn đề giấy tờ tùy thân; khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính với chính quyền địa phương (về bề ngoài khác với giới tính trên giấy khai sinh); có khả năng bị kỳ thị. Đặc biệt đã có trường hợp gia đình bị yêu cầu đưa đi điều trị tâm lý.	
8. Đánh giá về các yếu tố tác động đến vấn đề thực hiện quyền sống chung và nhận con nuôi của những cặp đôi đồng giới?	Các bạn không quá quan tâm tới các quy định pháp luật mang tính chất thừa nhận mà chỉ cần đạt được mong muốn mà không vi phạm pháp luật. Các bạn cũng cho biết chính quyền địa phương không tỏ rõ thái độ. Về cộng đồng, đa phần ý kiến cho rằng còn tùy thuộc khu vực dân cư. Có một số trường hợp cộng đồng phản ứng không tiêu cực khi LGBT bộc lộ xu hướng tính dục hay bản dạng giới; có trường hợp lại gặp phải sự kỳ thị. Đa phần các bạn không quan tâm đến thái độ cộng đồng. 100% người tham gia coi trọng ý kiến của gia đình.	Theo các bạn, pháp luật hiện hành không cấm, cũng không cho phép, trên thực tế các bạn cũng chưa gặp cản trở về mặt pháp luật. Trong khi đó, chính quyền địa phương cũng không tỏ rõ thái độ. Cộng đồng ngày càng cởi mở hơn do các tổ chức LGBT hoạt động nhiều. Các bạn vẫn quan tâm đến ý kiến cộng đồng bởi lo lắng con mình sẽ bị kỳ thị. Tùy khu vực dân cư mà cộng đồng có thái độ khác nhau (ví dụ như ở khu chung cư gồm nhiều dân trí thức khác sẽ khác với cộng đồng ngõ xóm). Về phía gia đình, các bạn đều coi trọng ý kiến gia đình và cho biết cần có biện pháp thuyết phục gia đình để gia đình dần dần tiếp nhận cách sống của LGBT, để LGBT vẫn sống tốt, đóng góp được cho gia đình và xã hội.
9. Nhận xét về hiểu biết pháp luật liên quan đến LGBT của cộng đồng LGBT?	Còn thấp, hầu như không quan tâm.	Tùy từng vùng miền mà khả năng tiếp cận thông tin khác nhau. Hiểu biết pháp luật còn xuất phát từ nhu cầu của các cá nhân. Ví dụ như trường hợp cặp đôi đồng tính nữ muốn thực hiện thụ tinh nhân tạo hay nuôi con, họ sẽ tự tìm hiểu pháp luật liên quan đến 02 vấn đề này.
10. Hiểu biết và sự tham gia của cộng đồng LGBT về quá trình sửa đổi Luật Hôn nhân và Gia đình?	Cộng đồng có tham gia vận động sửa đổi Luật Hôn nhân và Gia đình, ví dụ như chương trình Tôi đồng ý, 16+...	Cộng đồng LGBT khá nỗ lực trong quá trình sửa đổi Luật Hôn nhân và Gia đình, tuy nhiên còn nhiều LGBT không quan tâm đến vấn đề này. Mỗi tổ chức có thể mạnh riêng, hoạt động khá sôi nổi.
11. Cộng đồng LGBT nói chung có nhu cầu đòi hỏi Luật Hôn nhân và Gia đình	Có	Có

được sửa theo hướng cho đăng ký kết hôn đồng giới không? Tại sao?		
12.Trong trường hợp Luật Hôn nhân và Gia đình không thông qua việc cho phép kết hôn đồng giới, quan điểm về phản ứng của cộng đồng LGBT?	Một số bạn thể hiện thái độ bức xúc, thiếu lòng tin. Đa số cho rằng sẽ chờ đợi thời điểm phù hợp và cần hoạt động hiệu quả hơn.	Các bạn cho rằng đây là điều dễ hiểu, vì nhiều nước phát triển hơn cũng cần phải có lộ trình để thực hiện. Cũng có thể nghiên cứu một số hình thức khác ngoài kết hôn đồng giới như kết hợp dân sự, kết hợp cặp đôi...
13.Các đề xuất từ phía cộng đồng LGBT để hiện thực hóa quyền nuôi con nuôi chung của các cặp đôi LGBT?	Cần công nhận LGBT trước, sau đó công nhận kết hôn đồng giới, cuối cùng là quy định về cho phép nhận con nuôi chung.	Các bạn đề xuất thừa nhận quyền của các cặp đôi đồng tính và đề xuất sửa đổi luật theo hướng cho phép nhận nuôi con chung.

THẢO LUẬN NHÓM TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Vấn đề thảo luận	Thảo luận nhóm của các bạn đồng tính nam và chuyển giới	Thảo luận nhóm của các bạn đồng tính nữ
1. Cộng đồng LGBT nói chung có nhu cầu sống cùng nhau thường xuyên và lâu dài không? Tại sao?	10/10 bạn tham gia thảo luận nhóm sống chung lâu dài và thường xuyên với bạn đời, để chia sẻ mọi vấn đề với nhau trong cuộc sống. Đây là nhu cầu tự nhiên của con người. Tuy nhiên, một số bạn nói rằng việc sống chung có nhiều hậu quả nếu như không được pháp luật công nhận như về tài sản, con cái, danh tiếng gia đình.... Nên việc chung sống với nhau được các bạn suy nghĩ rất cẩn thận, đặc biệt là với những bạn sống với gia đình ở HCM.	10/10 các bạn tham gia thảo luận trả lời là có vì nhu cầu của con người thì ai cũng như ai, không phân biệt đồng tính và dị tính. Việc hai người đồng giới đến với nhau cũng không hề đơn giản và gặp rất nhiều khó khăn. Các bạn tham gia phỏng vấn cũng phủ nhận quan điểm “<i>việc sống chung của LGBT chỉ là phong trào</i>”. Đây chỉ là một bộ phận rất nhỏ hoặc của những người không phải LGBT mà thể hiện mình là LGBT. Khi sống chung, các cặp đôi phải chia sẻ nhiều về vật chất và tinh thần...Đó là trách nhiệm của các bạn với nhau.
2. Các cặp LGBT nói chung có nhu cầu được đăng ký kết hôn không? Tại sao?	8/10 bạn tham gia thảo luận trả lời “có” vì đó là nhu cầu tất yếu và cần thiết của con người. Việc công nhận hôn nhân là một cách giải quyết vấn đề về hậu quả của việc sống chung và nâng cao trách nhiệm của mỗi người trong mối quan hệ hôn nhân. 2/10 bạn tham gia thảo luận trả lời “Không” vì theo quan điểm của bạn, vào thời điểm này, Việt Nam nên hướng tới kết hợp dân sự, để đảm bảo các quyền cơ bản về tài sản và nuôi con. Để công nhận hôn nhân thì còn rất nhiều vấn đề và điều này rất khó đạt được trong hoàn cảnh hiện nay.	9/10 bạn tham gia thảo luận trả lời “có”. Có bạn cho rằng, Giấy đăng ký kết hôn là một sự công nhận của pháp luật đối với LGBT, cũng như đảm bảo quyền con người trong mối quan hệ hôn nhân, đôi khi việc kết hôn còn chứng minh mình được hạnh phúc. 1/10 bạn tham gia thảo luận trả lời “không” do bạn ấy nhận thấy việc quan trọng nhất của bản thân với người bạn đời là sống ra sao và sống với nhau được bao lâu. Nếu như kết hôn rồi lại ly dị thì đến lúc đó xã hội sẽ có cái nhìn không tốt về LGBT.
3. Cá nhân và các cặp LGBT có nhu cầu nuôi con không? Tại sao	10/10 bạn tham gia thảo luận đồng ý rằng việc nuôi con là một điều cần thiết không chỉ riêng cho các cặp đôi mà còn cho bản thân các bạn. Nếu hai người yêu thương và chăm sóc nhau mà có thêm đứa con thì sẽ có cảm giác giống một gia đình bình thường khác. Hơn nữa, đây không chỉ là trải	9/10 bạn tham gia thảo luận trả lời “có” nhu cầu nuôi con. Vì đó là thiên chức của phụ nữ và mong muốn cùng được nuôi dạy và yêu thương cùng bạn đời mình. Tuy nhiên, việc lựa chọn con nuôi và con đẻ có sự khác nhau. Có bạn không phân biệt con nuôi hay con đẻ quan

	nghiệm chăm sóc một em bé mà còn là trách nhiệm của xã hội, tạo ra một thể hệ tương lai. Nếu nhận nuôi con thì bản thân người LGBT phải xác định rõ ràng về việc nhận nuôi con, các yếu tố đảm bảo để trẻ có thể phát triển một cách tốt nhất như tài chính, tình yêu thương. Nếu pháp luật có công nhận về việc nhận nuôi con nuôi của các cặp LGBT thì nên đưa ra các điều kiện về việc nuôi dưỡng như chế độ báo cáo, tài khoản tiết kiệm trong ngân hàng, cặp gay nhận nuôi thì phải thuê bảo mẫu hoặc có cha mẹ phụ giúp....	trọng là mình nuôi dạy con tốt hay không. Có bạn mong muốn được nuôi con để của mình.
4. Nếu có nhu cầu nuôi con, xin cho biết quan điểm về việc phân chia trách nhiệm nuôi con, các quyền và trách nhiệm về tài sản chung riêng? Việc đảm bảo khả năng nuôi dưỡng và phát triển của đứa bé?	Có quan điểm cho rằng, khi nuôi con thì hai người phải có trách nhiệm với đứa bé và với nhau, nên không cần thiết phải phân chia trách nhiệm. Có quan điểm lại nêu cần phân công trách nhiệm nuôi dưỡng bé, phải có sự bình đẳng với nhau trong việc nhà và kinh tế, để đảm bảo đứa trẻ được nuôi dưỡng tốt nhất. Có bạn nói rằng, tùy theo sự phân chia của từng cặp đôi, cũng giống như các cặp dị tính, nên rất khó có thể nói trước nên phân chia thế nào thì phù hợp. Về tài sản chung thì giống như các cặp dị tính khác, nên phân chia theo “của chồng công vợ”.	5/10 bạn tham gia thảo luận chia sẻ sẽ phân chia trách nhiệm nuôi con như những cặp dị tính khác. Việc thừa kế hay tặng cho cũng sẽ sắp xếp như những cặp dị tính khác. 5/10 bạn tham gia thảo luận nói rằng không phân chia trách nhiệm. Trẻ sẽ được chăm sóc nhiều hơn vì được hai người mẹ chăm sóc. Đối với một cặp đồng tính nữ, có một người đóng vai trò là nam nhưng bản thân người này vẫn còn một chút gì đó bản năng của nữ nên vẫn có khả năng chăm sóc con, cho con ăn, giặt tã.... Cả hai người sẽ đỡ đần nhau thực hiện việc nuôi dưỡng con nên không nhất thiết phải phân chia trách nhiệm rõ ràng. Con sẽ được đưa lên hàng đầu, cả hai sẽ phải cố gắng vì đứa con.
5. Khó khăn mà một người LGBT không công khai xu hướng tính dục/bản dạng giới gặp phải khi nhận con nuôi và nuôi con	Nếu một người không công khai xu hướng tính dục/bản dạng giới mà muốn nhận nuôi con thì cũng giống như người dị tính khác, phải đáp ứng được các điều kiện của pháp luật về nhận con nuôi. Chính quyền địa phương cũng căn cứ và pháp luật để giải quyết. Nên sẽ không gặp vướng mắc về mặt pháp luật. Khó khăn lớn nhất xuất phát từ phía gia đình. Vì bản thân LGBT mà che giấu giới tính thật thì sẽ không công khai với	Khi không công khai xu hướng tính dục/bản dạng giới, LGBT sẽ đơn phương đi nhận con nuôi, tuy nhiên sẽ gặp khó khăn từ phía gia đình, xã hội, văn hóa. Gia đình cũng sẽ phản đối việc làm người mẹ đơn thân. Xã hội cũng sẽ đánh giá rằng một người phụ nữ đơn thân thì có thể nuôi con và hoàn thành tốt trách nhiệm hay không. Do chỉ có một người làm mẹ nên người kia sẽ không

	bố mẹ, rất khó giải thích cho bố mẹ về nguyện vọng nhận con nuôi. Điều này có thể gây áp lực tâm lý đến bản thân LGBT	nhận được sự hỗ trợ gì từ phía công ty khi con đau ốm trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi che giấu và không công khai xu hướng tính dục/bản dạng giới, cặp LGBT sẽ gặp phải khó khăn trong việc nuôi dạy đứa trẻ. Cặp đôi sẽ nuôi dạy đứa trẻ như thế nào khi không công khai? Làm sao dạy con của mình tự tin trước những người khác?
6. Khó khăn mà một người LGBT công khai xu hướng tính dục/bản dạng giới gặp phải khi nhận con nuôi và nuôi con.	Khi đã công khai xu hướng tính dục/bản dạng giới, việc nhận con nuôi sẽ gặp khó khăn về phía chính quyền địa phương. Do đa số người làm việc trong hệ thống chính quyền địa phương vẫn còn định kiến với LGBT. Có bạn cho rằng, nếu như bạn đáp ứng được các điều kiện của pháp luật về nhận con nuôi như: công việc ổn định, tài chính vững mạnh, không có bệnh xã hội.... thì việc nhận con nuôi cũng không có khó khăn gì.	Đa số các bạn cho rằng khi công khai sẽ gặp vấn đề với chính quyền địa phương, nhưng LGBT sẽ thấy thoải mái hơn và dễ dàng hơn trong việc nhận con nuôi, đặc biệt là khi nhận được sự ủng hộ từ phía gia đình. Có bạn nghĩ rằng cơ quan chính quyền sẽ không từ chối LGBT đứng ra nhận con nuôi vì trẻ mồ côi hiện nay là rất nhiều, đây là kết quả từ những mối tình chóng vánh và từ sự chưa nghiêm túc của những cặp dị tính mà theo họ là bình thường và tốt đẹp.
7. Người nhận nuôi là LGBT mong muốn ghi tên trên giấy tờ của con như thế nào?	Đa số bạn tham gia thảo luận đều được mong muốn ghi theo bản dạng giới của mình.	Đa số bạn tham gia thảo luận đều mong muốn ghi nhận theo bản dạng giới của mình. Đối với những cặp chuyển giới thì nên ghi theo bản dạng giới để hợp pháp hóa; còn đối những cặp là 02 nữ, ghi tên một người thôi cũng được, không nhất thiết phải ghi hai mẹ bởi vì ghi như thế sẽ khó nhiều mặt cho đứa trẻ (sự kỳ thị từ thầy cô, bạn bè...) Nếu không ghi theo bản dạng giới (là cha) được thì chấp nhận ghi một mẹ trên các giấy tờ của con, không muốn ghi là hai mẹ bởi vì quan trọng vẫn là sự dạy dỗ và định hình về tư tưởng cho con mình như thế nào để đứa trẻ có thể tự tin nói với những người khác về cha của mình.

		Cần có sự phân chia rõ ràng cha- mẹ vì trẻ con cần sự phân định rõ ràng này, nhất là khi người khác đặt câu hỏi về cha, mẹ cho đứa trẻ; khi làm bài tập miêu tả cảnh gia đình, tả người cha... Ở Việt Nam, vẫn với quan niệm truyền thống nên không ghi cả hai người trên giấy khai sinh và các giấy tờ của con, chỉ nên ghi một người thôi. Việc này cũng đơn giản, hai người sẽ tự thỏa thuận ai là người đứng tên.
8. Khó khăn khi một người chuyển giới nhận con nuôi	Theo ý kiến của các bạn tham gia thảo luận, việc nhận con nuôi của người chuyển giới là vô cùng khó khăn. Bởi giấy tờ của bản thân họ sau khi chuyển giới cũng không lo liệu được thì việc làm thủ tục nhận nuôi con lại càng khó khăn hơn.	Các bạn tham gia thảo luận từ chối hoặc không bày tỏ quan điểm về những khó khăn mà một người chuyển giới gặp phải khi nhận con nuôi vì trong nhóm không có người chuyển giới.
9. Đánh giá các yếu tố tác động đến việc thực hiện quyền sống chung và nhận con nuôi của những cặp đồng giới.	Đa số ý kiến của bạn tham gia thảo luận đều cho rằng pháp luật rất quan trọng. Nó duy trì trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên đối với đứa con. Nếu luật pháp công nhận thì thái độ của chính quyền địa phương đối với người LGBT sẽ giảm đi đáng kể. Theo đánh giá hiện nay, cộng đồng đã thoáng và cởi mở hơn về LGBT. Sự hỗ trợ và thái độ gia đình là một yếu tố rất quan trọng. Hiện nay, các gia đình mà có con cháu là LGBT vẫn có nhiều phản ứng tiêu cực. Các nhóm mạng lưới thì có thể giúp LGBT giải tỏa tâm tư nguyện vọng như mạng xã hội facebook, các hoạt động tuyên truyền về sức khỏe khác.... Trung tâm trợ giúp pháp lý chưa được các bạn biết đến. Kiến thức và kỹ năng sống chung, nuôi con chung của LGBT vẫn còn kém.	Pháp luật là quan trọng nhất (6/10) vì khi pháp luật thừa nhận quyền của LGBT thì sẽ khẳng định sự tồn tại của LGBT và cũng có nhu cầu như những người dị tính. Từ đó, sẽ thay đổi suy nghĩ của cộng đồng theo chiều hướng tích cực hơn. Một khi pháp luật công nhận thì không có lý do gì để những người khác cấm cản. Người LGBT sẽ không bị gây khó dễ, hạch sách khi làm thủ tục. Ngược lại, nếu pháp luật không thừa nhận, người LGBT bị chính quyền địa phương gây khó dễ, hạch sách về mặt thủ tục, giấy tờ. Đồng thời việc thừa nhận giúp người LGBT có trách nhiệm với người bạn đời của mình hơn Gia đình là quan trọng nhất (2/10) vì gia đình ủng hộ, cả hai sẽ rất thoải mái, không bị áp lực gì. Cộng đồng là quan trọng nhất (2/10) vì sẽ thúc đẩy được tiếng nói chung cho cộng đồng LGBT, giúp đẩy nhanh quá trình được công nhận.

10. Hiểu biết pháp luật liên quan đến LGBT của cộng đồng LGBT	Đa số các bạn tham gia thảo luận đều nói do pháp luật không thừa nhận LGBT nên không có gì để mọi người tìm hiểu.	Các bạn tham gia thảo luận đều có chung ý kiến rằng hiểu biết của cộng đồng LGBT trong tình hình hiện tại còn mập mờ, thiếu hiểu biết.
11. Hiểu biết và sự tham gia của cộng đồng LGBT về quá trình sửa Luật Hôn nhân và gia đình.	Các bạn tham gia thảo luận đều nhận định cộng đồng biết về việc sửa đổi Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng tìm hiểu và tham gia vào quá trình này thì rất ít.	Hầu hết các bạn tham gia thảo luận đều biết Luật hôn nhân và gia đình đang được sửa đổi do được phổ biến qua cộng đồng, thông tin trên báo chí và các trang mạng xã hội.
12. Cộng đồng LGBT nói chung có nhu cầu đòi hỏi Luật Hôn nhân và gia đình sửa đổi theo hướng đăng ký kết hôn đồng giới không? Tại sao?	8/10 các bạn trả lời là có nhu cầu. 2/10 bạn trả lời không có nhu cầu, với lý do: mong muốn sống chung là được rồi, không muốn ràng buộc về sau; nghĩ rằng quan trọng là tự mỗi người, nên vấn đề nhu cầu này phụ thuộc vào mỗi người.	10/10 bạn tham gia thảo luận đều nhận định chung cộng đồng LGBT có nhu cầu đòi hỏi Luật Hôn nhân và gia đình sửa đổi theo hướng đăng ký kết hôn đồng giới.
13. Phản ứng của Cộng đồng LGBT trong trường hợp Luật Hôn nhân và Gia đình không thông qua việc cho phép kết hôn đồng giới	Phản ứng thông thường: cảm thấy hụt hẫng, nhưng vẫn tiếp tục sống bình thường và tìm biện pháp khác như vận động xã hội, tìm đến các cơ quan để có tiếng nói ngôn luận chính thức (ví dụ: Hội phụ nữ...), nhưng cũng có quan ngại về chính trị và truyền thống.	Đa số các bạn tham gia thảo luận đều đồng ý với hành động: “ <i>Tiếp tục vận động nhằm sửa đổi Luật</i> ”. Phải chứng minh LGBT có những đóng góp cho xã hội như những người khác bằng việc tham gia những hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện....để từ đó thay đổi cách nhìn nhận của mọi người về LGBT. Tham gia những hoạt động có ích để chứng tỏ LGBT có thể làm được những việc mà mọi người thường nghĩ không làm được, thậm chí có thể làm tốt hơn và LGBT không hề thua kém những người khác. Từ đó, không còn lý do gì để mọi người còn kỳ thị LGBT và thừa nhận cộng đồng LGBT.

14. Những đề xuất từ phía cộng đồng LGBT để hiện thực hóa quyền nuôi con nuôi chung của các cặp đôi LGBT	Phải có các cơ quan pháp lý để hướng dẫn, giám sát bảo trợ việc nuôi con nuôi của cộng đồng LGBT; Cần có quy định chứng minh thời gian chung sống (nên có một khoảng thời gian chung sống thử trước trên thực tế).	Trước tiên, pháp luật công nhận LGBT. Từ đó, mới có cơ sở thực hiện những quyền khác như quyền kết hôn, quyền nhận con nuôi..... Nên lập tổ chức hoặc cơ quan để người LGBT có thể có được những thông tin về việc thực hiện quyền của mình.
---	--	--

THẢO LUẬN NHÓM TẠI CẦN THƠ

Vấn đề thảo luận	Thảo luận nhóm của các bạn đồng tính nam	Thảo luận nhóm của các bạn đồng tính nữ
1. Cộng đồng LGBT nói chung có nhu cầu sống cùng nhau thường xuyên và lâu dài không? Tại sao?	8/10 bạn tham gia thảo luận nói rằng tình yêu giới nào cũng vậy đều mong muốn sống chung lâu dài và chia sẻ cuộc sống với nhau. Việc tìm được người yêu thật sự trong giới cũng rất khó khăn nên mọi người đều rất trân trọng. 2/10 bạn không muốn bởi theo bạn, mỗi người có một không gian riêng thì tốt hơn. Xã hội chưa công nhận LGBT nên khi sống chung sẽ có rất nhiều sự dị nghị và công việc cũng bị ảnh hưởng.	9/10 bạn tham gia thảo luận cho rằng cộng đồng LGBT có nhu cầu sống chung lâu dài. Vì đã yêu nhau thì ai cũng mong muốn sống bên nhau. Nếu có áp lực thì cũng có thể chia sẻ với nhau và cũng nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. 1/10 bạn nói rằng việc sống chung rất áp lực, đặc biệt từ phía gia đình và xã hội, nên rất dễ chia tay nhau. Việc sống chung không phải là nhu cầu cấp thiết khi chưa được xã hội công nhận.
2. Các cặp LGBT nói chung có nhu cầu được đăng ký kết hôn không? Tại sao?	8/10 bạn tham gia thảo luận đồng ý cộng đồng LGBT có nhu cầu đăng ký kết hôn và nên có sự ràng buộc pháp lý giữa hai người, để khẳng định chủ quyền bạn đời, để bạn đời tin tưởng hơn và giảm các hệ lụy do đời sống không an toàn gây ra. 2/10 bạn không đồng ý với quan điểm trên. Theo hai bạn, đa số những giới trung niên không muốn kết hôn mà chỉ cần được công nhận quyền	10/10 bạn tham gia thảo luận nói rằng, cộng đồng LGBT đều có nhu cầu được đăng ký kết hôn. Bởi đăng ký kết hôn tức là được pháp luật thừa nhận. Điều đó giúp tôn trọng quyền lợi của cả hai bên, thúc đẩy được trách nhiệm của các bên. Điều đó sẽ giúp cho gia đình hai bên dễ chấp nhận hơn.
3. Cá nhân và các cặp LGBT có nhu cầu nuôi con không? Tại sao	10/10 bạn tham gia thảo luận đều đồng ý rằng người LGBT đều mong muốn có con. Họ cũng mong muốn con nuôi để có cảm giác gia đình và một người phụ dưỡng tuổi già.	Đa số đều mong muốn được nuôi con nhưng phải là con đẻ của mình để có được cảm giác làm ba mẹ và hiểu được những khó khăn của ba mẹ mình. Trong gia đình có trẻ em thì sẽ giúp hai người có trách nhiệm nhiều hơn, có định hướng tốt hơn. Đưa trẻ như

		một mối liên kết giữa hai bên và giúp giải quyết những mâu thuẫn.
4. Nếu có nhu cầu nuôi con, xin cho biết quan điểm về việc phân chia trách nhiệm nuôi con, các quyền và trách nhiệm về tài sản chung riêng? Việc đảm bảo khả năng nuôi dưỡng và phát triển của đứa bé?	Đa số các bạn đều cho rằng việc phân chia trách nhiệm là không quan trọng. Quan trọng là tự bản thân mỗi người phải thấy được công việc của mình, có trách nhiệm lo lắng cho đứa bé về vật chất lẫn tình cảm.	Có ý kiến cho rằng việc phân chia trách nhiệm nuôi con là hết sức khó khăn. Vì tùy vào từng cặp đôi, họ sẽ có cách phân chia phù hợp. Hơn nữa, bản thân là đồng tính nữ, họ cũng có bản năng làm mẹ rất mạnh, nên việc chăm sóc và giao lưu tình cảm mẹ con cũng rất dễ dàng. Trong trường hợp 2 vợ chồng có chia tay thì đứa trẻ sẽ ở với mẹ đẻ, còn người làm cha sẽ chu cấp cho trẻ. Nếu đứa trẻ đủ khả năng suy nghĩ thì nên theo ý kiến của đứa trẻ. Để tránh gây tổn thương cho đứa trẻ, nên nói cho bé hiểu về hoàn cảnh của 2 người và để bé lựa chọn. Bản thân trẻ em rất tinh ý, khi lớn lên bé sẽ tự nhận ra sự khác biệt của gia đình mình và các gia đình dị tính. Nếu muốn nuôi con tốt, hai người phải tìm cách nói chuyện để con hiểu được tình yêu của mình và để con hiểu được mình.
5. Khó khăn mà một người LGBT không công khai xu hướng tính dục/bản dạng giới gặp phải khi nhận con nuôi và nuôi con	Các bạn tham gia thảo luận đều đồng ý rằng, một người LGBT không công khai xu hướng tính dục/bản dạng giới khi nhận con nuôi và nuôi con sẽ dễ dàng, do bản thân không công khai nên được nhìn nhận như những người dị tính. Khó khăn duy nhất gặp phải đến từ gia đình, cha mẹ chắc chắn sẽ rất khó chấp nhận được một người chưa vợ mà đã đi xin con nuôi.	Đa số các bạn tham gia thảo luận đều nói rằng bản thân mong muốn nuôi con để, nên những khó khăn của người LGBT không công khai (như người dị tính) không biết hoặc có lẽ không có.
6. Khó khăn mà một người LGBT công khai xu hướng tính dục/bản dạng giới gặp phải khi nhận con nuôi và nuôi con.	7/10 các bạn tham gia thảo luận đều đồng ý rằng việc xin con nuôi của người LGBT sẽ rất khó khăn. Do chính quyền địa phương hoặc cơ sở giáo dục lo lắng về tâm lý của đứa trẻ nên không cho phép nhận nuôi.	Khó khăn nhất trong việc nuôi con là tâm lý của đứa trẻ. Hơn nữa, nếu 2 người nhận nuôi con mà chia tay, đứa bé sẽ bơ vơ. Vậy nên, pháp luật nên công nhận vấn đề nhận con nuôi để đảm bảo trách nhiệm từ 2 phía và quyền lợi của đứa trẻ. Khó khăn từ phía gia đình và hàng xóm sẽ được giải quyết theo thời gian bằng cách sống và làm việc có ích,

	3/10 bạn nói rằng những trại trẻ mồ côi chỉ chú trọng vào kinh tế. Nếu mình đáp ứng đủ các điều kiện thì sẽ được nhận nuôi	nên người LGBT vẫn có thể vượt qua các khó khăn đó và tiếp tục sinh con, nuôi dưỡng con.
7. Người nhận nuôi là LGBT mong muốn ghi tên trên giấy tờ của con như thế nào?	3/10 bạn tham gia thảo luận đều mong muốn được ghi theo giới tính thật của mình. Vì trong quá trình nuôi dạy, đứa trẻ sẽ tự nhận ra đâu là cha, đâu là mẹ. 7/10 bạn cho rằng nên ghi theo giới tính sinh học cha/mẹ	9/10 bạn tham gia thảo luận mong muốn được ghi bản dạng giới trên giấy tờ của con vì muốn được công nhận quyền cha mẹ đối với con. 1/10 bạn tham gia thảo luận nói rằng việc ghi tên không quan trọng. Quan trọng là trách nhiệm của hai bên đối với con cái khi pháp luật đã công nhận vấn đề này.
8. Khó khăn khi một người chuyển giới nhận con nuôi	Các bạn tham gia thảo luận đều đồng quan điểm việc một người chuyển giới nhận nuôi con nuôi là hết sức khó khăn. Bản thân các bạn chuyển giới đã gặp rất nhiều khó khăn, việc xin con nuôi cũng chỉ là 1 phần trong các khó khăn đó.	Người chuyển giới không được công nhận bản dạng giới của mình nên việc đứng tên trên giấy khai sinh của con hay nhận nuôi con sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên người chuyển giới có một lợi thế là bản thân đã công khai, và không e ngại dư luận.
9. Đánh giá các yếu tố tác động đến việc thực hiện quyền sống chung và nhận con nuôi của những cặp đồng giới.	Các bạn đều nhận thấy rằng pháp luật là một yếu tố rất quan trọng, nhưng hiện nay pháp luật đang có những rào cản mạnh mẽ. Cơ quan chính quyền địa phương không có quyết định nhiều, vì bản thân họ đều phải làm việc theo pháp luật Sự ủng hộ từ phía gia đình và cộng đồng cũng quan trọng nhưng chỉ tác động đến tinh thần của LGBT, còn không có tác động lớn đến quyền sống chung và nhận con nuôi. Vấn đề tài chính cũng là vấn đề quan trọng nhất trong việc có quyết định nhận nuôi con hay không.	Một bạn có ý kiến rằng pháp luật không quá quan trọng trong việc bạn sinh con và nuôi con. Hiện tại cũng không có những yếu tố rào cản đối với người muốn sinh con. 3/10 bạn coi trọng yếu tố pháp luật vì lo lắng cho danh tính, quyền lợi của đứa trẻ. 3/10 bạn nhận thấy áp lực từ phía gia đình rất nhiều, đặc biệt từ gia đình của người bạn đời mình. Đó cũng là một yếu tố rất quan trọng để thực hiện việc sống chung, nuôi con của các cặp đôi. Vấn đề kinh tế được nhiều bạn đề cập đến. 9/10 bạn tham gia phỏng vấn nói rằng phải có kinh tế đủ mạnh thì họ mới sinh con và nuôi dưỡng bé. Khi họ đã có dự định có con, thì họ phải có kế hoạch cụ thể để kiếm tiền trang trải cuộc sống và nuôi dưỡng đứa con.

10. Hiểu biết pháp luật liên quan đến LGBT của cộng đồng LGBT	Nhiều bạn nói rằng thông tin liên quan đến LGBT đều khó tiếp cận nên nhiều người không thể biết được. Có 4 bạn thừa nhận bản thân không hiểu biết về pháp luật LGBT	Các bạn tham gia thảo luận đều chung một nhận định vì không có ai tuyên truyền kiến thức pháp luật nên người LGBT đều không biết và không hiểu pháp luật. Chỉ khi đụng tới chuyện liên quan đến lợi ích của họ thì họ mới bắt đầu tìm hiểu. Hơn nữa, văn bản pháp luật của mình rất xa vời và khó đọc.
11. Hiểu biết và sự tham gia của cộng đồng LGBT về quá trình sửa Luật Hôn nhân và gia đình.	5/10 bạn tham gia thảo luận có tìm hiểu về vấn đề vận động chính sách. Có nhiều chương trình như Tôi đồng ý 16+, Thức tỉnh cầu vồng.... Tuy nhiên, do sự hiểu biết hạn chế và bị tâm lý sợ đám đông nên nhiều bạn vẫn không dám tham dự.	10/10 bạn tham gia thảo luận đều nói rằng họ chỉ biết hoặc mới biết việc quá trình sửa đổi Luật Hôn nhân và gia đình. Chỉ duy nhất có một bạn tham gia các chương trình ký tên ủng hộ như Tôi đồng ý 16+.
12. Cộng đồng LGBT nói chung có nhu cầu đòi hỏi Luật Hôn nhân và gia đình sửa đổi theo hướng đăng ký kết hôn đồng giới không? Tại sao?	8/10 bạn tham gia thảo luận nhận định rằng cộng đồng LGBT có nhu cầu đòi hỏi Luật Hôn nhân và gia đình sửa đổi theo hướng đăng ký kết hôn đồng giới. 2/10 bạn nói rằng, chỉ cần dừng ở mức công nhận quyền của LGBT.	Theo các bạn rất khó để đánh giá nhu cầu của cộng đồng LGBT trong việc sửa đổi Luật Hôn nhân và gia đình theo hướng đăng ký kết hôn đồng giới. Vì kết hôn có rất nhiều vấn đề, kết hôn là chuyện của hai gia đình. Có bạn nói rằng đăng ký kết hôn là cách hợp thức hóa tình yêu, đẩy trách nhiệm của cặp đôi lên cao hơn và ràng buộc với nhau hơn, vậy nên rất nhiều người mong muốn Luật sẽ sửa đổi theo hướng đăng ký kết hôn.
13. Phản ứng của Cộng đồng LGBT trong trường hợp Luật Hôn nhân và Gia đình không thông qua việc cho phép kết hôn đồng giới	Nếu Quốc hội không thông qua Luật Hôn nhân và gia đình theo hướng cho phép kết hôn đồng giới, thì cộng đồng LGBT vẫn sẽ tiếp tục đấu tranh.	3/10 bạn tham gia phỏng vấn nói rằng sẽ tiếp tục đấu tranh nếu Luật hôn nhân và gia đình không thông qua việc cho phép kết hôn đồng giới. 2/10 bạn nói rằng pháp luật thừa nhận hay không cũng không quan trọng, quan trọng là hai người sống với nhau thế nào. 5/10 bạn nói rằng sẽ vẫn sống tốt để mọi người nhìn nhận và suy nghĩ khác về LGBT.
14. Những đề xuất từ phía cộng đồng LGBT để hiện thực hóa quyền nuôi con	Nên có những phổ cập giáo dục giới tính về vấn đề LGBT trong trường học; Nên công nhận quyền sống chung trước.	Công khai xu hướng tính dục/bản dạng giới, chứng minh cho mọi người thấy đó là việc bình thường của tự nhiên, bản thân LGBT sinh ra đã thế. Sống tích cực để huy động sự nhìn nhận của cộng đồng.

nuôi chung của các cặp đôi LGBT		Chứng minh với Quốc hội: Phải có những hoạt động tích cực, phải hiểu rõ những hoạt động hiện tại. Tuyên truyền về LGBT cho mọi người; Tham gia và thực hiện các nghiên cứu về LGBT.
--	--	--

PHỤ LỤC V – DANH SÁCH CHUYÊN GIA PHÒNG VẤN SÂU

STT	Họ và tên	Cơ quan/Tổ chức
1.	Nguyễn Minh Thuyết	Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng, Quốc hội
2.	Nguyễn Hoàng Nam	Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế, Bộ Tư pháp
3.	Nguyễn Văn Bình	Cục trưởng Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp
4.	Kim Anh	Cục phó Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp
5.	Trương Hồng Quang	Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp
6.	Nguyễn Thị Lan	Phó bộ môn Luật Hôn nhân và Gia đình, Đại học Luật Hà Nội
7.	Lê Thị Nguyệt Châu	Trưởng khoa Luật - ĐH Cần Thơ
8.	Trần Thị Hương	Giảng viên Đại học Luật Thành phố HCM
9.	Lã Khánh Tùng	CRIGHTS
10.	Lương Thế Huy	iSEE
11.	Hoàng Tú Anh	CCIHP
12.	Nguyễn Anh Thuận	CLOSET
13.	Trần Khắc Tùng	ICS
14.	Đỗ Quốc Anh	Ban Tuyên giáo Hội Phụ nữ
15.	Bùi Quang Nghiêm	Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh
16.	Nguyễn Thị Thúy Kiều	Luật sư Văn phòng Luật sư Hoàng Hải
17.	Phạm Tiến Bài	Luật sư Công ty Luật Hoàng Kim
18.	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Luật sư Công ty Luật Bách Minh
19.	Lâm Hiền Anh	Phóng viên Thời báo Kinh tế Việt Nam
20.	Nghĩa Nhân	Phóng viên Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh
21.	Mỹ Lệ	Phóng viên Báo Sài Gòn Tiếp Thị
22.	Lê Nhung	Báo Vietnamnet - chuyên mục Thời sự, Hoạt động Quốc hội và Tuần Việt Nam

23.	Làng trẻ em Birla, Hà Nội	
24.	Trung tâm bảo trợ trẻ em III - Cơ sở 3: Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi suy dinh dưỡng, Hà Nội	
25.	Sở Tư pháp Hà Nội	
26.	Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh	
27.	UBND Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội	
28.	UBND Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Hà Nội	
29.	UBND Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Hà Nội	
30.	UBND Phường 13, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	

PHỤ LỤC VI – BẢNG HỎI TRỰC TUYẾN VÀ BẢNG HỎI PHÒNG VẤN SÂU

A – BẢNG HỎI TRỰC TUYẾN DÀNH CHO LGBT

NGHIÊN CỨU VỀ QUYỀN NUÔI CON CỦA NHÓM ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH, CHUYỂN GIỚI (LGBT)

BẢNG HỎI DÀNH CHO NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH, CHUYỂN GIỚI

Với sự hỗ trợ của Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (“UNDP”), Nhóm Nghiên cứu gồm Văn phòng Luật sư NHQuang và Cộng sự (“NHQuang và Cộng sự”) và Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học về Giới – Gia đình – Phụ nữ và Vị Thành Niên (“CSAGA”) tiến hành thực hiện khảo sát về quyền nuôi con của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) tại Việt Nam. Mục đích của khảo sát này hướng tới làm rõ nhu cầu và hiểu biết về nhận và nuôi con của LGBT tại Việt Nam, từ đó làm cơ sở vận động chính sách cho việc sửa đổi các quy định pháp luật có liên quan như Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Nuôi con nuôi...

Rất mong Quý vị trả lời các câu hỏi dưới đây theo hướng dẫn tại từng câu hỏi. Tất cả các thông tin khảo sát sẽ được bảo mật với trách nhiệm cao nhất, trừ trường hợp được người trả lời bằng hỏi đồng ý tiết lộ bằng văn bản.

Chúng tôi đề nghị Quý vị:

- ✓ **Cố gắng trả lời tất cả các câu hỏi trong Bảng hỏi**
- ✓ **Với mỗi câu hỏi, chỉ chọn một phương án trả lời. Những câu hỏi có thể chọn nhiều phương án trả lời sẽ được ghi chú riêng (*trong ngoặc và in nghiêng*)**
- ✓ **Mỗi người chỉ trả lời 1 Bảng hỏi theo 1 trong 2 cách thức sau:**

Cách 1: Trả lời Bảng hỏi này và gửi về Nhóm Nghiên cứu qua đường Bưu điện theo địa chỉ được ghi ở cuối bảng hỏi,

hoặc

Cách 2: Trả lời Bảng hỏi trực tuyến bằng cách truy cập vào địa chỉ www.khaosattuphap.net.

Khi trả lời, xin điền mã bảng hỏi theo công thức sau:

(Mã vùng điện thoại của tỉnh/thành phố Quý vị đang ở) + (một chữ cái bất kì) +
(4 số cuối trong số điện thoại di động hoặc cố định của Quý vị)

Ví dụ: nếu Quý vị đang ở THÀNH PHỐ HCM và có số điện thoại là xxxxxx0781, mã bảng hỏi sẽ là 08g0781

PHẦN I – THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI BẢNG HỎI

1. Năm sinh:
2. Bản dạng giới (giới tính do người trả lời bảng hỏi tự nhận): ☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác
3. Giới tính trên giấy khai sinh: ☐ Nam ☐ Nữ
4. Trình độ học vấn:
 - ☐ Chưa học qua trường lớp nào
 - ☐ Tiểu học
 - ☐ Trung học phổ thông/T trung học chuyên nghiệp
 - ☐ Cử nhân
 - ☐ Trên đại học
 - ☐ Khác:
5. Nghề nghiệp:

Nghề nghiệp	Khu vực nhà nước	Khu vực ngoài nhà nước
a. Công chức, viên chức	☐	
b. Công việc không trực tiếp sản xuất (<i>quản lý, kỹ sư, phiên dịch, nhân viên văn phòng...</i>)	☐	☐
c. Hành nghề chuyên môn (<i>luật sư, bác sĩ, kiến trúc sư, nhà báo, kế toán, kiểm toán viên...</i>)	☐	☐
d. Tham gia hoạt động sản xuất trực tiếp (<i>công nhân, lái xe, bảo vệ...</i>)	☐	☐
e. Sinh viên		☐
f. Doanh nhân		☐
g. Thợ thủ công, buôn bán nhỏ		☐
h. Nông dân		☐
i. Không có việc làm ổn định		☐
k. Công việc khác (<i>xin nêu rõ</i>):	☐	☐
.....		

6. Thu nhập bình quân theo tháng:
 - ☐ a. 2 triệu trở xuống
 - ☐ b. Trên 2 đến 5 triệu
 - ☐ c. Trên 5 triệu đến 10 triệu

- ☐ d. Trên 10 triệu
 - ☐ e. Không muốn trả lời
7. Nơi ở (tỉnh/thành phố):
8. Xu hướng tính dục của bản thân
- ☐ a. Đồng tính nữ
 - ☐ b. Đồng tính nam
 - ☐ c. Song tính
 - ☐ d. Khác
9. Công khai xu hướng tính dục trên thực tế:
- ☐ a. Có, tôi công khai với mọi người trên thực tế
 - ☐ b. Có, tôi công khai với một số người nhất định (*gia đình/người thân/bạn bè*)
 - ☐ c. Không
10. Tình trạng hôn nhân/chung sống thực tế:
- ☐ a. Độc thân
 - ☐ b. Đang trong thời kỳ hôn nhân (*có đăng ký*) với người khác giới
 - ☐ c. Đã ly hôn với người khác giới
 - ☐ d. Đang chung sống với người yêu/bạn đời là LGBT
 - ☐ e. Khác.
11. Xin cho biết Quý vị đã có con để chưa:
- ☐ a. Có
 - ☐ b. Chưa
12. Quý vị đã nhận con nuôi bao giờ chưa:
- ☐ a. Có
 - ☐ b. Chưa

PHẦN II

A. CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NUÔI CON

(*Bao gồm con đẻ và con nuôi*)

Câu 1: Theo Quý vị, khi nuôi con, LGBT có gặp KHÓ KHĂN không?

- ☐ a. Không biết (*xin trả lời tiếp câu 3*)
- ☐ b. Không thấy có khó khăn nào (*xin trả lời tiếp câu 3*)
- ☐ c. Có một số khó khăn nhưng người nuôi con khắc phục được
- ☐ d. Rất khó khăn khiến người nuôi con phải gửi con cho người khác nuôi

Câu 2: Quý vị có biết đó là những KHÓ KHĂN nào không? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐ a. Thái độ của cộng đồng xung quanh hay xã hội nói chung
- ☐ b. Gia đình của người LGBT không đồng tình với việc này
- ☐ c. Quy định pháp luật hiện nay đang hạn chế việc này
- ☐ d. Cơ quan nhà nước địa phương có hành vi ngăn cản việc này
- ☐ e. Khó khăn khác (*xin nêu rõ*):

Câu 3: Theo Quý vị, THÁI ĐỘ của cộng đồng xung quanh hay xã hội nói chung đối với việc nuôi con của người LGBT như thế nào?

	a. Bình thường	b. Có đôi chút khác thường	c. Rất khác thường	d. Thể hiện sự kỳ thị	e. Ý kiến khác
Đối với bản thân người LGBT	☐	☐	☐	☐	☐
Đối với con của người LGBT	☐	☐	☐	☐	☐
Xin nêu rõ ý kiến khác:					

Câu 4: Theo Quý vị, trong trường hợp gia đình của người LGBT/gia đình bạn đời/người yêu của LGBT không đồng tình với việc nuôi con của người LGBT, nguyên nhân là gì? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐ a. Không rõ lý do
- ☐ b. Họ lo lắng về khả năng chăm sóc con cái của người LGBT
- ☐ c. Họ lo lắng quy định pháp luật hiện nay chưa rõ ràng trong việc cho phép người LGBT nuôi con
- ☐ d. Họ lo lắng các cơ quan nhà nước tại địa phương không thừa nhận quyền nuôi con trên thực tế của người LGBT
- ☐ e. Họ lo lắng việc áp dụng các quy định pháp luật hiện hành chưa thể bảo đảm tốt nhất quyền lợi của đứa trẻ là con của người LGBT
- ☐ g. Lý do khác (*xin nêu rõ*):

Câu 5: Theo Quý vị, quy định pháp luật nào hiện nay đang hạn chế việc nuôi con của người LGBT? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐ a. Không rõ quy định nào
- ☐ b. Quy định của pháp luật dân sự
- ☐ c. Quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình
- ☐ d. Quy định pháp luật về nuôi con nuôi

- ☐ e. Quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính
- ☐ f. Quy định pháp luật về xử lý trách nhiệm hình sự
- ☐ g. Quy định khác (*xin nêu rõ*):

Câu 6: Theo Quý vị, cơ quan nhà nước tại địa phương có hành vi nào ngăn cản việc nuôi con của người LGBT? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐ a. Không thể mô tả rõ hành vi
- ☐ b. Có quyết định của Tòa án giao con của người LGBT cho người khác nuôi hoặc chấm dứt việc nuôi con nuôi của người LGBT
- ☐ c. Có quyết định từ chối việc xin nhận con nuôi của người LGBT từ cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương
- ☐ d. Không có quyết định từ chối việc xin nhận con nuôi của người LGBT nhưng không cho đăng kí khai sinh, nhập tịch đối với con nuôi
- ☐ e. Gây khó dễ trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính liên quan khiến LGBT không thực hiện được việc nhận con nuôi
- ☐ f. Hành vi khác (*xin nêu rõ*):

B – CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN NHẬN NUÔI CON NUÔI

Câu 7: Quý vị đã từng tìm hiểu về thủ tục nhận nuôi con nuôi chưa?

- ☐ a. Đã tìm hiểu về thủ tục nhận nuôi con nuôi và đã hoặc đang nhận nuôi con nuôi
- ☐ b. Đã tìm hiểu về thủ tục nhận nuôi con nuôi song chưa nhận nuôi con nuôi
- ☐ c. Chưa tìm hiểu về thủ tục nhận nuôi con nuôi (*xin bỏ qua các câu hỏi 8, 9, 10, 11, 12 và trả lời tiếp Phần C – câu 13*)

Câu 8: Theo tìm hiểu của Quý vị, người xin nhận con nuôi cần phải đáp ứng được các điều kiện nào dưới đây để được nhận con nuôi? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

Điều kiện	Người LGBT	Người dị tính
a. Người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ (<i>bao gồm từ đủ 18 tuổi trở lên và không có quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự của Tòa án</i>).	☐	☐
b. Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên	☐	☐
c. Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi	☐	☐
d. Có tư cách đạo đức tốt	☐	☐
e. Phải thực hiện trắc nghiệm tâm lý dành cho cha mẹ	☐	☐

f. Điều kiện khác (<i>xin nêu rõ</i>):	☐	☐
.....		

Câu 9: Theo quan điểm của Quý vị, người LGBT có cần thêm hoặc được miễn điều kiện nào để được nhận con nuôi không?

☐ a. Không cần thêm hay miễn điều kiện nào

☐ b. Miễn điều kiện → **Xin cho biết điều kiện nên miễn để LGBT được nhận con nuôi:**

☐ ba. Người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ (bao gồm từ đủ 18 tuổi trở lên và không có quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự của Tòa án).

☐ bb. Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên

☐ bc. Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi

☐ bd. Có tư cách đạo đức tốt

☐ be. Phải thực hiện trắc nghiệm tâm lý dành cho cha mẹ

Lý do:

.....

☐ b. Thêm điều kiện → **Xin cho biết điều kiện cần thêm đó và lý do:**

.....

☐ d. Không biết

Câu 10: Theo tìm hiểu của Quý vị, hồ sơ nhận nuôi con nuôi YÊU CẦU các văn bản nào dưới đây? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

Hồ sơ	Đối với LGBT	Đối với người dị tính
a. Đơn xin nhận con nuôi	☐	☐
b. Bản sao Hộ chiếu, Giấy chứng minh thư nhân dân	☐	☐
c. Phiếu lý lịch tư pháp	☐	☐
d. Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân	☐	☐
e. Giấy khám sức khỏe	☐	☐
f. Phiếu trắc nghiệm tâm lý	☐	☐
g. Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp	☐	☐
h. Văn bản đồng ý của gia đình người nhận nuôi con nuôi	☐	☐

i. Hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi (do cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc cơ sở nuôi dưỡng lập)	☐	☐
j. Giấy tờ khác (<i>xin nêu rõ</i>):	☐	☐

Câu 11: Theo quan điểm của Quý vị, người LGBT xin nhận con nuôi KHÔNG CẦN cung cấp văn bản nào dưới đây? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐ a. Đơn xin nhận con nuôi;
- ☐ b. Bản sao Hộ chiếu, Giấy chứng minh thư nhân dân;
- ☐ c. Phiếu lý lịch tư pháp;
- ☐ d. Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;
- ☐ e. Giấy khám sức khỏe;
- ☐ f. Phiếu trắc nghiệm tâm lý;
- ☐ g. Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp;
- ☐ h. Văn bản đồng ý của gia đình người nhận nuôi con nuôi;
- ☐ i. Hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi (do cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc cơ sở nuôi dưỡng lập);
- ☐ j. Không cần cung cấp tất cả các văn bản trên
- ☐ k. Tất cả các văn bản trên đều cần phải cung cấp
- ☐ j. Giấy tờ khác (*xin nêu rõ*):

Xin cho biết lý do:

Câu 12: Theo tìm hiểu của Quý vị, thủ tục nhận nuôi con nuôi diễn ra theo các bước nào sau đây? (có thể chọn nhiều phương án trả lời, không cần sắp xếp trình tự)

- ☐ a. Người nhận nuôi con nuôi chuẩn bị và nộp hồ sơ tại UBND cấp xã
- ☐ b. UBND lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ của người được nhận làm con nuôi hoặc người giám hộ
- ☐ c. UBND lấy ý kiến của trẻ em từ đủ 9 tuổi trở lên được nhận làm con nuôi
- ☐ d. Người nhận nuôi con nuôi trả lời phỏng vấn tại UBND cấp xã
- ☐ e. Nhận kết quả tại UBND cấp xã
- ☐ f. Bước khác (*xin nêu rõ*):

C - ĐỐI VỚI NGƯỜI TRẢ LỜI CHƯA CÓ CON

(bao gồm cả con đẻ và con nuôi)

Câu 13. Quý vị có ý định hay kế hoạch có con không?

- ☐ a. Có → Quý vị có ý định có con bằng cách nào:

- ☐ aa. Có con đẻ
- ☐ ab. Nhận nuôi con nuôi
- ☐ ac. Cả hai phương pháp trên
- ☐ b. Không → Tại sao Quý vị không có ý định có con?
 - ☐ ba. Không muốn hoặc chưa có nhu cầu
 - ☐ bb. Điều kiện kinh tế, vật chất chưa cho phép nghĩ đến việc này
 - ☐ bc. Gia đình không ủng hộ
 - ☐ bd. E ngại sẽ không tốt cho đứa trẻ sau này
 - ☐ be. Lý do khác (nêu cụ thể)

.....

Câu 14: Nếu nhận nuôi con nuôi, Quý vị mong muốn mình sẽ đứng tên như thế nào trong giấy khai sinh của con?

- ☐ a. Là cha
- ☐ b. Là mẹ

D - ĐỐI VỚI NGƯỜI TRẢ LỜI ĐÃ CÓ CON ĐẸ

(nếu Quý vị chưa có con đẻ, xin bỏ qua phần này và trả lời tiếp Phần E từ câu 16)

Câu 15: Theo Quý vị, pháp luật có nên công nhận các thỏa thuận về chăm sóc, nuôi dưỡng con cái giữa các cặp đôi LGBT hay không?

- ☐ a. Có. Lý do pháp luật nên công nhận (có thể chọn nhiều phương án trả lời)
 - ☐ aa. Để tăng tính trách nhiệm cho các cặp đôi LGBT
 - ☐ ab. Để đảm bảo quyền lợi của con cái
 - ☐ ac. Để bảo vệ quyền lợi của từng bên trong cặp đôi LGBT
 - ☐ ad. Lý do khác (xin nêu rõ):
- ☐ b. Không. Lý do pháp luật không nên công nhận (có thể chọn nhiều phương án trả lời):
 - ☐ ba. Chăm sóc và nuôi dưỡng con cái là trách nhiệm đương nhiên của từng bên trong cặp đôi khi đã sống chung
 - ☐ bb. Vì pháp luật đã quy định nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ đối với con cái rồi
 - ☐ bc. Lý do khác (xin nêu rõ):
- ☐ c. Không biết

E. ĐỐI VỚI NGƯỜI TRẢ LỜI ĐÃ CÓ CON NUÔI

(bao gồm đã đăng ký hoặc chưa đăng ký việc nuôi con nuôi)
(nếu chưa có con nuôi xin bỏ qua phần này và trả lời tiếp Phần F từ câu 21)

Câu 16: Quý vị đã nhận nuôi con được bao lâu?

- | | |
|---|--|
| ☐ a. Dưới 1 năm | ☐ b. Từ 1 đến dưới 2 năm |
| ☐ c. Từ 2 đến dưới 3 năm | ☐ d. Từ 3 đến dưới 4 năm |
| ☐ e. Từ 4 đến dưới 5 năm | ☐ f. Từ 5 đến dưới 10 năm |
| ☐ g. Từ 10 năm trở lên | |

Câu 17: Khi nhận nuôi con nuôi, Quý vị có thực hiện các thủ tục đăng kí tại cơ quan nhà nước tại địa phương không?

- ☐ a. Có. Tôi thực hiện thủ tục đăng kí nhận nuôi con nuôi với cơ quan nhà nước địa phương
- ☐ b. Không. Tôi tự nhận nuôi và không đăng kí tại bất kỳ cơ quan nhà nước nào **(xin bỏ qua câu 18 và trả lời tiếp câu 19)**

Câu 18: Theo Quý vị, thủ tục nhận nuôi con nuôi hiện nay có tạo điều kiện cho người nhận nuôi là LGBT hay không? (có thể chọn nhiều phương án trả lời) (xin bỏ qua câu 19 và trả lời tiếp câu 20)

- ☐ a. Chưa tạo điều kiện cho người nhận nuôi là cá nhân đã công khai bản dạng giới khác với giới tính trong giấy khai sinh
- ☐ b. Chưa tạo điều kiện cho cặp đôi LGBT nhận nuôi con
- ☐ c. Thủ tục nhận nuôi còn phức tạp, khó thực hiện
- ☐ d. Ý kiến khác **(xin nêu rõ)**:

Câu 19: Tại sao Quý vị không đăng kí khi nhận nuôi con nuôi? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐ a. Đã từng thực hiện thủ tục xin nhận nuôi con nuôi nhưng không được cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi
- ☐ b. Không rõ là phải thực hiện thủ tục đăng kí
- ☐ c. Tự nhận thấy mình không đủ điều kiện theo quy định
- ☐ d. Thủ tục quá phức tạp
- ☐ e. E ngại là không được chính quyền chấp thuận vì đã công khai giới tính mong muốn hoặc bị tiết lộ giới tính thật trong quá trình thực hiện thủ tục
- ☐ f. Lý do khác **(xin nêu rõ)**:

Câu 20: Quý vị gặp những khó khăn nào dưới đây trong quá trình nuôi con nuôi? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐ a. Khó khăn trong thủ tục đăng ký hộ tịch cho con nuôi (liên quan đến giấy khai sinh, sổ hộ khẩu...). Xin cho biết lý do:

-
- ☐ b. Khó khăn trong quá trình nhập học cho con. Xin cho biết lý do:
-
- ☐ c. Đứa trẻ bị hạn chế khi tham gia vào các hoạt động tập thể hoặc hoạt động cộng đồng (tham gia hoạt động tại trường, lớp, tổ dân phố, giao lưu với hàng xóm...). Xin cho biết lý do:
-
- ☐ d. Khó khăn trong việc chăm sóc sức khỏe cho con (tiêm chủng, khám chữa bệnh, tham gia bảo hiểm y tế...). Xin cho biết lý do:
-
- ☐ e. Khó khăn khác (*xin nêu rõ*):

F – CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC NHẬN CON NUÔI CỦA LGBT

Câu 21: Theo Quý vị, các yếu tố nào sau đây có tác động đến vấn đề **NHẬN CON NUÔI** của LGBT và mức độ tác động của các yếu tố đó? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

	<i>Rất quan trọng</i>	<i>Quan trọng</i>	<i>Ít quan trọng</i>
a. Sự thừa nhận của pháp luật	☐	☐	☐
b. Sự ủng hộ của chính quyền địa phương	☐	☐	☐
c. Sự ủng hộ của gia đình	☐	☐	☐
d. Thái độ của cộng đồng và xã hội	☐	☐	☐
e. Sự ủng hộ của người bạn đời/người yêu	☐	☐	☐
f. Tâm lý của chính người LGBT (mặc cảm, lo sợ)	☐	☐	☐
g. Yếu tố khác (<i>xin nêu rõ</i>):	☐	☐	☐
.....			

Câu 22: Trong trường hợp Luật Hôn nhân Gia đình không công nhận việc kết hôn hay thậm chí sống chung của các cặp đồng giới thì Quý vị sẽ tỏ thái độ hoặc có ý định hành động thế nào?

- ☐ a. Chấp nhận, không cần có hành động gì
- ☐ b. Không quan trọng, vẫn tiếp tục sống chung và sẽ kết hôn khi pháp luật cho phép
- ☐ c. Cần tiếp tục vận động để Quốc hội và xã hội hiểu được nhu cầu của người đồng tính, song tính, chuyển giới
- ☐ d. “Yêu là yêu”, không quan trọng việc pháp luật có công nhận hay không
- ☐ e. Ý kiến khác (*xin nêu rõ*):

Câu 23: Trong trường hợp các quy định pháp luật về nuôi con nuôi không công nhận việc nuôi con nuôi của các cặp LGBT thì Quý vị sẽ tỏ thái độ hoặc có ý định hành động thế nào?

- ☐ a. Chấp nhận, không cần có hành động gì
- ☐ b. Cứ nhận nuôi và sẽ đăng kí khi pháp luật cho phép
- ☐ c. Cần tiếp tục vận động để Quốc hội và xã hội hiểu được nhu cầu của người đồng tính, song tính, chuyển giới
- ☐ d. Cứ nhận nuôi, không quan trọng việc pháp luật có công nhận hay không
- ☐ e. Ý kiến khác (xin nêu rõ):

.....

Xin chân thành cảm ơn quý vị!

*Quý vị có thể chia sẻ địa chỉ email/số điện thoại để chúng tôi liên hệ trong trường hợp cần thiết.
Chúng tôi bảo đảm thông tin này được giữ bí mật:*

.....

Bảng hỏi giấy xin được gửi **trước ngày 20/6/2014** về địa chỉ sau:

Văn phòng luật sư NHQUANG&CỘNG SỰ

**Biệt thự B23 – Trung Hoà Nhân Chính, phố Nguyễn Thị Định,
quận Thanh Xuân, Hà Nội**

B – BẢNG HỎI TRỰC TUYẾN DÀNH CHO NGƯỜI THÂN CỦA LGBT

NGHIÊN CỨU VỀ QUYỀN NUÔI CON CỦA NHÓM ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH, CHUYỂN GIỚI (LGBT)

BẢNG HỎI DÀNH CHO NGƯỜI THÂN CỦA NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH, CHUYỂN GIỚI

Với sự hỗ trợ của Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (“UNDP”), Nhóm Nghiên cứu gồm Văn phòng Luật sư NHQuang và Cộng sự (“NHQuang và Cộng sự”) và Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học về Giới – Gia đình – Phụ nữ và Vị Thành Niên (“CSAGA”) tiến hành thực hiện khảo sát về quyền nuôi con của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) tại Việt Nam. Mục đích của khảo sát này hướng tới làm rõ nhu cầu và hiểu biết về nhận và nuôi con của LGBT tại Việt Nam, từ đó làm cơ sở vận động chính sách cho việc sửa đổi các quy định pháp luật có liên quan như Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Nuôi con nuôi...

Rất mong Quý vị trả lời các câu hỏi dưới đây theo hướng dẫn tại từng câu hỏi. Tất cả các thông tin khảo sát sẽ được bảo mật với trách nhiệm cao nhất, trừ trường hợp được người trả lời bảng hỏi đồng ý tiết lộ bằng văn bản.

Chúng tôi đề nghị Quý vị:

- ✓ **Cố gắng trả lời tất cả các câu hỏi trong Bảng hỏi**
- ✓ **Với mỗi câu hỏi, chỉ chọn một phương án trả lời. Những câu hỏi có thể chọn nhiều phương án trả lời sẽ được ghi chú riêng (*trong ngoặc và in nghiêng*)**
- ✓ **Mỗi người chỉ trả lời 1 Bảng hỏi, theo 1 trong 2 cách thức sau:**

Cách 1: Trả lời Bảng hỏi này và gửi về Nhóm Nghiên cứu qua đường Bưu điện theo địa chỉ được ghi ở cuối bảng hỏi,

hoặc

Cách 2: Trả lời Bảng hỏi trực tuyến bằng cách truy cập vào địa chỉ www.khaosattuphap.net/LGBT.

Khi trả lời, xin điền mã bảng hỏi theo công thức sau:

(Mã vùng điện thoại của tỉnh/thành phố Quý vị đang ở) + (một chữ cái bất kì) +

(4 số cuối trong số điện thoại di động hoặc cố định của Quý vị)

Ví dụ: nếu Quý vị đang ở THÀNH PHỐ HCM và có số điện thoại là xxxxxx0781, mã bảng hỏi sẽ là 08g0781

PHẦN I – THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI BẢNG HỎI**1. Năm sinh:****2. Nơi ở:****3. Giới tính trên giấy khai sinh:** ☐ Nam ☐ Nữ**4. Trình độ học vấn:**☐ Chưa đi học☐ Tiểu học☐ Trung học phổ thông/Trung học chuyên nghiệp☐ Cử nhân☐ Trên đại học☐ Khác:**5. Nghề nghiệp chính:**

Nghề nghiệp	Khu vực nhà nước	Khu vực ngoài nhà nước
a. Công chức, viên chức	☐	
b. Công việc không trực tiếp sản xuất (<i>quản lý, kỹ sư, phiên dịch, nhân viên văn phòng...</i>)	☐	☐
c. Hành nghề chuyên môn (<i>luật sư, bác sỹ, kiến trúc sư, nhà báo, kế toán, kiểm toán viên...</i>)	☐	☐
d. Tham gia hoạt động sản xuất trực tiếp (<i>công nhân, lái xe, bảo vệ...</i>)	☐	☐
e. Sinh viên		☐
f. Doanh nhân		☐
g. Thợ thủ công, buôn bán nhỏ		☐
h. Nông dân		☐
i. Không có việc làm ổn định		☐
k. Công việc khác (<i>xin nêu rõ</i>):.....	☐	☐

6. Có người thân (sau đây gọi tắt là “A”) có xu hướng tính dục là☐ a. Nữ yêu nữ giới☐ b. Nam yêu nam giới☐ c. Yêu cả hai giới☐ d. Nữ nghĩ mình là nam

- ☐ e. Nam nghĩ mình là nữ
- ☐ f. Khác

7. Mối quan hệ gia đình với A (Ông/Bà, Bố/Mẹ, Anh/Chị/Em hoặc Cô/Dì/Chú/Bác):

- ☐ a. Ông/Bà
- ☐ b. Bố/Mẹ
- ☐ c. Anh/Chị/Em
- ☐ d. Cô/Dì/Chú/Bác

8. A đã công khai xu hướng tính dục trên thực tế chưa?

- ☐ a. Có, công khai với mọi người trên thực tế
- ☐ b. Có, công khai với một số người nhất định (*gia đình/người thân/bạn bè*)
- ☐ c. Không

9. Tình trạng hôn nhân/chung sống thực tế của A hiện nay:

- ☐ a. Độc thân
- ☐ b. Đang trong thời kỳ hôn nhân (*có đăng ký*) với người khác giới
- ☐ c. Đã ly hôn với người khác giới
- ☐ d. Đang chung sống với người yêu/bạn đời là LGBT
- ☐ e. Khác.

10. A đã có con đẻ chưa?

- ☐ a. Có
- ☐ b. Chưa

11. A đã nhận con nuôi bao giờ chưa?

- ☐ a. Có
- ☐ b. Chưa

12. Quý vị đã từng đọc tài liệu hay có thông tin về người đồng tính, song tính, chuyển giới (LGBT) chưa?

- ☐ Có
- ☐ Chưa

13. Theo Quý vị thì những người đồng tính, song tính, chuyển giới là:

- ☐ Một hiện tượng bình thường
- ☐ Biểu hiện của suy thoái về lối sống

- ☐ Biểu hiện của trạng thái bệnh lý về tinh thần hay thể chất
- ☐ Đánh giá khác (*xin nêu rõ*):
-

14. Đối với trường hợp của A thì là:

- ☐ Một hiện tượng bình thường
- ☐ Biểu hiện của suy thoái về lối sống
- ☐ Biểu hiện của trạng thái bệnh lý về tinh thần hay thể chất
- ☐ Đánh giá khác (*xin nêu rõ*):
-

PHẦN II

Câu 1: Quý vị có ủng hộ người LGBT nói chung NUÔI CON không?

- ☐ a. Ủng hộ ➔ xin cho biết lý do (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*):
 - ☐ aa. Họ có thể chăm sóc con cái như người khác (người dị tính)
 - ☐ ab. Họ là người bình thường nên họ có quyền nuôi con
 - ☐ ac. Các quy định pháp luật không hạn chế việc này
 - ☐ ad. Lý do khác (*xin nêu rõ*):
 -
- ☐ b. Không ủng hộ ➔ xin cho biết lý do (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*):
 - ☐ ba. Họ không có khả năng chăm sóc con cái như người khác (người dị tính)
 - ☐ bb. Họ không bình thường nên không nên để họ nuôi con
 - ☐ bc. Các quy định pháp luật không cho phép họ
 - ☐ bd. Cơ quan nhà nước ở địa phương có thể ngăn cản việc này
 - ☐ be. Đứa trẻ có thể sẽ bị kỳ thị và bị tổn thương về tâm lý
 - ☐ bf. Đứa trẻ có thể phát triển không bình thường do bố mẹ không như các cặp đôi khác giới khác
 - ☐ bg. Lý do khác (*xin nêu rõ*):
 -

Câu 2: Với trường hợp của A, Quý vị có ủng hộ A nuôi con không?

- ☐ a. Ủng hộ ➔ xin cho biết lý do ủng hộ (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*):
 - ☐ aa. A có thể chăm sóc con cái như người khác (người dị tính)
 - ☐ ab. A là người bình thường nên họ có quyền nuôi con
 - ☐ ac. Các quy định pháp luật không hạn chế việc này

- ☐ ad. Lý do khác (*xin nêu rõ*):
-
- ☐ b. Không ủng hộ → xin cho biết lý do không ủng hộ (***có thể chọn nhiều phương án trả lời***):
- ☐ ba. A không có khả năng chăm sóc con cái như người khác (người dị tính)
- ☐ bb. A không bình thường nên không nên để A nuôi con
- ☐ bc. Các quy định pháp luật không cho phép những người LGBT như A
- ☐ bd. Cơ quan nhà nước ở địa phương có thể ngăn cản việc này
- ☐ be. Đứa trẻ có thể sẽ bị kỳ thị và bị tổn thương về tâm lý
- ☐ bf. Đứa trẻ có thể phát triển không bình thường do bố mẹ không như các cặp đôi khác giới khác
- ☐ bg. E ngại về thái độ của làng xóm, họ hàng và xã hội
- ☐ bh. Lý do khác (*xin nêu rõ*):
-

Câu 3: Theo Quý vị, quy định pháp luật nào hiện nay đang hạn chế việc nuôi con của người LGBT? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

- ☐ a. Không rõ quy định nào
- ☐ b. Quy định của pháp luật dân sự
- ☐ c. Quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình
- ☐ d. Quy định pháp luật về nuôi con nuôi
- ☐ e. Quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính
- ☐ f. Quy định pháp luật về xử lý trách nhiệm hình sự
- ☐ g. Quy định khác (*xin nêu rõ*):
-

Câu 4: Theo Quý vị, cơ quan nhà nước tại địa phương có hành vi nào ngăn cản việc nuôi con của người LGBT? (*có thể chọn nhiều phương án trả lời*)

- ☐ a. Không thể mô tả rõ hành vi
- ☐ b. Có quyết định của Tòa án giao con của người LGBT cho người khác nuôi hoặc chấm dứt việc nuôi con nuôi của người LGBT
- ☐ c. Có quyết định từ chối việc xin nhận con nuôi của người LGBT từ cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương
- ☐ d. Không có quyết định từ chối việc xin nhận con nuôi của người LGBT nhưng không cho đăng ký khai sinh, nhập tịch đối với con nuôi
- ☐ e. Gây khó dễ trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính liên quan khiến LGBT không thực hiện được việc nhận con nuôi
- ☐ f. Hành vi khác (*xin nêu rõ*):
-

Câu 5: Nếu Quý vị không ủng hộ mà A cứ tiến hành việc có con và nuôi con thì Quý vị xử sự thế nào?

- ☐ a. Không biết mình phải xử sự thế nào
- ☐ b. Tìm mọi cách ngăn cản, thậm chí tuyên bố đoạn tuyệt quan hệ ruột thịt
- ☐ c. Chấp nhận nhưng không giúp đỡ
- ☐ d. Chấp nhận và chỉ giúp đỡ nếu khó khăn
- ☐ e. Ý kiến khác (*xin nêu rõ*):

Câu 6: Theo Quý vị, pháp luật có nên công nhận các thỏa thuận về chăm sóc, nuôi dưỡng con cái của các cặp đôi LGBT hay không?

- ☐ a. Có. Lý do pháp luật nên công nhận:
 - ☐ aa. Để tăng tính trách nhiệm cho các cặp đôi LGBT
 - ☐ ab. Để đảm bảo quyền lợi của con cái
 - ☐ ac. Để bảo vệ quyền lợi của từng bên trong cặp đôi LGBT
 - ☐ ad. Lý do khác (*xin nêu rõ*):
- ☐ b. Không. Lý do pháp luật không nên công nhận:
 - ☐ ba. Chăm sóc và nuôi dưỡng con cái là trách nhiệm đương nhiên của từng bên trong cặp đôi khi đã sống chung
 - ☐ bb. Vì pháp luật đã quy định nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ đối với con cái rồi
 - ☐ bc. Lý do khác (*xin nêu rõ*):
- ☐ c. Không biết

Câu 7: Theo Quý vị, các yếu tố nào sau đây có tác động đến vấn đề NHẬN CON NUÔI của LGBT và mức độ tác động của các yếu tố đó? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

	<i>Rất quan trọng</i>	<i>Quan trọng</i>	<i>Ít quan trọng</i>
a. Sự thừa nhận của pháp luật	☐	☐	☐
b. Sự ủng hộ của chính quyền địa phương	☐	☐	☐
c. Sự ủng hộ của gia đình	☐	☐	☐
d. Thái độ của cộng đồng và xã hội	☐	☐	☐
e. Sự ủng hộ của người bạn đời/người yêu	☐	☐	☐
f. Tâm lý của chính người LGBT (mặc cảm, lo sợ)	☐	☐	☐
g. Yếu tố khác (<i>xin nêu rõ</i>):	☐	☐	☐
.....			

Câu 8: Trong trường hợp Luật Hôn nhân Gia đình không công nhận việc kết hôn hay thậm chí sống chung của các cặp đồng giới thì Quý vị sẽ tỏ thái độ hoặc có ý định hành động thế nào?

- ☐ a. Chấp nhận, không cần có hành động gì

- ☐ b. Chấp nhận, yêu cầu người LGBT không nên sống chung hay kết hôn
- ☐ c. Không quan trọng, người LGBT vẫn có thể sống chung và sẽ kết hôn khi pháp luật cho phép
- ☐ d. Cần giúp đỡ người LGBT tiếp tục vận động để Quốc hội và xã hội hiểu được nhu cầu của họ
- ☐ e. Ý kiến khác (*xin nêu rõ*):

Câu 9: Trong trường hợp các quy định pháp luật về nuôi con nuôi không công nhận việc nuôi con nuôi của các cặp LGBT thì Quý vị sẽ tỏ thái độ hoặc có ý định hành động thế nào?

- ☐ a. Chấp nhận, không cần có hành động gì
- ☐ b. Chấp nhận, yêu cầu người LGBT không tiếp tục nuôi con nuôi
- ☐ c. Cừ nhận nuôi và sẽ đăng kí khi pháp luật cho phép
- ☐ d. Cần tiếp tục vận động để Quốc hội và xã hội hiểu được nhu cầu của người đồng tính, song tính, chuyển giới
- ☐ e. Ý kiến khác (*xin nêu rõ*):

Quý vị có thể chia sẻ địa chỉ email/số điện thoại để chúng tôi liên hệ trong trường hợp cần thiết, chúng tôi bảo đảm thông tin này được giữ bí mật:

Bảng hỏi giấy xin được gửi **trước ngày 20/6/2014** về địa chỉ sau:

Văn phòng luật sư NHQUANG&CỘNG SỰ

Biệt thự B23 – Trung Hoà Nhân Chính, phố Nguyễn Thị Định,

quận Thanh Xuân, Hà Nội

C – BẢNG HỎI PHÒNG VẤN SÂU DÀNH CHO LGBT

NGHIÊN CỨU QUYỀN NUÔI CON NUÔI CỦA LGBT

MẪU A – BẢNG PHÒNG VẤN TRỰC TIẾP – NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI (LGBT)

Người hỏi giới thiệu về mục đích và cách thức thực hiện khảo sát:

Với sự hỗ trợ của Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (“UNDP”), Văn phòng Luật sư NHQuang và Cộng sự (“NHQuang và Cộng sự”) và CSAGA tiến hành thực hiện khảo sát về quyền nuôi con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới (“LGBT”) tại Việt Nam. Mục đích của khảo sát này hướng tới làm rõ nhu cầu và hiểu biết về quyền nuôi con nuôi của LGBT tại Việt Nam, từ đó làm cơ sở vận động chính sách cho việc sửa đổi các quy định pháp luật có liên quan như Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Nuôi con nuôi...

Rất mong Quý vị hợp tác với chúng tôi để trả lời các câu hỏi dưới đây theo hướng dẫn của chúng tôi. Tất cả các thông tin về danh tính của Quý vị sẽ được chúng tôi bảo mật đối với bất cứ bên thứ ba nào, và chỉ tiết lộ khi được sự cho phép của Quý vị.

Xin trân trọng cảm ơn!

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI ĐƯỢC HỎI

1.1 Quý vị sinh năm nào?

1.2 Nơi ở:

1.3 Bản dạng giới (do người trả lời tự nhận dạng): ☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác

1.4 Giới tính trên giấy khai sinh: ☐ Nam ☐ Nữ

1.5 Nghề nghiệp chính:

Nghề nghiệp	Khu vực nhà nước	Khu vực ngoài nhà nước
a. Công chức, viên chức	☐	
b. Công việc không trực tiếp sản xuất (<i>quản lý, kỹ sư, phiên dịch, nhân viên văn phòng...</i>)	☐	☐
c. Hành nghề chuyên môn (<i>luật sư, bác sĩ, kiến trúc sư, nhà báo, kế toán, kiểm toán viên...</i>)	☐	☐
d. Tham gia hoạt động sản xuất trực tiếp (<i>công nhân, lái xe, bảo vệ...</i>)	☐	☐
e. Sinh viên		☐
f. Doanh nhân		☐
g. Thợ thủ công, buôn bán nhỏ		☐
h. Nông dân		☐
i. Không có việc làm ổn định		☐
k. Công việc khác [<i>xin nêu rõ</i>]:.....	☐	☐

1.6 Học vấn:

- ☐ Không học qua trường lớp nào
- ☐ Tiểu học
- ☐ Trung học phổ thông/T trung học chuyên nghiệp
- ☐ Đại học, cao đẳng
- ☐ Trên đại học

1.7 Thu nhập/tháng:

- ☐ 2 triệu trở xuống
- ☐ Trên 2 đến 5 triệu
- ☐ Trên 5 triệu đến 10 triệu
- ☐ Trên 10 triệu

- ☐ Không muốn trả lời

1.8. Quý vị có thể cho biết xu hướng tính dục của bản thân:

- ☐ Đồng tính nữ
☐ Đồng tính nam
☐ Song tính
☐ Khác

1.9. Quý vị đã công khai xu hướng tính dục trên thực tế chưa?

- ☐ Có, hoàn toàn công khai với bất kỳ ai trên thực tế
☐ Có, công khai với một số người nhất định (gia đình/người thân/bạn bè)
☐ Không

1.10. Tình trạng hôn nhân/chung sống thực tế của Quý vị:

- ☐ Độc thân (chưa từng đăng ký kết hôn)
☐ Đang kết hôn (có đăng ký) với người khác giới
☐ Đã ly hôn với người khác giới
☐ Đang chung sống thực tế với người yêu (hoặc Bạn đời) là LGBT
☐ Khác.

1.10.1 Nếu có, Quý vị đã từng/đang chung sống bao lâu (chọn thời gian chung sống dài nhất):

- ☐ Dưới 1 năm
☐ Trên 1 năm đến dưới 3 năm
☐ Trên 3 năm đến dưới 5 năm
☐ Trên 5 năm

1.11. Quý vị đã có con đẻ chưa?

- ☐ Có
☐ Chưa

1.12. Quý vị đã nhận con nuôi chưa?

- ☐ Chưa
☐ Có.

1.12.1. Nếu có, Quý vị có Giấy chứng nhận đăng ký nuôi con nuôi không?

- ☐ Có
- ☐ Không

PHẦN II

NHU CẦU CHUNG SỐNG, CÓ CON, NHẬN CON NUÔI (Bao gồm con đẻ và con nuôi)

Câu 1: Quý vị có nhu cầu sống với người yêu (hoặc bạn đời) là LGBT thường xuyên và lâu dài không?

- ☐ 1.1 Có (CHUYỂN SANG CÂU 2)
- ☐ 1.2 Không. Tại sao? [...]

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây] Chọn MỘT hoặc NHỮNG phương án

- ☐ a. Nếu sống cùng nhau sẽ gặp khó khăn từ phía gia đình
- ☐ b. Nếu sống cùng nhau sẽ gặp khó khăn do cộng đồng kỳ thị
- ☐ c. Nếu sống cùng nhau sẽ gặp khó khăn với chính quyền
- ☐ d. Rất khó tìm được bạn đời phù hợp để chung sống thường xuyên và lâu dài
- ☐ e. Nếu chung sống lâu dài, e ngại rắc rối trong giải quyết hệ quả pháp lý từ chung sống thực tế
- ☐ f. Lý do khác (xin nêu rõ):
-

➔ CHUYỂN SANG CÂU 4

Câu 2: Với nhu cầu sống cùng nhau, Quý vị có ý định kết hôn không?

- ☐ 2.1 Không muốn trả lời
- ☐ 2.2 Có (CHUYỂN SANG CÂU 3)
- ☐ 2.3 Không. Tại sao? [...]

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây] Chọn MỘT hoặc NHỮNG phương án

- ☐ a. Không muốn hoặc không có khả năng gắn bó lâu dài
- ☐ b. Muốn kết hôn nhưng gia đình không cho phép
- ☐ c. Muốn kết hôn nhưng pháp luật không cho phép
- ☐ d. Lý do khác (xin nêu rõ):
-

➔ CHUYỂN SANG CÂU 4

Câu 3: Với nhu cầu kết hôn nhưng trong điều kiện hiện nay (pháp luật không cho đăng ký kết hôn), Quý vị có muốn làm đám cưới công khai không?

- ☐ 3.1 Không muốn trả lời.
- ☐ 3.2 Có (CHUYỂN SANG CÂU 4)
- ☐ 3.3 Không. Tại sao? [...]

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây] Chọn MỘT hoặc NHỮNG phương án

- ☐ a. Hai bên gia đình ngăn cản
- ☐ b. Chính quyền ngăn cản
- ☐ c. Sợ bị cộng đồng kỳ thị
- ☐ d. Lý do khác (xin nêu rõ):

.....

➔ CHUYỂN SANG CÂU 4

Câu 4: Đối với Quý vị, trong quá khứ, hiện tại hoặc tương lai việc có con có phải là nhu cầu cần thiết không?

- ☐ 4.1 Không muốn trả lời.
- ☐ 4.2 Có. Quý vị muốn có con như thế nào? Chọn 1 phương án
- ☐ a. Muốn có con đẻ
- ☐ b. Muốn có con nuôi
- ☐ c. Con đẻ hay con nuôi đều được
- ☐ 4.3 Không. Tại sao? [...]

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây] Chọn MỘT hoặc NHỮNG phương án

- ☐ a. Không thích có con
- ☐ b. Không muốn nhận con nuôi
- ☐ c. Việc có con (dù là con đẻ hay con nuôi) sẽ gặp khó khăn với:
- ☐ (i) Gia đình và người thân
- ☐ (ii) Cơ quan/nơi làm việc
- ☐ (iii) Cộng đồng (xã hội)
- ☐ (iv) Chính quyền địa phương
- ☐ (v) Người đang chung sống trên thực tế

☐ d. Không chắc chắn sẽ đảm bảo được đời sống vật chất và tinh thần đầy đủ cho đứa trẻ

☐ e. Lý do khác (xin nêu rõ):

.....

Lưu ý: Câu 5 và Câu 6 phía dưới áp dụng cho 02 đối tượng khác nhau:

- Người trả lời hiện tại **KHÔNG CHUNG SỐNG** với người yêu/bạn đời hoặc hiện tại **KHÔNG CÓ** người yêu/bạn đời -> Câu 5
- Người trả lời hiện tại **ĐANG CHUNG SỐNG** với người yêu/bạn đời -> Câu 6

Câu 5 (dành cho người hiện tại **KHÔNG CHUNG SỐNG với bạn đời):** Bản thân Quý vị có kế hoạch để có con hoặc nhận con nuôi trong vòng 03 (ba) năm tới hay không?

☐ 5.1 Không muốn trả lời.

☐ 5.2 Không biết

☐ 5.3 Có.

5.3.1 Bằng cách nào? *Chọn 1 phương án*

- ☐ a. Có con đẻ với người khác giới
- ☐ b. Xin nhận con nuôi
- ☐ c. Có con theo phương pháp khoa học (thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm)

5.3.2 Quý vị sẽ nuôi con một mình hay cùng với người yêu/bạn đời? *Chọn 1 phương án*

- ☐ a. Nuôi con một mình
- ☐ b. Nuôi con với người yêu/bạn đời

➔ CHUYỂN SANG CÂU 7

☐ 5.4 Không. Tại sao? [...]

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây] *Chọn MỘT hoặc NHỮNG phương án*

- ☐ a. Đã từng có con rồi nên chưa muốn có con tiếp
- ☐ b. Không muốn hoặc chưa có nhu cầu
- ☐ c. Điều kiện kinh tế, vật chất chưa cho phép
- ☐ d. Chưa có người yêu/bạn đời lâu dài và chung sống
- ☐ e. Chưa thuyết phục được người yêu/bạn đời đồng ý
- ☐ f. Gia đình và người thân chưa chấp thuận
- ☐ g. Muốn có con đẻ nhưng chưa có điều kiện thực hiện
- ☐ h. Pháp luật, thủ tục pháp lý còn ngăn cản, không bảo đảm quyền lợi của đứa trẻ
- ☐ i. Không tin rằng bố mẹ của đứa trẻ chấp thuận cho mình (là LGBT) nhận con nuôi
- ☐ j. Sợ bị lộ danh tính là LGBT và sẽ gặp rắc rối với cơ quan, gia đình, cộng đồng
- ☐ k. Sợ rằng đứa con chung sẽ bị kỳ thị
- ☐ l. Lý do khác (*xin nêu rõ*):

.....

➔ CHUYỂN SANG CÂU 7

Câu 6 (dành cho người HIỆN ĐANG CHUNG SỐNG với người yêu/bạn đời), Quý vị có ý định hay kế hoạch có con chung không?☐ 6.1 Không muốn trả lời☐ 6.2 Không biết☐ 6.3 Có. Bằng cách nào? *Chọn 1 phương án*☐ a. Cả hai sẽ nhận con nuôi chung☐ b. Một người tìm cách có con đẻ và người kia nhận làm bố/mẹ nuôi☐ c. Sẽ thử cả 02 cách trên☐ d. Chưa rõ làm cách nào**➔ CHUYỂN SANG CÂU 7**☐ 6.4 Không. Tại sao? [...]**[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây] Chọn MỘT HOẶC NHỮNG phương án**☐ a. Cả hai đều chưa có con nhưng không muốn hoặc chưa có nhu cầu☐ b. Một người đã có con đẻ nên không có nhu cầu☐ c. Điều kiện kinh tế, vật chất chưa cho phép☐ d. Một người muốn nhưng người kia chưa sẵn sàng☐ e. Gia đình và người thân của một hoặc cả hai bên chưa chấp thuận☐ f. Một người muốn có con đẻ và người kia làm bố/mẹ nuôi nhưng chưa có điều kiện thực

hiện

☐ g. Pháp luật, hay thủ tục pháp lý còn ngăn cản, không bảo đảm quyền lợi của đứa trẻ☐ h. Sợ rằng đứa con chung sẽ bị kỳ thị☐ i. Lý do khác (*xin nêu rõ*)

.....

➔ CHUYỂN SANG CÂU 7**CÁC VẤN ĐỀ LGBT GẶP PHẢI LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ SỐNG CHUNG VÀ NHẬN CON NUÔI CHUNG, BAO GỒM CÁC YẾU TỐ HỖ TRỢ VÀ CẢN TRỞ****Câu 7: Quý vị đánh giá thế nào về vai trò của PHÁP LUẬT để bảo đảm QUYỀN CHUNG SỐNG của LGBT:**☐ 7.1 Rất quan trọng☐ 7.2 Quan trọng☐ 7.3 Ít quan trọng☐ 7.4 Không quan trọng☐ 7.5 Khó đánh giá

→ Lý do:
.....

Câu 8: PHÁP LUẬT hiện hành có đang hỗ trợ (tạo thuận lợi) cho thực hiện việc CHUNG SỐNG của LGBT hay không?

- ☐8.1 Rất thuận lợi
- ☐8.2 Thuận lợi
- ☐8.3 Ít thuận lợi (khó khăn)
- ☐8.4 Không thuận lợi (cản trở).
- ☐8.5 Khó đánh giá

→ Lý do:
.....

Câu 9: Quý vị đánh giá thế nào về vai trò của PHÁP LUẬT đối với việc NUÔI CON (bao gồm cả NHẬN CON NUÔI, nếu có) của LGBT?

- ☐9.1 Rất quan trọng
- ☐9.2 Quan trọng
- ☐9.3 Ít quan trọng
- ☐9.4 Không quan trọng
- ☐9.5 Khó đánh giá

→ Lý do:
.....

Câu 10: PHÁP LUẬT hiện hành có đang hỗ trợ (tạo thuận lợi) cho thực hiện việc NUÔI CON (bao gồm cả NHẬN CON NUÔI, nếu có) của LGBT hay không?

- ☐10.1 Rất thuận lợi
- ☐10.2 Thuận lợi
- ☐10.3 Ít thuận lợi (khó khăn)
- ☐10.4 Không thuận lợi (cản trở).
- ☐10.5 Khó đánh giá

→ Lý do:
.....

Câu 11: Theo Quý vị, sự can thiệp và ứng xử của CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG có tác động ở mức độ thế nào đến các trường hợp CHUNG SỐNG của LGBT?

- ☐11.1 Rất quan trọng
- ☐11.2 Quan trọng

☐11.3 Ít quan trọng

☐11.4 Không quan trọng

☐11.5 Khó đánh giá

→ Lý do:

.....

Câu 12: Quý vị hãy đánh giá về mức độ thuận lợi trong sự can thiệp hay ứng xử của các cơ quan CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG hiện nay đối với việc CHUNG SỐNG của LGBT?

☐12.1 Rất thuận lợi

☐12.2 Thuận lợi

☐12.3 Ít thuận lợi (khó khăn)

☐12.4 Không thuận lợi (cản trở).

☐12.5 Khó đánh giá

→ Lý do:

.....

Câu 13: Theo Quý vị, sự can thiệp và ứng xử của CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG có tác động ở mức độ thế nào đến các trường hợp NUÔI CON (bao gồm cả NHẬN CON NUÔI, nếu có) của LGBT?

☐13.1 Rất quan trọng

☐13.2 Quan trọng

☐13.3 Ít quan trọng

☐13.4 Không quan trọng

☐13.5 Khó đánh giá

→ Lý do:

.....

Câu 14: Quý vị hãy đánh giá về mức độ thuận lợi trong sự can thiệp hay ứng xử của các cơ quan CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG hiện nay đối với việc NUÔI CON (bao gồm cả NHẬN CON NUÔI, nếu có) của LGBT?

☐14.1 Rất thuận lợi

☐14.2 Thuận lợi

☐14.3 Ít thuận lợi (khó khăn)

☐14.4 Không thuận lợi (cản trở).

☐14.5 Khó đánh giá

→ Lý do:

.....

Câu 15: Theo Quý vị, thái độ của CỘNG ĐỒNG và xã hội có tác động ở mức độ thể nào đối với việc CHUNG SỐNG và NUÔI CON (bao gồm cả NHẬN CON NUÔI, nếu có) của LGBT?

- ☐15.1 Rất quan trọng
- ☐15.2 Quan trọng
- ☐15.3 Ít quan trọng
- ☐15.4 Không quan trọng
- ☐15.5 Khó đánh giá

→ Lý do:

.....

Câu 16: Quý vị đánh giá thế nào về thái độ hiện nay của CỘNG ĐỒNG và xã hội đối với việc CHUNG SỐNG và NUÔI CON (bao gồm cả NHẬN CON NUÔI, nếu có) của LGBT

- ☐16.1 Rất tích cực
- ☐16.2 Tích cực
- ☐16.3 Ít tích cực
- ☐16.4 Không tích cực
- ☐16.5 Khó đánh giá

→ Lý do:

.....

Câu 17: Quý vị đánh giá thế nào về ý nghĩa và tác động của sự ủng hộ và hỗ trợ từ phía GIA ĐÌNH đối với việc CHUNG SỐNG và NUÔI CON (bao gồm cả NHẬN CON NUÔI, nếu có) của LGBT

- ☐17.1 Rất quan trọng
- ☐17.2 Quan trọng
- ☐17.3 Ít quan trọng
- ☐17.4 Không quan trọng
- ☐17.5 Khó đánh giá

→ Lý do:

.....

Câu 18: Đánh giá của Quý vị về mức độ ủng hộ và hỗ trợ trên thực tế hiện nay từ phía GIA ĐÌNH đối với việc CHUNG SỐNG và NUÔI CON (bao gồm cả NHẬN CON NUÔI, nếu có) của LGBT

- ☐18.1 Rất ủng hộ
- ☐18.2 Tương đối ủng hộ
- ☐18.3 Ít ủng hộ

☐18.4 Không ủng hộ

☐18.5 Khó đánh giá

→ Lý do:

.....

Câu 19: Quý vị còn vấn đề KHÁC nào liên quan đến quyền CHUNG SỐNG và NUÔI CON (bao gồm cả NHẬN CON NUÔI, nếu có) của LGBT muốn chia sẻ không?

.....

VỀ NHẬN THỨC PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI ĐƯỢC HỎI

Câu 20: Quý vị có biết Luật Hôn nhân và Gia đình đang được thảo luận để sửa đổi, trong đó có đề cập đến nội dung công nhận việc LGBT chung sống trên thực tế không?

☐20.1 Có

☐20.2 Không

☐20.3 Ý kiến khác [xin nêu rõ]

.....

Câu 21: Quý vị có biết quy định xử phạt hành chính đối với việc kết hôn của người đồng giới mới được bãi bỏ không?

☐21.1 Có

☐21.2 Không

Câu 22: Theo quan điểm của Quý vị, Quốc hội có cần sửa Luật Hôn nhân và Gia đình theo hướng cho đăng ký kết hôn đồng giới không?

☐22.1 Không muốn trả lời

☐22.2 Có

☐22.3 Không. Tại sao? [...]

☐a. Chưa phải thời điểm để đưa ra yêu cầu này vì sẽ khó được chấp thuận

☐b. “Yêu là yêu” có đăng ký hay không, không quan trọng

☐c. Lý do khác (xin nêu rõ):

.....

Câu 23: Quý vị có ủng hộ việc sửa đổi các quy định pháp luật về nuôi con nuôi theo hướng cho phép cặp đôi đồng tính được nhận con nuôi chung?

☐23.1 Không muốn trả lời

☐23.2 Có

☐23.3 Không. Tại sao? (xin nêu rõ):

.....

Câu 24: Theo Quý vị, pháp luật có cần ghi nhận các quyền dưới đây của các cặp đôi LGBT hay không?

- Quyền được hưởng sự chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình phối ngẫu
- Quyền được cấp dưỡng của con khi không còn chung sống
- Quyền tài sản chung

☐24.1 Không có quan điểm

☐24.2 Có

☐24.3 Không. Tại sao? (xin nêu rõ)

.....

Câu 25: Nếu mong muốn Quốc hội thông qua việc sửa đổi các quy định pháp luật như nói ở trên thì bản thân Quý vị hay cộng đồng LGBT có sẵn sàng lên tiếng công khai (tiết lộ danh tính) để yêu cầu và thuyết phục các Đại biểu Quốc hội không?

☐25.1 Không muốn trả lời

☐25.2 Có

☐25.3 Không. Tại sao? [...]

- ☐a. Sợ bị tiết lộ danh tính và bị kỳ thị
- ☐b. Không tin rằng được Quốc hội chấp thuận
- ☐c. Lý do khác (xin nêu rõ):

.....

Câu 26: Trong trường hợp Luật Hôn nhân Gia đình không công nhận việc kết hôn hay thậm chí chung sống của các cặp đồng giới thì Quý vị sẽ tỏ thái độ hoặc có ý định hành động thế nào?

☐26.1 Không muốn trả lời

☐26.2 Chấp nhận, không cần có hành động gì

☐26.3 Không quan trọng, vẫn tiếp tục chung sống và sẽ kết hôn khi pháp luật cho phép

☐26.4 Cần tiếp tục vận động để Quốc hội và xã hội hiểu được nhu cầu của người đồng tính, song tính, chuyển giới

☐26.5 “Yêu là yêu”, không quan trọng việc pháp luật có công nhận hay không

☐26.6 Phương án khác (xin nêu rõ):

.....

Câu 27: Trong trường hợp các quy định pháp luật về nuôi con nuôi không công nhận việc nuôi con nuôi của các cặp LGBT thì Quý vị sẽ tỏ thái độ hoặc có ý định hành động thế nào?

- ☐ 27.1 Không muốn trả lời
- ☐ 27.2 Chấp nhận, không cần có hành động gì
- ☐ 27.3 Cứ nhận nuôi và sẽ đăng kí khi pháp luật cho phép
- ☐ 27.4 Cần tiếp tục vận động để Quốc hội và xã hội hiểu được nhu cầu của người đồng tính, song tính, chuyển giới
- ☐ 27.5 Cứ nhận nuôi, không quan trọng việc pháp luật có công nhận hay không
- ☐ 27.6 Phương án khác (*xin nêu rõ*):

.....

Xin cảm ơn Quý vị!

PHẦN III: THÔNG TIN VỀ NGƯỜI PHÒNG VẤN

- **Ngày/giờ phỏng vấn:**
- **Địa điểm phỏng vấn:**
 - ☐ Hà Nội
 - ☐ TP Hồ Chí Minh
 - ☐ Cần Thơ
- **Người phỏng vấn (Họ, tên và chữ ký):**
- **Nhóm trường (Họ, tên và chữ ký):**

D – BẢNG HỎI PHÒNG VẤN SÂU DÀNH CHO NGƯỜI THÂN CỦA LGBT

NGHIÊN CỨU VỀ QUYỀN NUÔI CON NUÔI CỦA NGƯỜI ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH VÀ CHUYỂN GIỚI (LGBT)

MẪU B – BẢNG PHÒNG VẤN TRỰC TIẾP – ĐỐI TƯỢNG THÂN NHÂN

Người hỏi giới thiệu về mục đích và cách thức thực hiện khảo sát:

Với sự hỗ trợ của UNDP, Văn phòng Luật sư NHQuang và Cộng sự (“NHQuang và Cộng sự”) và CSAGA tiến hành thực hiện khảo sát về quyền nuôi con nuôi của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) tại Việt Nam. Mục đích của khảo sát này hướng tới làm rõ nhu cầu và hiểu biết về quyền nuôi con nuôi của LGBT tại Việt Nam, đồng thời khảo sát thái độ và nhận thức của những người thân của LGBT liên quan đến việc chung sống và nhận con nuôi chung của các cặp LGBT, từ đó làm cơ sở vận động chính sách cho việc sửa đổi các quy định pháp luật có liên quan như Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Nuôi con nuôi...

Rất mong Quý vị hợp tác với chúng tôi để trả lời các câu hỏi dưới đây theo hướng dẫn của chúng tôi. Tất cả các thông tin về danh tính của Quý vị và người thân của Quý vị có liên quan sẽ được chúng tôi bảo mật đối với bất cứ bên thứ ba nào, và chỉ tiết lộ khi được sự cho phép của Quý vị.

Xin trân trọng cảm ơn!

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI ĐƯỢC HỎI

1.8 Năm sinh:

1.9 Giới tính:

- ☐ Nam
- ☐ Nữ
- ☐ Khác

1.10 Nơi ở:

1.11 Học vấn:

- ☐ Không học qua trường lớp nào
- ☐ Tiểu học
- ☐ Trung học phổ thông/T trung học chuyên nghiệp

- ☐ Đại học, cao đẳng
- ☐ Trên đại học

1.12 Quý vị có người thân (hỏi tên, sau đó sử dụng tên) là: [trong bảng hỏi này, chúng tôi tạm gọi người này là A]

- ☐ Nam yêu nam giới
- ☐ Nữ yêu nữ giới
- ☐ Yêu cả hai giới
- ☐ Nam nghĩ mình là nữ
- ☐ Nữ nghĩ mình là nam
- ☐ Khác (nêu cụ thể):

1.13 Quan hệ với A (Ông/Bà, Bố/Mẹ, Anh/Chị/Em hoặc Cô/Dì/Chú/Bác):.....

1.14 Quý vị có sống cùng với A không?

- ☐ Có
- ☐ Không

1.15 Quý vị đã từng đọc tài liệu hay có thông tin về người đồng tính, song tính, chuyển giới (LGBT) chưa?

- ☐ Có
- ☐ Không

1.16 Theo Quý vị thì những người đồng tính, song tính, chuyển giới là:

- ☐ a. Hiện tượng bình thường
- ☐ b. Biểu hiện của trạng thái “bệnh lý” về tinh thần hay thể chất
- ☐ c. Biểu hiện suy thoái về lối sống
- ☐ d. Đánh giá khác [xin nêu rõ]:

.....

1.17 Riêng đối với trường hợp của A thì là:

- ☐ a. Hiện tượng bình thường
- ☐ b. Biểu hiện của trạng thái “bệnh lý” về tinh thần hay thể chất
- ☐ c. Biểu hiện suy thoái về lối sống
- ☐ d. Đánh giá khác [xin nêu rõ]:

PHẦN II – CÂU HỎI PHÒNG VẤN

Câu 1: A có bộc lộ là muốn chung sống với người đồng giới không?

- ☐ 1.1 Chưa ☐ 1.2 Có

Câu 2: Quý vị có ủng hộ việc CHUNG SỐNG của các cặp đôi đồng giới không?

2.1 Đối với cộng đồng LGBT nói chung

- ☐ 2.1.1 Chưa rõ quan điểm
☐ 2.1.2 Ủng hộ
☐ 2.1.3 Không ủng hộ. Tại sao? [...]

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây] Chọn MỘT hoặc NHỮNG phương án sau

- ☐ a. Pháp luật và chính quyền không cho phép
☐ b. Không phù hợp với truyền thống của cộng đồng và gia đình
☐ c. Làm cho gia đình có người LGBT xấu hổ hoặc khó xử với cộng đồng xung quanh
☐ d. Sẽ gặp nhiều khó khăn và vấn đề phức tạp trong cuộc sống chung
☐ e. Không có tương lai tốt đẹp hay khả năng bền vững
☐ f. Lý do khác:

2.2 Riêng đối với trường hợp của X

- ☐ 2.2.1 Chưa rõ quan điểm
☐ 2.2.2 Ủng hộ
☐ 2.2.3 Không ủng hộ. Tại sao? [...]

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây] Chọn MỘT hoặc NHỮNG phương án sau

- ☐ a. Pháp luật và chính quyền không cho phép
☐ b. Không phù hợp với truyền thống của cộng đồng và gia đình
☐ c. Làm cho gia đình xấu hổ hoặc khó xử với cộng đồng xung quanh
☐ d. Sẽ gặp nhiều khó khăn và vấn đề phức tạp trong cuộc sống chung
☐ e. Không có tương lai tốt đẹp hay khả năng bền vững
☐ f. Lý do khác (nếu cụ thể):

Nếu Quý vị không ủng hộ mà A cứ tiến hành chung sống với bạn đời và thậm chí tìm cách làm đám cưới thì Quý vị xử sự thế nào?

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây]

- ☐ a. Tìm mọi cách ngăn cản, thậm chí tuyên bố đoạn tuyệt quan hệ ruột thịt
- ☐ b. Chấp nhận nhưng không giúp đỡ
- ☐ c. Chấp nhận và sẽ giúp đỡ nếu khó khăn
- ☐ d. Chưa biết
- ☐ e. Phương án khác:

.....

Câu 3: Quý vị có ủng hộ người LGBT CÓ CON HAY NHẬN CON NUÔI không?

3.1 Đối với cộng đồng LGBT nói chung

- ☐ 3.1.1 Chưa rõ quan điểm
- ☐ 3.1.2 Ủng hộ. Tại sao? [...]

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây]

- ☐ a. Họ có thể chăm sóc con cái như người khác (người dị tính)
- ☐ b. Họ là người bình thường nên họ có quyền nuôi con
- ☐ c. Các quy định pháp luật không hạn chế việc này
- ☐ d. Lý do khác **[xin nêu rõ]:**

.....

- ☐ 3.1.3 Không ủng hộ. Tại sao? [...]

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây]

- ☐ a. Họ không có khả năng chăm sóc con cái như người khác (người dị tính)
- ☐ b. Họ không bình thường nên không nên để họ nuôi con
- ☐ c. Các quy định pháp luật không cho phép họ
- ☐ d. Cơ quan nhà nước ở địa phương có thể ngăn cản việc này
- ☐ e. Đứa trẻ có thể sẽ bị kỳ thị
- ☐ f. Lý do khác **[xin nêu rõ]:**

.....

3.2 Riêng đối với trường hợp của X

- ☐ 3.2.1 Chưa rõ quan điểm

□ 3.2.2 Ủng hộ. Tại sao?

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây]

- ☐ a. A có thể chăm sóc con cái như người khác (người dị tính)
- ☐ b. A là người bình thường nên họ có quyền nuôi con
- ☐ c. Các quy định pháp luật không hạn chế việc này
- ☐ d. Lý do khác **[xin nêu rõ]:**

.....

□ 3.2.3 Không ủng hộ. Tại sao? [...]

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây]

- ☐ a. A không có khả năng chăm sóc con cái như người khác (người dị tính)
- ☐ b. A không bình thường nên không nên để A nuôi con
- ☐ c. Các quy định pháp luật không cho phép những người LGBT như A
- ☐ d. Cơ quan nhà nước ở địa phương có thể ngăn cản việc này
- ☐ e. Đứa trẻ có thể sẽ bị kỳ thị
- ☐ f. E ngại về thái độ của làng xóm, họ hàng và xã hội
- ☐ g. Lý do khác **[xin nêu rõ]:**

.....

Nếu Quý vị không ủng hộ mà A cứ tiến hành việc có con và nuôi con chung với bạn đời thì Quý vị xử sự thế nào?

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây]

- ☐ a. Không biết mình phải xử sự như thế nào
- ☐ b. Tìm mọi cách ngăn cản, thậm chí tuyên bố đoạn tuyệt quan hệ ruột thịt
- ☐ c. Chấp nhận nhưng không giúp đỡ
- ☐ d. Chấp nhận và sẽ giúp đỡ nếu khó khăn
- ☐ e. Phương án khác **[xin nêu rõ]:**

.....

Câu 4: Theo Quý vị, cơ quan nhà nước tại địa phương có hành vi nào ngăn cản việc nuôi con của người LGBT?

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây]

□ 4.1 Không thể mô tả rõ hành vi

□ 4.2 Có quyết định của Tòa án giao con của người LGBT cho người khác nuôi hoặc chấm dứt việc nuôi con nuôi của người LGBT

- ☐ 4.3 Có quyết định từ chối việc xin nhận con nuôi của người LGBT từ cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương
- ☐ 4.4 Không có quyết định từ chối việc xin nhận con nuôi của người LGBT nhưng không cho đăng kí khai sinh, nhập tịch đối với con nuôi
- ☐ 4.5 Hành vi khác [*xin nêu rõ*]:

.....

Câu 5: Quý vị có biết Luật Hôn nhân và Gia đình đang được thảo luận để sửa đổi, trong đó có nội dung tranh luận về công nhận việc LGBT chung sống không?

- ☐ 5.1 Có
- ☐ 5.2 Không

Câu 6: Quý vị có biết quy định xử phạt hành chính việc kết hôn của cặp đồng giới đã được bãi bỏ không?

- ☐ 6.1 Có
- ☐ 6.2 Không

Câu 7: Quý vị có mong muốn Luật Hôn nhân và Gia đình được sửa đổi theo hướng cho phép đăng ký kết hôn đồng giới không?

- ☐ 7.1 Chưa rõ quan điểm
- ☐ 7.2 Có
- ☐ 7.3 Không. Tại sao? [...]

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây]

- ☐ a. Chưa phải thời điểm yêu cầu này có thể được Quốc hội chấp thuận
- ☐ b. Dẫn đến nhiều hệ quả tiêu cực trong xã hội
- ☐ c. Lý do khác [*xin nêu rõ*]:

.....

Câu 8: Quý vị có ủng hộ việc sửa đổi các quy định pháp luật về nuôi con nuôi theo hướng cho phép cặp đôi đồng tính được nhận con nuôi chung?

- ☐ 8.1 Chưa rõ quan điểm
- ☐ 8.2 Có
- ☐ 8.3 Không. Tại sao? [...]

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây]

- ☐ a. Các cặp đôi LGBT sẽ gặp nhiều khó khăn trong nuôi dạy con
- ☐ b. Các cặp LGBT không phù hợp cho việc nuôi dạy con

☐c. Sẽ gây thiệt thòi cho đứa trẻ

☐d. Lý do khác [xin nêu rõ]:

.....
.....

Câu 9: Trong trường hợp Quốc hội không ghi nhận việc kết hôn hay thậm chí chung sống của các cặp đồng giới thì Quý vị sẽ tỏ thái độ hoặc có ý định hành động thế nào?

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây]

☐9.1 Chấp nhận vì cho đó là bình thường và có thể hiểu được

☐9.2 Bất bình bởi cho rằng quyền con người đã không được tôn trọng

☐9.3 Cho rằng cộng đồng LGBT chưa đủ mạnh và có tiếng nói đủ sức thuyết phục xã hội và Quốc hội hiểu và ủng hộ họ

☐9.4 Phương án khác:

.....

Câu 9.1. Trong trường hợp trên, Quý vị sẽ có thái độ, hành vi cụ thể với A như thế nào?

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây]

☐a. Sẽ kiên nhẫn chờ đợi, đồng thời ngăn cản A chung sống, kết hôn và có con cho đến khi pháp luật cho phép

☐b. Vẫn đồng ý cho A chung sống với bạn đời, kết hôn và có con chung

☐c. Phương án khác:

.....

Câu 10: Nếu mong muốn Quốc hội thông qua việc sửa đổi Luật như nói ở trên thì bản thân Quý vị có sẵn sàng ủng hộ cộng đồng LGBT hay bản thân lên tiếng công khai đề yêu cầu và thuyết phục các Đại biểu Quốc hội không?

☐10.1 Có

☐10.2 Không. Tại sao? [...]

[Người phỏng vấn kiểm tra xem lý do được đưa ra có trùng với các gợi ý trả lời nào dưới đây]

☐a. Sợ A bị tiết lộ danh tính và bị kỳ thị

☐b. Không tin rằng được Quốc hội chấp thuận

☐c. Lý do khác [xin nêu rõ]:

.....

Xin cảm ơn Quý vị!

PHẦN III: THÔNG TIN VỀ NGƯỜI PHỎNG VẤN

- Ngày/giờ phỏng vấn:

- **Địa điểm phỏng vấn:**
 - ☐ Hà Nội
 - ☐ TP Hồ Chí Minh
 - ☐ Cần Thơ
- **Người phỏng vấn (Họ, tên và chữ ký):**
- **Nhóm trưởng (Họ, tên và chữ ký):**